

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch

PGS.TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Các Ủy viên

TS. NGUYỄN ĐỨC HIỂN

THS. LÊ THANH TÙNG

THS. BÙI QUỐC DŨNG

TS. ĐẶNG ĐỨC LONG

TS. NGUYỄN TÚ ANH

THS. NGUYỄN VĂN TIẾN

THS. HÀ HẢI AN

TS. ĐOÀN NGỌC XUÂN

PGS.TS NGÔ TRÍ TUỆ

GS.TS. LÊ QUỐC HỘI

PGS.TS. PHAN CHÍ ANH

Tổng Biên tập:

PGS.TS. Ngô Trí Tuệ

Thư ký Tòa soạn:

Đặng Việt Dũng

Tòa soạn:

Tầng 9, tòa nhà A3,
phố Nguyễn Cảnh Chân,

quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080 44754

Mỹ thuật:

Mai Văn Bình

Thư Tòa soạn,

Quý bạn đọc kính mến!

Trên tay quý bạn đọc là Tạp chí Kinh tế số 72 - ấn phẩm được xuất bản trong giai đoạn đất nước ta đang thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp, tạo chuyển biến tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực trong năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Trong số này, Tạp chí Kinh tế xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc bài phát biểu “Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang và anh hùng, tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh toàn diện, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước” của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Bài phát biểu nhấn mạnh những yêu cầu, nhiệm vụ mới đặt ra cho giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn trong thời gian tới; trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm chăm lo, xây dựng, phát huy vai trò, sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Theo dòng sự kiện, bài viết “Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới” được giới thiệu nhằm đánh giá kết quả đạt được, rút ra bài học kinh nghiệm và đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

Chuyên mục Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam giới thiệu với bạn đọc: Bài viết về kinh tế Việt Nam và chiến lược hướng ngoại với các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trong tầm nhìn dài hạn; Bài viết về những điểm nhấn của kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2023 với những triển vọng tích cực năm 2024, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

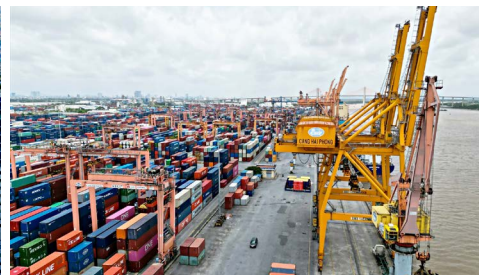
Chuyên mục Thực tiễn – Kinh nghiệm giới thiệu kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh trong phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách ưu việt, nhân văn của Đảng và Nhà nước ta. Chuyên mục cũng giới thiệu bài phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới năng suất lao động ở Việt Nam để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Chuyên mục Thông tin quốc tế giới thiệu: Bài nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về liên kết vùng, phát triển vùng ở một số nước châu Âu và nêu các đề xuất, kiến nghị gắn với thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam; Bài viết về phát triển đô thị công nghệ cao ở một số nước châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Bài nghiên cứu tổng quan về phòng, chống tội phạm có tổ chức lưng đọa nhà nước trên thế giới và đề xuất các giải pháp phòng, chống loại tội phạm này ở Việt Nam. Chuyên mục cũng giới thiệu với bạn đọc công trình nghiên cứu đoạt Giải Nobel Kinh tế năm 2023.

Tạp chí Kinh tế rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp của quý bạn đọc để có thể phục vụ ngày càng tốt hơn.

Trân trọng.

TẠP CHÍ KINH TẾ



TRONG SỐ NÀY

04. NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh

11. ĐỖ NGỌC AN

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới

TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

18. NGUYỄN TÚ ANH

Kinh tế Việt Nam 2023 và chiến lược hướng ngoại

24. NGUYỄN MINH PHONG

Kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2023
- Triển vọng năm 2024

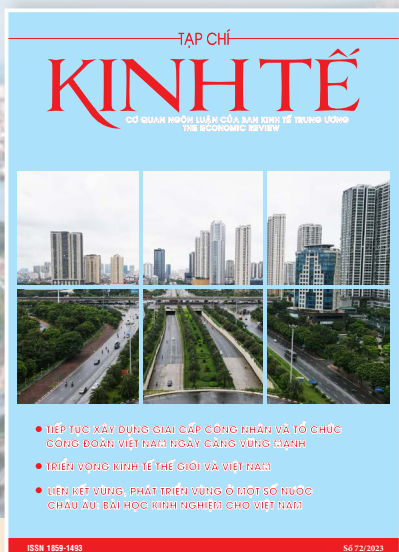
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

32. MAI THỊ HƯƠNG GIANG

Thành phố Hồ Chí Minh phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm"

38. ĐINH THẾ HIỂN VÀ NGUYỄN HOÀNG HIỆP

Những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động ở Việt Nam



Thiết kế bìa 1: Mai Văn Bình



THÔNG TIN QUỐC TẾ

- 41. NGUYỄN HỒNG SƠN VÀ NHÓM CÔNG TÁC**
Liên kết vùng, phát triển vùng ở một số nước châu Âu: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam
- 49. ĐẬU VĂN CÔI**
Tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước - Nguy cơ và giải pháp phòng, chống

- 55. PHẠM THỊ THANH BÌNH**
Phát triển đô thị công nghệ cao ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore: Kinh nghiệm cho Việt Nam
- 64. VIỆT DŨNG**
Giải Nobel Kinh tế năm 2023 với công trình nghiên cứu về bất bình đẳng về tiền lương giữa nam và nữ



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu chỉ đạo Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam.

Ảnh: TTXVN

TIẾP TỤC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM NGÀY CÀNG VỮNG MẠNH^(*)

● NGUYỄN PHÚ TRỌNG^(**)

Sáng 2/12, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã tới dự và phát biểu chỉ đạo tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028. Tạp chí Kinh tế trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu “Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang và anh hùng, tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh toàn diện, xứng đáng là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

(*) Đầu đề do tòa soạn đặt

(**) Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị đại biểu, các vị khách quý,

Cùng toàn thể các đồng chí,

Hôm nay, giữa lòng Thủ đô Hà Nội - nơi lắng hồn núi sông ngàn năm, Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người, hào hoa và thanh lịch, văn hiến và anh hùng, Công đoàn Việt Nam long trọng tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2023 - 2028) - một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của giai cấp công nhân, người lao động và tổ chức Công đoàn Việt Nam. Trước hết, tôi xin được thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý và 1.100 đại biểu ưu tú đại diện cho ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của giai cấp công nhân, người lao động cả nước và tổ chức công đoàn các cấp về dự Đại hội. Qua các đồng chí, cho tôi gửi tới toàn thể cán bộ, đoàn viên, công nhân, viên chức, người lao động cả nước lời chào thân ái, lời thăm hỏi chân tình và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Như chúng ta đều biết, Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và người lao động do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Trải qua hơn 94 năm xây dựng, hoạt động, trưởng thành và phát triển, chúng ta có quyền tự hào

và khẳng định rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, tuyệt đối trung thành với Đảng và giai cấp, có những đóng góp xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cách mạng, góp phần quan trọng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh. Trong giai đoạn đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng hiện nay, vai trò, vị thế của tổ chức Công đoàn càng được khẳng định, phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm kỳ 2018 - 2023 vừa qua, hoạt động của tổ chức Công đoàn và đoàn viên, người lao động diễn ra trong bối cảnh có nhiều điểm đặc biệt. Những năm đầu của nhiệm kỳ, các cấp công đoàn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Công đoàn Việt Nam có nhiều thuận lợi; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng khá. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát, cùng tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột vũ trang xảy ra ở nhiều nơi; sự suy giảm kinh tế, thương mại và lạm phát toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện đến việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên, người lao động và hoạt động công đoàn. Vào cuối nhiệm kỳ, tình trạng thiếu việc làm của người lao động diễn ra trên diện rộng, số người lao động phải rời các doanh nghiệp về quê hoặc chuyển sang khu vực phi chính

thức tăng nhanh. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp đúng đắn, quyết liệt duy trì việc làm, bảo đảm thu nhập, giảm thiểu khó khăn cho người lao động. Đặc biệt, ngày 12/6/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam, tạo cơ sở chính trị vững chắc để đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Quán triệt các nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, các cấp công đoàn cả nước đã vượt mọi khó khăn, đổi mới sáng tạo, triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm các mặt công tác, cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra. Ngay sau Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tổ chức tuyên truyền, học tập, quán triệt, xây dựng các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tập trung thực hiện 3 khâu đột phá và các nhiệm vụ trọng tâm; tạo chuyển biến mới trong hoạt động công đoàn. Các hoạt động công đoàn đã hướng mạnh về cơ sở, mở rộng và đầu tư nhiều hơn cho khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, tập trung vào hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, người lao động. Với việc không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, các cấp công đoàn tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế vững chắc trong lòng đoàn viên, người lao động, nhất là

trong thời điểm người lao động cả nước phải chống chọi với đại dịch COVID-19. Mô hình tổ chức bộ máy của Công đoàn ngày càng được hoàn thiện; chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn từng bước được nâng cao. Trên khắp các lĩnh vực đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình tiên tiến, công nhân, viên chức, lao động đi đầu và thành công trong lao động, sản xuất, kinh doanh; khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn trong hệ thống chính trị, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Công đoàn Việt Nam.

Những thành tích đó không chỉ là kết quả sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, công nhân, lao động, của tổ chức công đoàn, mà còn là minh chứng khẳng định vị trí, vai trò và trách nhiệm to lớn của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển

đất nước. Nhân dịp này, tôi xin được thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhiệt liệt hoan nghênh, chúc mừng, biểu dương và đánh giá cao những nỗ lực, cố gắng và thành tích, tiến bộ của phong trào công nhân và hoạt động công đoàn cả nước trong nhiệm kỳ qua.

Thưa các đồng chí,

Bên cạnh những kết quả, thành tích đã đạt được, chúng ta cũng cần thẳng thắn thừa nhận, hoạt động của công đoàn và phong trào công nhân vẫn còn một số hạn chế, bất cập, cần sớm có giải pháp khắc phục, trong đó có cả những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra từ nhiều nhiệm kỳ nay. Cụ thể là: Về mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn có mặt chậm được đổi mới, chưa bắt kịp sự chuyển đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội và quan

hệ lao động. Một bộ phận cán bộ công đoàn còn thiếu sâu sát; năng lực hạn chế, chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, gần gũi với người lao động, thiếu kỹ năng hoạt động công đoàn. Do đó, không nắm được tâm tư, nguyện vọng và không phát huy đầy đủ vai trò đại diện bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Về chất lượng đội ngũ công nhân, người lao động nước ta cũng có những dấu hiệu hụt hẫng và bất cập; còn không ít những đoàn viên, người lao động có trình độ nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở chưa tương xứng với sự phát triển của doanh nghiệp, người lao động, nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (theo thống kê thì hiện nay tỉ



lệ các doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn còn rất thấp); nhiều nơi chất lượng đoàn viên chưa cao, nhất là về nhận thức chính trị; cá biệt còn một số bị các thế lực xấu, thù địch tác động, lôi kéo, kích động, làm những việc sai trái, gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Những tồn tại, hạn chế trên đây có trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, đặc biệt là trách nhiệm của tổ chức công đoàn. Tôi đề nghị Đại hội cần quan tâm thảo luận, phân tích kỹ các nguyên nhân tồn tại, hạn chế, rút ra các bài học kinh nghiệm, để từ đó đề ra các giải pháp khắc phục cho bằng được trong nhiệm kỳ này.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đều biết, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định mục tiêu phát triển đất nước: Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam): Trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để thực hiện được mục tiêu cao cả đó, hơn lúc nào hết, công nhân, lao động và tổ chức công đoàn nước ta cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn nữa về vị trí, vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình, chung tay xây dựng Công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh toàn diện, xứng đáng là tổ chức đại diện lớn nhất, trung tâm tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân và người lao động cả nước; là

lực lượng tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tôi rất hoan nghênh, đánh giá cao và cơ bản đồng tình với Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XII trình Đại hội, đặc biệt là nội dung, giải pháp và các nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ tới. Tôi chỉ xin nhấn mạnh và gợi mở thêm một số vấn đề, mong được các đồng chí quan tâm, xem xét, quyết định:

Một là, trong việc chỉ đạo và triển khai hoạt động công đoàn, cần nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ, rằng Công đoàn Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý; vừa là tổ chức chính trị - xã hội, vừa là tổ chức đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Hoạt động của Công đoàn đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng; Công đoàn cần tích cực phối hợp với Nhà nước, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và người sử dụng lao động để chăm lo, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người lao động. Trong quá trình tổ chức hoạt động, Công đoàn phải phát huy quyền làm chủ của người lao động, hướng tới mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Quan tâm nghiên cứu tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa, làm sao để tổ chức Công đoàn các cấp thực sự là hạt nhân tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân và người lao động trong cả nước.

Hai là, tiếp tục coi trọng và đổi mới hơn nữa nội dung, cách làm trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, hiện đại.

Công đoàn phải giúp cho mỗi đoàn viên, người lao động nhận thức sâu sắc hơn về Đảng, về chế độ, về giai cấp, về tổ chức công đoàn, trách nhiệm công dân, không ngừng nỗ lực trong học tập, lao động, công tác, tích cực tham gia các phong trào thi đua,... để đóng góp cho sự phát triển của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và đất nước; từ đó nâng cao thu nhập, đời sống của mình và gia đình. Các hình thức tuyên truyền, vận động, giáo dục cần đa dạng, quan tâm ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với các phương thức, hình thức truyền thống, nhất là đi sâu, đi sát, cùng làm việc, sinh hoạt, chia sẻ, vận động đoàn viên, người lao động. Đổi mới hình thức tuyên truyền, đưa chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với công nhân, viên chức, người lao động; nhất là việc kiên trì, sáng tạo trong



tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cụ thể hóa các tiêu chí cho phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, người lao động; xây dựng các mô hình phù hợp, kịp thời phát hiện và biểu dương, khen thưởng các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác.

Ba là, các cấp công đoàn phải khẳng định được vai trò đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Mỗi cán bộ công đoàn phải luôn luôn đặt ra cho mình câu hỏi và trả lời: Người lao động vào tổ chức công đoàn để làm gì và có quyền lợi gì? Phải chăng đó là để họ được giáo dục, học tập, rèn luyện và trưởng thành; được gửi gắm tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và quyền lợi của mình với công đoàn; tin tưởng công đoàn

sẽ đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho mình. Đằng sau câu hỏi đó phải là những nỗ lực của tổ chức công đoàn, của cán bộ công đoàn để thực sự mang lại quyền lợi, niềm tin cho người lao động. Vai trò đại diện của tổ chức công đoàn thể hiện trước hết ở sự tích cực tham gia xây dựng chính sách, luật pháp; tham gia xây dựng các quy chế, quy định, nội quy lao động ở từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, để chuyển tải mong muốn, nguyện vọng, phát huy cao nhất quyền làm chủ của người lao động. Kịp thời giám sát, giải quyết và kiến nghị giải quyết những vấn đề quan tâm, bức xúc của người lao động. Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đối thoại và thương lượng tập thể, mở rộng diện bao phủ thỏa ước lao động tập thể mang lại lợi ích cho người lao động. Luôn luôn quan tâm cải thiện điều

kiện làm việc, nhà ở, y tế,... bảo đảm an toàn cho người lao động. Tích cực tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ tại doanh nghiệp, hạn chế ngừng việc tập thể; không để các phần tử xấu lợi dụng, lôi kéo, kích động công nhân, lao động làm những hành vi trái pháp luật.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn có những diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn, đe dọa sự ổn định về việc làm và cơ hội nâng cao thu nhập của người lao động, tôi đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần quan tâm nghiên cứu, xây dựng các chương trình phúc lợi dài hạn; tập trung chăm lo, hỗ trợ toàn diện cho đoàn viên, người lao động, nhất là những người có hoàn cảnh khó khăn, bị tai nạn lao động, mắc bệnh nghề nghiệp, ốm đau dài ngày. Việc chăm lo của Công



đoàn phải cụ thể, chu đáo, thiết thực, quan tâm đến từng bữa ăn, giấc ngủ, niềm vui, nỗi buồn của đoàn viên, người lao động và gia đình của họ. Từ đó thu hút, tập hợp và phát triển đoàn viên công đoàn, nhất là đội ngũ công nhân, người lao động ngoài khu vực nhà nước, bảo đảm gắn kết chặt chẽ đoàn viên, người lao động với tổ chức công đoàn.

Bốn là, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa mô hình tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động công đoàn để phù hợp với cơ cấu lao động, loại hình doanh nghiệp, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân, người lao động và yêu cầu hội nhập quốc tế. Trước sự xuất hiện những hình thức mới của việc làm, quan hệ việc làm, sự thay đổi về nhu cầu tập hợp, liên kết của người lao động và thiết chế cho phép hình thành tổ chức đại diện

người lao động độc lập ngoài công đoàn trong doanh nghiệp, Công đoàn các cấp phải căn cứ vào nhu cầu, nguyện vọng của người lao động để xác định mô hình tổ chức, nội dung, mục tiêu và phương thức hoạt động phù hợp. Xây dựng mô hình tổ chức công đoàn theo hướng mở, linh hoạt, năng động; quan tâm thí điểm một số mô hình mới để thu hút, tập hợp đoàn viên, người lao động. Phương thức hoạt động công đoàn cần linh hoạt, không ngừng sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, người lao động; hướng mạnh về cơ sở, nắm chắc cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công đoàn, cần có giải pháp cụ thể đổi mới phương pháp, tác phong công tác của cán bộ công đoàn, nhất là cán bộ chuyên trách và

cán bộ công đoàn cơ sở. Coi trọng cải cách hành chính; kiên quyết chống quan liêu, bệnh hình thức và bệnh thành tích trong hoạt động công đoàn. Triển khai sâu sắc, toàn diện, thực chất các hoạt động công đoàn, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cốt lõi, trọng tâm, mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động; xây dựng niềm tin, tạo sự gắn kết giữa người lao động với tổ chức công đoàn để Công đoàn Việt Nam thực sự là tổ chức của người lao động, do người lao động và vì người lao động.

Năm là, với vị thế là một tổ chức chính trị - xã hội, là cơ sở chính trị vững chắc của Đảng, Nhà nước và Chế độ, hơn ai hết, Công đoàn phải phát huy và làm tốt hơn nữa việc tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, coi đây cũng là trách nhiệm và quyền lợi chính trị của đoàn viên,

công nhân, viên chức, người lao động và tổ chức công đoàn. Các cấp công đoàn phải tích cực đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện thật tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; góp ý với đảng viên, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ với hình thức phù hợp, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh. Tăng cường giới thiệu để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những cán bộ, đoàn viên công đoàn ưu tú, xuất sắc; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên tiên tiến, nòng cốt trong các doanh nghiệp, đơn vị ngoài khu vực nhà nước, ngoài công lập.

Để đáp ứng công tác chỉ đạo hoạt động công đoàn trong bối cảnh mới, đòi hỏi đội ngũ cán bộ công đoàn cần đủ về số lượng, không ngừng nâng cao về chất lượng. Công tác cán bộ công đoàn cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, có sự phối hợp chặt chẽ giữa công đoàn cấp trên với cấp uỷ trong công tác cán bộ công đoàn. Cán bộ công đoàn phải được lựa chọn kỹ càng, thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, tập huấn nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng, bản lĩnh, có phẩm chất,

năng lực, có tư duy, tầm nhìn, nhiệt huyết, trách nhiệm, vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, nắm chắc luật pháp, am hiểu về công tác công đoàn; có kỹ năng, phương pháp vận động quần chúng tốt, có năng lực xử lý tình huống để dẫn dắt, truyền cảm hứng cho đoàn viên, người lao động.

Thưa các đồng chí,

Một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đại hội Công đoàn lần này là bầu ra Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XIII. Tôi đề nghị các đồng chí đại biểu dự Đại hội nêu cao trách nhiệm, sáng suốt, công tâm lựa chọn những đồng chí thật sự tiêu biểu về bản lĩnh, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có năng lực, uy tín, nhiệt tình và trách nhiệm cao vào Ban Chấp hành.

Với quan điểm xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh và giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới là trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội, tôi đề nghị các Ban Đảng Trung ương; các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, hỗ trợ hoạt động của Công đoàn các cấp, đặc biệt là chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn; phân công những đồng chí có đủ năng lực, phẩm chất, có uy tín, có kiến thức và kinh nghiệm hoạt động công đoàn làm cán bộ chủ chốt công đoàn các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công nhân, công đoàn; chỉ đạo chính quyền và các cơ quan liên quan kịp thời giải quyết các vấn đề mà đoàn viên, người lao động quan tâm, bức xúc; tạo mọi điều kiện để công đoàn hoạt động, nhất là hỗ trợ, chăm lo, bảo đảm phúc lợi xã hội cho người lao động.

Với truyền thống vẻ vang của Công đoàn Việt Nam suốt 94 năm qua, cùng những thành tựu to lớn đã đạt được và tinh thần “Đổi mới - Dân chủ - Đoàn kết - Phát triển” của Đại hội lần này, tôi tha thiết mong muốn và tin tưởng rằng, nhiệm kỳ 2023 - 2028, nhiệm kỳ hướng tới kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, tổ chức Công đoàn và phong trào công nhân, lao động Việt Nam chắc chắn sẽ có bước phát triển mới, lập nên những thành tích to lớn và ấn tượng hơn nữa, đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân với đất nước và dân tộc; xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tôi xin chúc Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIII của chúng ta thành công tốt đẹp và chắc chắn sẽ thành công tốt đẹp!

Chúc các vị khách quý cùng toàn thể các đồng chí đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thắng lợi!

Tôi xin trân trọng cảm ơn!
(Theo TTXVN)



XÂY DỰNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG HÀI HÒA, ỔN ĐỊNH VÀ TIẾN BỘ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● **ĐỖ NGỌC AN^(*)**

Năm 2019, qua tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp cho thấy tình hình quan hệ lao động trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều tồn tại. Nhiều nơi, chủ doanh nghiệp vi phạm pháp luật về lao động, nhất là về bảo hiểm, tiền lương, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Tranh chấp lao động tập thể, đình công, khiếu kiện không theo trình tự thủ tục pháp luật còn phát sinh và diễn biến phức tạp. Đối thoại, thương lượng giữa đại diện tập thể lao động và người sử dụng lao động vẫn còn hình thức, chưa thực chất. Một bộ phận công đoàn tại doanh nghiệp năng lực đối thoại, thương lượng, bảo vệ quyền và

(*) Nguyên Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động còn hạn chế. Quản lý nhà nước về lao động, vai trò hỗ trợ phát triển về quan hệ lao động chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Việc thể chế hóa, triển khai thực hiện một số nội dung quan hệ lao động theo các cam kết quốc tế chưa đầy đủ. Đời sống của một bộ phận người lao động còn khó khăn, dễ bị các đối tượng xấu lợi dụng, kích động.

Để tiếp tục xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong bối cảnh mới, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ngày 03/9/2019 Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 37-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

Đến nay sau 4 năm triển khai thực hiện, việc xây dựng quan hệ lao động theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 37-CT/TW đã đạt được những kết quả tích cực:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐỀ RA TRONG CHỈ THỊ

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền để nâng cao nhận thức, thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền trực thuộc Trung ương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, đã ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW và coi đây là nhiệm vụ

vừa cấp bách, vừa lâu dài, có vai trò quan trọng trong việc giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ lao động.

- Hằng năm Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đều có chỉ đạo, đôn đốc các địa phương xây dựng các nhiệm vụ cụ thể về phát triển quan hệ lao động để đưa vào kế hoạch hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức kiểm tra, giám sát, nắm tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển quan hệ lao động của các địa phương, qua đó có những đề xuất về xây dựng chính sách và tổ chức quản lý để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xử lý những vấn đề quan hệ lao động phát sinh.

1.2. Công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động

- Công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, về quan hệ lao động được các cơ quan trung ương và địa phương

thực hiện đa dạng thông qua nhiều kênh khác nhau. Nội dung thông tin, tuyên truyền, tập trung theo 3 nhóm chính: (i) Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; (ii) Chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, quan hệ lao động (iii) Tình hình tổ chức triển khai thực hiện các nội dung phát triển quan hệ lao động ở doanh nghiệp và địa phương.

- Công tác thông tin, tuyên truyền đã góp phần quan trọng tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động; định hướng, vận động, tập hợp người lao động, người sử dụng lao động trong xây dựng quan hệ lao động; ngăn chặn, phản bác các thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ lao động và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quan hệ lao động

- Bộ luật lao động được ban hành năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành là một trong

những cơ sở pháp lý quan trọng để vận hành các cơ chế, thiết chế về quan hệ lao động và xác lập các điều kiện lao động cho phù hợp với kinh tế thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Các nội dung điều chỉnh về quan hệ lao động trong hệ thống pháp luật lao động, đặc biệt là Bộ luật Lao động năm 2019 đã được điều chỉnh tiệm cận với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, phù hợp với cơ chế thị trường và điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam, bảo đảm tôn trọng tối đa quyền của các bên trong quan hệ lao động và quyền của người lao động được tham gia thành lập tổ chức của người lao động trong doanh nghiệp.

2.2. Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động

- Tổ chức, bộ máy, biên chế làm công tác quan hệ lao động từ Trung ương đến địa phương đã từng bước được củng cố, kiện toàn: Đã hình thành được hệ thống các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quan hệ lao động từ trung ương đến địa phương; Nhiệm vụ về quan hệ lao động được xác lập rõ ràng theo từng cấp; biên chế làm công tác quan hệ lao động cũng được xác định rõ ràng vị trí việc làm.

- Phương thức quản lý nhà nước về quan hệ lao động có sự chuyển biến tích cực, theo hướng: Tập trung hoàn thiện thể chế, tạo lập khung khổ pháp lý về quan hệ lao động; giảm thiểu hoạt động mang tính can thiệp hành chính các bên trong quan hệ lao động; tăng cường kết hợp chức năng quản lý và chức năng hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

- Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đối với đội ngũ làm công tác quan hệ lao động được quan tâm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng được các bộ tài liệu nghiệp vụ để bồi dưỡng cho từng nhóm đối tượng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về lao động tiếp tục được củng cố, tăng cường, phương thức thực hiện được thống nhất giữa Trung ương và địa phương và có sự phối hợp giữa 3 bên, liên ngành, phối hợp thanh tra ở địa phương với thanh tra viên độc lập theo vùng; kết hợp các hình thức trực tiếp và tự kiểm tra.

- Các thiết chế ba bên cấp quốc gia được củng cố, kiện toàn để thực hiện tốt hơn chức năng tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lương tối thiểu, chính sách tiền lương



đối với người lao động và xây dựng quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

- Công tác quản lý tổ chức đại diện người lao động (bên cạnh tổ chức công đoàn) từng bước được triển khai.

- Các cơ chế, chính sách về hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động, công trình phúc lợi xã hội, các thiết chế công đoàn, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động được quan tâm triển khai.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

- Tổ chức công đoàn đã chủ động đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, lề lối làm việc theo hướng dân chủ, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo và tổ chức hoạt động, đáp ứng yêu cầu cụ thể của tình hình thực tiễn quan hệ lao động.

- Các quy chế, chương trình phối hợp giữa tổ chức công đoàn với Chính phủ, các ban, bộ ngành, đoàn thể trung ương, cấp ủy, chính quyền, chuyên môn tại địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được tăng cường, phát huy tốt, góp phần tạo sự quan tâm chỉ đạo đồng bộ, kịp thời, nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn nói chung, trong quan hệ lao động nói riêng.

- Công tác phát triển đoàn viên công đoàn được chú trọng, triển khai nhiều giải pháp mới, đạt một số kết quả quan trọng.

Tính đến hết năm 2022, cả nước có 11.071.635 đoàn viên công đoàn và 124.889 công đoàn cơ sở.

- Công tác tài chính công đoàn từng bước đổi mới theo định hướng chú trọng hiệu quả, công khai minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc phân phối và sử dụng nguồn tài chính công đoàn được thực hiện minh bạch, theo hướng tăng dần cho công đoàn cấp dưới, đặc biệt là công đoàn cơ sở.

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

- Công tác hướng dẫn, hỗ trợ thúc đẩy đối thoại, thương lượng được cơ quan nhà nước, tổ chức công đoàn ở các địa phương quan tâm, hỗ trợ thông qua nhiều hoạt động khác nhau; các hoạt động đối thoại được thúc đẩy cả ở cấp doanh nghiệp và cấp ngoài doanh nghiệp.

- Việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể có nhiều chuyển biến tích cực. Các cuộc thương lượng đã từng bước đi vào thực chất hơn, tập trung vào những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động, như: tiền lương, thưởng, tăng thêm ngày nghỉ có hưởng lương, phúc lợi... Số lượng các bản thỏa ước lao động tập thể ở doanh nghiệp tăng dần qua các năm.

5. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

- Các thiết chế giải quyết tranh chấp lao động được củng cố, kiện toàn để đáp ứng tốt hơn

yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động trong tình hình mới. Tính đến hết năm 2022, đã có 49 tỉnh/thành phố kiện toàn lại được hệ thống hòa giải lao động, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại được 1.639 hòa giải viên lao động; 32 tỉnh/thành phố thành lập được Hội đồng trọng tài lao động theo quy định mới. Sau kiện toàn, các thiết chế này đã từng bước vận hành và phát huy vai trò trong giải quyết tranh chấp lao động.

- Các cấp công đoàn đã tích cực trong việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ công đoàn tham gia hòa giải viên lao động, hội đồng trọng tài lao động, tham gia hội thẩm nhân dân các cấp.

- Một số địa phương đã hình thành đầu mối tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 để tiếp nhận, phân loại, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ các bên trong giải quyết tranh chấp lao động và kết nối bộ phận này với thiết chế giải hòa giải, trọng tài lao động để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp lao động; chế độ chính sách đối với người làm công tác giải quyết tranh chấp lao động được quan tâm, cải thiện.

- Cơ chế giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công từng bước được chuyển đổi, giảm dần các biện pháp can thiệp hành chính trực tiếp từ phía các cơ quan nhà nước sang hỗ trợ, thúc đẩy các bên thương lượng để tự giải quyết tranh chấp hoặc hướng dẫn các bên

giải quyết thông qua các thiết chế luật định.

- Tình hình tranh chấp lao động tập thể và đình công giảm nhiều so những giai đoạn trước đây và ít có biến động (năm 2019 là 98 cuộc; 2020 là 122 cuộc; năm 2021 là 71 cuộc; năm 2022 là 94 cuộc). Khi đình công xảy ra đều được hỗ trợ giải quyết kịp thời, không để xảy ra tình trạng mất an ninh, trật tự trên diện rộng.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ, TỔN TẠI

- Một số nội dung của Chỉ thị 37-CT/TW còn chậm được thực hiện, hệ thống pháp luật điều chỉnh về quan hệ lao động còn chưa bảo đảm tính đồng bộ. So với yêu cầu hội nhập và cam kết quốc tế, một số nội dung về quan hệ lao động, nhất là vấn đề bảo đảm quyền của người lao động tham gia thành

lập và hoạt động trong tổ chức đại diện, mới được nội luật hóa bước đầu.

- Tình hình quan hệ lao động trong các doanh nghiệp tuy có chuyển biến nhưng còn thiếu tính bền vững; một bộ phận người sử dụng lao động còn tình trạng vi phạm các quy định pháp luật về lao động.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động nói chung và quản lý tổ chức của người lao động nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu, cả về số lượng và năng lực chuyên môn; việc sắp xếp, bố trí biên chế thực hiện công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động còn bất cập.

- Hệ thống thông tin dữ liệu phục vụ đánh giá, quản lý lao động chưa đáp ứng yêu cầu, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về quan

hệ lao động còn chậm, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc xây dựng, tích hợp hình thành hệ thống thông tin chưa chặt chẽ cả ở cấp Trung ương và địa phương.

- Các chính sách hỗ trợ về nhà ở, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội còn chưa được đầu tư thỏa đáng, chưa đáp ứng được nhu cầu của phần lớn công nhân lao động.

- Mô hình tổ chức công đoàn bộc lộ những bất cập trước yêu cầu mới; vai trò của tổ chức công đoàn cơ sở ở đa số doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI còn mờ nhạt; số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tình hình mới; cán bộ công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp hầu hết là kiêm nhiệm, do doanh nghiệp trả lương,



nên né tránh, ngại va chạm với chủ doanh nghiệp, một bộ phận trình độ, kỹ năng còn hạn chế, chưa phát huy năng lực đối thoại, thương lượng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; công tác phát triển đoàn viên còn nhiều hình thức, thành lập công đoàn cơ sở nhiều nơi chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể ở nhiều doanh nghiệp còn mang tính hình thức, chưa thực chất. Đa số các nội dung mang ra đối thoại, thương lượng chủ yếu xuất phát từ phía người sử dụng lao động, rất ít các quyền lợi của người lao động có được xuất phát từ thương lượng thực chất; vai trò của tổ chức công đoàn cơ sở trong nhiều doanh nghiệp còn mờ nhạt khi tham gia vào các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể để bảo vệ quyền lợi của người lao động.

- Tình hình tranh chấp lao động tập thể, đình công tuy có xu hướng giảm song vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn; tính chất các cuộc đình công chuyển dần từ tranh chấp về quyền sang tranh chấp về lợi ích, làm cho sự phức tạp trong giải quyết tranh chấp lao động càng ngày càng tăng.

- Việc giải quyết tranh chấp lao động theo cơ chế quan hệ lao động tuy có sự dịch chuyển song vẫn còn khá chậm, nhiều tranh chấp lao động hiện nay chủ yếu vẫn giải quyết qua đường hành chính hoặc giải quyết khiếu nại tố cáo, dẫn tới ở một địa phương, mặc dù thiết

chế hòa giải, trọng tài lao động được kiện toàn song gần như không hoạt động do không có vụ việc đề nghị giải quyết tranh chấp thông qua kênh quan hệ lao động; hoạt động tham gia giải quyết tranh chấp lao động chủ yếu tập trung ở công đoàn cấp trên cơ sở.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của những kết quả tích cực

- Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị tiếp tục dành nhiều sự quan tâm trong triển khai thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW.

- Các chủ thể trong quan hệ lao động đa số có nhận thức rõ ràng và bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển quan hệ lao động trong tình hình mới, qua đó đề ra các giải pháp thực hiện phù hợp, hiệu quả.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Việc triển khai Chỉ thị 37-CT/TW trong bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều bất lợi như tình hình dịch bệnh, thiên tai, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, kinh tế suy thoái, tình hình an ninh, chính trị thế giới có nhiều biến động... tác động tiêu cực tới sản xuất, kinh doanh dẫn đến khó khăn để đối thoại, thương lượng những nội dung tốt hơn cho người lao động.

- Một số nội dung về quan hệ lao động trong bối cảnh mới chưa được nhận thức đầy đủ, rõ ràng về nội dung, cách thức tổ chức thực hiện theo các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam

kết quốc tế về lao động mà Việt Nam tham gia.

- Ở một số nơi, sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền còn chưa kịp thời, đúng mức; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành còn thiếu chặt chẽ, quyết liệt; việc bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW chưa tương xứng với nhiệm vụ đề ra; một số quy định pháp luật lao động còn thiếu, hoặc chậm ban hành, có nội dung chưa phù hợp thực tiễn nên khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Cơ cấu, tổ chức đại diện người sử dụng lao động vừa thiếu, vừa nhiều chủ thể dẫn đến khó khăn trong việc hợp tác của các cấp công đoàn, nhất là ở cấp tỉnh; một bộ phận người sử dụng lao động cố tình tránh né việc thực hiện quy định của pháp luật về quan hệ lao động, quy chế dân chủ, chăm lo phúc lợi bắt buộc với người lao động; trình độ, ý thức, kỷ luật lao động của một bộ phận người lao động còn hạn chế nên không hiểu, biết và nhận thức đầy đủ về quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ trong quan hệ lao động.

- Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế; thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; xử phạt vi phạm chưa đủ sức răn đe. Đội ngũ hòa giải viên lao động, trọng tài lao động còn thiếu, chưa chuyên nghiệp, chưa đáp ứng việc hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động; tư duy, nhận thức của một bộ phận cán bộ làm

nhiệm vụ quan hệ lao động còn chậm chuyển biến, thiếu quan tâm, không đầu tư nguồn lực, “coi nhẹ” công tác quan hệ lao động.

- Một số công đoàn cấp trên cơ sở và công đoàn cơ sở chưa làm tốt việc tập hợp, lấy ý kiến cán bộ, đoàn viên, người lao động để góp ý xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; cán bộ công đoàn đặc biệt là cán bộ công đoàn cơ sở còn yếu, hoặc chủ yếu tập trung thực hiện hoạt động chuyên môn, không dám đấu tranh trong thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ đoàn viên, người lao động.

- Công tác nghiên cứu, dự báo, xây dựng dữ liệu về quan hệ lao động chưa được quan tâm dẫn đến thiếu căn cứ để ra quyết định, xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động của công đoàn trong quan hệ lao động.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ là nhiệm vụ quan trọng, góp phần tích cực cho việc duy trì sự ổn định chính trị, xã hội và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nâng cao đời sống người lao động, do đó để thực hiện có hiệu quả cần có sự quan tâm, vào cuộc thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị, nòng cốt là tổ chức đảng. Ở những nơi cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có chương trình, kế hoạch, mục tiêu cụ thể, đề ra những giải pháp đồng bộ, phân công trách nhiệm rõ ràng trong triển khai

thực hiện Chỉ thị thì ở đó mang lại những kết quả tích cực rõ rệt.

- Coi trọng và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, vận động, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp về lao động, tính tương thân, tương ái hỗ trợ nhau trong xây dựng quan hệ lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên trong quan hệ.

- Công tác thể chế hóa, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống chính sách, pháp luật về quan hệ lao động là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa then chốt trong khắc phục những vướng mắc, tồn tại để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế trong từng thời kỳ; cùng với đó cần quan tâm, chú trọng, bảo đảm nguồn lực cho xây dựng, phát triển quan hệ lao động, đặc biệt là vấn đề tổ chức biên chế, nâng cao năng lực người làm quan hệ lao động, thanh tra lao động; nâng cao hiệu quả các thiết chế giải quyết tranh chấp lao động; công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật lao động được tăng cường, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện kết hợp giữa quản lý và hỗ trợ thúc đẩy giảm thiểu can thiệp hành chính, làm thay cho các bên trong quan hệ lao động..., từ đó sẽ tạo được sự chuyển biến tích cực trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định.

- Phát triển quan hệ lao động trong doanh nghiệp, bên cạnh sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng, quản lý của nhà nước và sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị - xã

hội thì yếu tố chính quyết định là hai chủ thể: tổ chức đại diện người lao động (tổ chức công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp) và người sử dụng lao động, đặc biệt là năng lực đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động của tổ chức công đoàn. Ở những nơi tổ chức công đoàn đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương thức hoạt động, phát triển đoàn viên, tạo dựng niềm tin với người lao động, thực sự là tổ chức do người lao động lập ra, có đủ năng lực đại diện cho người lao động tham gia thực chất vào các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể để xác lập các điều kiện lao động trong doanh nghiệp, đồng thời, phía người sử dụng lao động ngoài mục tiêu lợi nhuận, biết thực hiện các giải pháp đảm bảo điều kiện làm việc, chăm lo lợi ích cho người lao động thì ở đó quan hệ lao động được duy trì hài hòa và ổn định.

- Cùng với việc đề ra các chủ trương, phương hướng, chính sách pháp luật thì công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong công tác quản lý, giám sát thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình tốt, công tác nghiên cứu, cập nhật các kinh nghiệm quốc tế, rà soát các cam kết quốc tế... phải được tiến hành thường xuyên, thực chất để qua đó kịp thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp đúng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp nhiệm vụ phát triển quan hệ lao động trong từng giai đoạn ■



KINH TẾ VIỆT NAM 2023 VÀ CHIẾN LƯỢC HƯỚNG NGOẠI

● NGUYỄN TÚ ANH^(*)

I. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2023 và sự suy giảm của xuất khẩu

Ngay từ khi thực hiện chính sách đổi mới nền kinh tế năm 1986, Đảng ta đã xác định chiến lược phát triển kinh tế xã hội theo định hướng ra bên ngoài. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra ba chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu trong nước. Mục tiêu sản xuất hàng xuất khẩu để nhằm mục tiêu thu hút ngoại

tệ, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu máy móc, công nghệ, từng bước nâng cao năng lực sản xuất trong nước. Suốt cả quá trình Đổi mới đến nay, chiến lược định hướng ra bên ngoài đã cho thấy đây là lựa chọn sáng suốt của Đảng ta.

Gần đây có nhiều ý kiến cho rằng kinh tế của nước ta quá phụ thuộc vào nước ngoài với độ mở rất lớn. Xuất khẩu chiếm hơn 90% GDP của cả nước, trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 73% kim ngạch xuất khẩu. Việc phụ thuộc quá lớn vào thị trường bên ngoài (thị trường hàng hóa, thị trường vốn) đã làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương. Chỉ cần

một cú sốc từ bên ngoài có thể làm suy yếu toàn bộ nền kinh tế.

Trong hơn 30 đổi mới đất nước, có 2 điều gần như chưa từng xảy ra:

Một là, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp suy giảm mạnh, với tốc độ tăng trưởng “âm” 0,75% trong quý I và chỉ tăng +2,1% trong quý II. Nếu xét chỉ số sản xuất công nghiệp thì quý I âm 2,6% và quý II âm 0,2%. Sang quý III giá trị gia tăng ngành công nghiệp bắt đầu phục hồi tăng 5,2%, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 3,5% tạo cơ sở cho GDP phục hồi lại ở mức 5,33%.

(*) Tiến sỹ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, phân tích và dự báo kinh tế, Ban Kinh tế Trung ương

Bảng 1: Tốc độ tăng xuất khẩu và GDP theo quý 2022-2023 (%)

	Q2 2022	Q3 2022	Q4 2022	Q1 2023	Q2 2023	Q3 2023
Xuất khẩu	13,43	17,01	-6,63	-11,77	-12,24	-1,6
GDP	7,83	13,71	5,9	3,28	4,05	5,33

Nguồn: Tổng Cục Thống kê (GDP) và Tổng cục Hải Quan (số liệu xuất khẩu)

Hai là, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa suy giảm đáng kể. Chỉ tính riêng 10 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đã giảm 7% so với cùng kỳ năm trước (trong 6 tháng đầu năm giảm 12% so với cùng kỳ).

Sự sụt giảm mạnh của hoạt động xuất khẩu được xem là yếu tố chính kéo chỉ số tăng trưởng kinh tế cả nước xuống thấp hơn so với kế hoạch. Sự sụt giảm xuất khẩu kéo theo sụt giảm ngành công nghiệp qua đó làm suy giảm kinh tế cả nước.

Thực chất, dấu hiệu suy giảm tốc độ tăng trưởng của kinh tế đã bắt đầu từ quý IV/2022. Cụ thể, xuất khẩu Quý IV/2022 đã lần đầu tiên giảm 6,63% so với cùng kỳ và liên tục giảm các quý tiếp theo. Vào tháng 11/2022 chỉ số

mua hàng của nhà sản xuất (PMI) đã từ ngưỡng tích cực (trên 50) giảm xuống 47,4 điểm nằm dưới ngưỡng trung tính 50 khá xa. Từ đó đến nay chỉ có tháng 2/2023 và tháng 8/2023 là chỉ số PMI đạt trên 50 và đến tháng 11/2023 chỉ số này vẫn chỉ 47,3 điểm, nằm dưới ngưỡng tích cực khá xa.

Chỉ số PMI liên tục dưới ngưỡng 50 điểm cho thấy xu hướng giảm đơn hàng, tăng tồn kho chưa đạt tới điểm dừng để đảo chiều tăng trở lại.

Trước những khó khăn như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 3,72% và sang quý III/2023 GDP đã bắt đầu lấy lại đà tăng 5,33% giúp GDP cả 9 tháng tăng lên 4,24%- thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu mà

chúng ta đề ra 6,5% - nhưng cũng là một sự khích lệ đáng kể. Điều này cho thấy mặc dù kinh tế nước ta vẫn tiếp tục phụ thuộc vào hoạt động xuất nhập khẩu nhưng đã có sức đề kháng đáng kể trước các cú sốc bất lợi từ thị trường bên ngoài.

II. Một số nguyên nhân của sự suy yếu tăng trưởng 2023

Thứ nhất, kinh tế Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào thị trường xuất khẩu và hàng công nghiệp chế biến chế tạo như đã nói ở trên. Trong năm 2022 xuất khẩu chiếm 90,8% GDP và trong tổng kim ngạch xuất khẩu thì hàng chế biến chế tạo chiếm 86%. Ảnh hưởng của hoạt động xuất khẩu lên tăng trưởng kinh tế qua 4 kênh trực tiếp và gián tiếp: (i) xuất khẩu giảm trực tiếp

Hình 1: Chỉ số PMI của Việt Nam 2021-2023



Nguồn: Tập hợp từ báo cáo của S&P Global

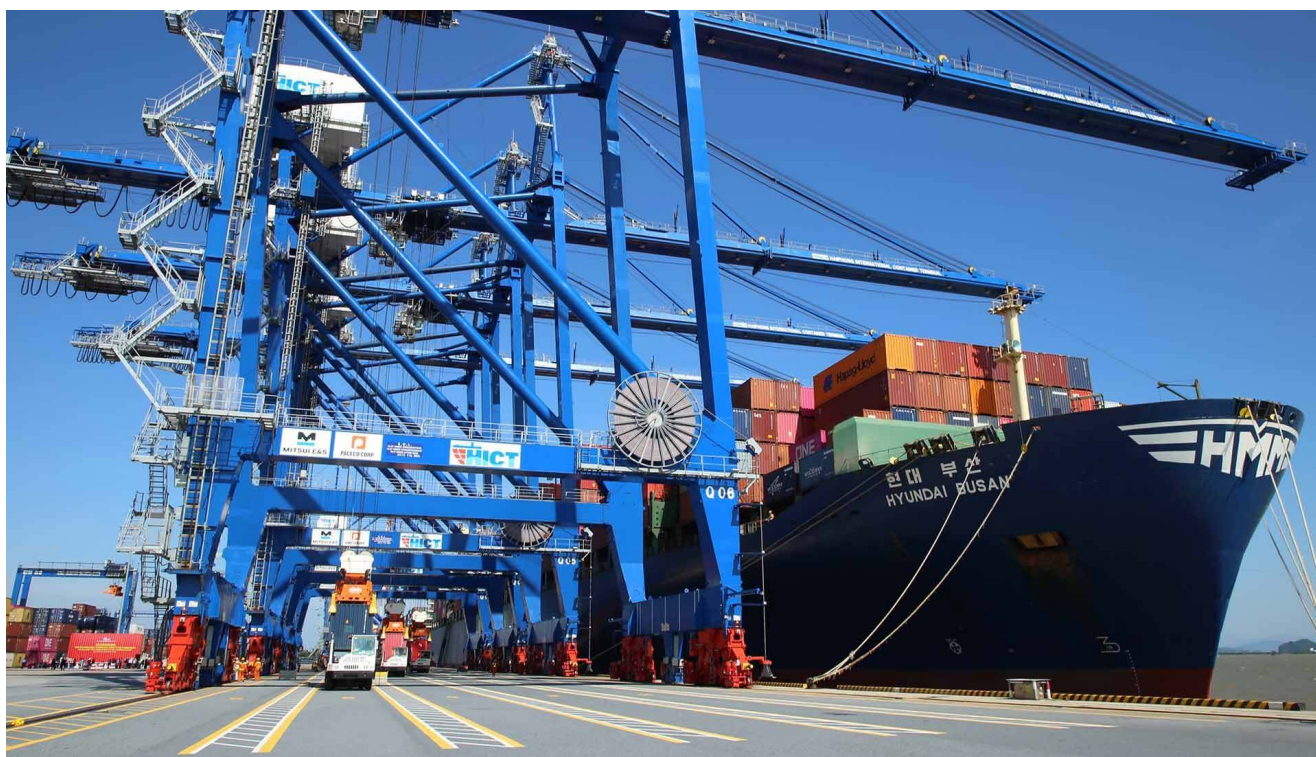
làm giảm thu nhập của những người, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu qua đó làm giảm giá trị gia tăng của những ngành này; (ii) xuất khẩu giảm làm giảm nhu cầu đối với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho hoạt động xuất khẩu (điện, nước, bao bì, dịch vụ logistics, nguyên vật liệu sản xuất trong nước, v.v...) qua đó làm giảm tiếp giá trị gia tăng những doanh nghiệp này; (iii) thu nhập hai nhóm ngành trên giảm sẽ làm giảm tiêu dùng cuối cùng từ hai nhóm ngành này, qua đó làm giảm tổng cầu của tất cả các ngành khác trong nền kinh tế; (iv) xuất khẩu giảm làm giảm kỳ vọng vào tăng trưởng kinh tế qua đó giảm nhu cầu đầu tư vào nền kinh tế. Như vậy hoạt động xuất khẩu giảm tại một nước có tỷ lệ xuất khẩu chiếm hơn 90% GDP như Việt Nam sẽ ảnh hưởng

manh mẽ lên cả tiêu dùng, và đầu tư thông qua giảm thu nhập và kỳ vọng. Sự sụt giảm mạnh của nhập khẩu cho thấy nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh đã giảm khi hơn 90% nhập khẩu của Việt Nam là cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù hoạt động xuất nhập khẩu đã từng bước cải thiện theo từng tháng trong năm nhưng tính đến tháng 11/2023 thì tổng kim ngạch xuất khẩu xuất khẩu vẫn giảm 5,9% và kim ngạch nhập khẩu giảm 10,7%. Hệ quả là tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng giảm mạnh. Trong đó, những ngành then chốt, tạo ra nhiều việc làm và thu nhập như dệt may, giày da, ... suy giảm đáng kể.

Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 7 tháng đầu năm 2023 ước đạt 11,58 tỷ USD, gần như không tăng so với cùng kỳ năm trước.

Sự phục hồi mạnh mẽ của đầu tư nước ngoài từ tháng 7/2023 đến nay đã làm cho tổng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 11 tháng đầu năm 2023 tiếp tục xu hướng tăng đạt 2,3%. Sự phục hồi của dòng vốn đầu tư nước ngoài là sự khẳng định niềm tin của cộng đồng đầu tư quốc tế vào triển vọng kinh tế Việt Nam vẫn rất tích cực qua đó neo giữ kỳ vọng đầu tư trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh như vậy, 4,24% lại là một con số tăng trưởng GDP rất đáng khích lệ. Con số này cho thấy, kinh tế Việt Nam vẫn có thể tăng trưởng dương trong điều kiện xuất nhập khẩu giảm mạnh; sức mạnh nội tại của nền kinh tế đã có thể kháng cự khá tốt đối với các cú sốc bất lợi bên ngoài. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận sự kháng cự tốt của kinh tế Việt Nam có phần nhờ hưởng lợi từ việc tăng giá sản



phẩm nông nghiệp qua đó làm cho vai trò bệ đỡ của khu vực nông nghiệp phát huy tác dụng cao trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, Việt Nam đã chịu tác động tiêu cực khi đồng USD lên giá mạnh vào năm 2022. Khi các đối thủ như Bangladesh, Ấn Độ, ... phá giá đồng tiền nội địa, Việt Nam sẽ phải đối mặt với một sự cạnh tranh khốc liệt. Bởi khi đồng tiền nội địa mất giá thì năng lực cạnh tranh của xuất khẩu, thu hút vốn FDI của các đối thủ cạnh tranh với Việt Nam sẽ tăng lên vượt trội.

Thứ ba, quá trình dịch chuyển địa chính trị đã ảnh hưởng không nhỏ tới Việt Nam. Khi Mỹ và nhiều nước phương Tây thực hiện chính sách phân cực, kiểm chế Trung Quốc, bao vây cấm vận Nga làm phân hóa dòng vốn và dòng thương mại quốc tế theo các cực địa chính trị. Việt Nam là nước có độ mở lớn như đã nói ở trên, một mặt ta phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc trong cung cấp đầu vào cho quá trình sản xuất đồng thời lại phụ thuộc vào Mỹ và các đối tác phương tây về thị trường đầu ra. Quá trình phân cực hoạt động kinh tế quốc tế này đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay Việt Nam đã xử lý tương đối khéo léo trong quá trình dịch chuyển địa chính trị này. Chúng ta vẫn đang chứng minh cho thế giới thấy rằng Việt Nam có thể bắc cây cầu kết nối các cực địa chính trị này đảm bảo lợi ích chung cho tất cả các nước, và giảm thiểu những thiệt hại cho kinh tế toàn cầu trong quá trình điều chỉnh này. Bằng chứng là

vốn FDI vào Việt Nam đã tăng trở lại trong tháng 6 tới tháng 11/2023. Đầu tư của cả Trung quốc và các nước phương tây tiếp tục tìm đến Việt Nam như là một điểm đầu tư hấp dẫn nhất hiện nay.

III. Triển vọng kinh tế năm 2023 và năm 2024

Kinh tế Việt Nam những tháng cuối năm 2023 vẫn đang khó khăn nhưng trong một triển vọng tích cực. Những khó khăn của kinh tế Việt Nam vẫn đang cần có câu trả lời thấu đáo như tại sao xuất khẩu giảm? và làm thế nào để neo giữ kỳ vọng vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong trung hạn.

Việc xuất khẩu giảm trong khi kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng và dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 1,9% trong năm 2023. Chi tiêu của người dân Mỹ năm 2023 được Deloitte ước tính tăng 2,3%. Kinh tế EU cũng được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 1% năm 2023. Các đối tác thương mại chính của Việt Nam như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều tăng trưởng. Như vậy tổng cầu của các đối tác chính của Việt Nam đều tăng vậy tại sao cầu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam từ các nước này lại giảm? Trên thực tế các nước EU, Mỹ liên tục tăng lãi suất để kìm hãm tổng cầu, chống lạm phát. Cụ thể, ngày 15/6, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định nâng lãi suất lần thứ 8 liên tiếp, nâng chi phí vay của khu vực đồng euro lên 2,5%; Fed ngày 26/7 cũng tăng lãi suất lên mức 5,25%-5,5% đây đều là mức cao nhất trong 22 năm qua.

Như vậy trên thực tế xuất khẩu Việt Nam giảm đang phản ánh một thực tế là Việt Nam đang mất thị phần trên thị trường quốc tế. Để trả lời câu hỏi “vì sao hàng hóa Việt Nam đột nhiên mất thị phần ở quy mô lớn như vậy?”, tôi nghĩ cần phải có một nghiên cứu đầy đủ, đánh giá tất cả nhiều mặt. Bởi nếu chúng ta dễ dàng thỏa mãn trước các câu trả lời thì những phản ứng đưa ra thường không toàn diện.

Bên cạnh những yếu tố bất lợi, Việt Nam cũng đang có nhiều yếu tố thuận lợi.

Thứ nhất, giải ngân đầu tư công đã đạt được kết quả tăng trưởng ấn tượng. Theo Bộ Tài chính, ước giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 11 tháng đầu năm 2023 đạt khoảng 65,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn 6,77% về tỉ lệ và cao hơn khoảng 123 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2022.

Mặc dù tỷ lệ giải ngân còn khá xa so với mục tiêu kế hoạch, tuy nhiên còn số tăng thêm hơn 123 nghìn tỷ đồng là một nguồn vốn bổ sung, một cú hích rất tốt để hỗ trợ nền kinh tế nội địa trong bối cảnh điều kiện bên ngoài còn nhiều bất lợi. Theo thông lệ, càng cuối năm các vấn đề giải ngân đầu tư công càng tăng nhanh. Kỳ vọng cả năm 2023 thì vốn đầu tư công sẽ tăng thêm hơn khoảng 150 nghìn tỷ so với năm 2022, để tạo đà cho sự bứt phá trong năm 2024.

Thứ hai, Ngân hàng Nhà nước vừa rồi đã giảm lãi suất liên tục. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm

từ mức 6%/năm xuống 5,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu giữ nguyên ở mức 3,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ mức 1,0%/năm xuống 0,5%/năm, ...Hiện nay NHNN đã đưa ra tín hiệu sẽ tiếp tục điều hành lãi suất ở mức thấp để hỗ trợ tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất giảm sẽ giúp ngân hàng hỗ trợ cho các khoản vay đầu tư và tiêu dùng. Đó là một trong các yếu tố quan trọng để kích cầu nội địa. Tuy chưa đạt được kết quả như mong đợi, nhưng việc giảm mức lãi suất sẽ mang lại cho nền kinh tế hai điều kiện thuận lợi:

(i) lãi suất giảm giúp các dự án có suất lợi nhuận thấp, ít rủi ro có thể tiếp cận được nguồn vốn giá rẻ.

(ii) lãi suất giảm sẽ làm cho dòng tiền chảy vào thị trường chứng khoán. Từ đó, chúng

khoán lên giá. Khi đó, các doanh nghiệp trên sàn có thể mở rộng hoặc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu. Đồng thời giá trị của doanh nghiệp sẽ tăng lên, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng số nợ sẽ giảm qua đó giúp doanh nghiệp có thêm dư địa để vay vốn của ngân hàng..

Thứ ba, vốn FDI vào Việt Nam tăng trở lại với nhiều dự án lớn bắt đầu được triển khai. Theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cho thấy tính đến ngày 20/11/2023, tổng vốn đầu tư cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ và tăng 12,8 điểm phần trăm so với 6 tháng đầu năm.

Tính chung 11 tháng đầu năm, có 2865 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký đạt gần

16,41 tỷ USD, tăng 58,1% về số dự án và tăng 42,4% về số vốn so với cùng kỳ.

Cũng theo Cục Đầu tư nước ngoài, trong 11 tháng đầu năm, vốn đầu tư điều chỉnh đã tăng 15,9% so với cùng kỳ mặc dù trong 7 tháng đầu năm chỉ số này giảm 42,5%⁽¹⁾. Vốn đầu tư nước ngoài tăng vọt trong 4 tháng 8-11 cho thấy tín hiệu tích cực từ những điều chỉnh quan hệ đối ngoại của Đảng ta đã rất kịp thời và xác đáng.

Đây là một điều quan trọng vì vốn FDI có khả năng ảnh hưởng tới quy mô của cả nền kinh tế thông qua neo giữ kỳ vọng tích cực. Dòng FDI tăng trưởng đưa ra một tín hiệu rõ ràng cho các

(1) giảm 57,1% trong 6 tháng; mức giảm 59,4% trong 5 tháng; mức giảm 68,6% trong 4 tháng; mức giảm 70,3% trong 3 tháng và mức giảm 85,2% trong 2 tháng đầu năm 2023.



nhà đầu tư trong và ngoài nước “Việt Nam vẫn là nơi có triển vọng kinh tế tốt, là nơi đáng để đầu tư”.

Vốn FDI tăng còn điều kiện thuận lợi của Việt Nam để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài sau báo cáo tháng 4/2023 của Quỹ Tiền tệ thế giới (IMF) khi cho rằng: Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng khá lớn bởi yếu tố địa chính trị trong việc thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Nhưng số liệu thực tế đã cho thấy điều ngược lại, các nhà đầu tư từ các nước phương tây và từ Trung Quốc vẫn tiếp tục gia tăng đầu tư tại Việt Nam. Đường như những xung đột địa chính trị hiện nay bên cạnh các thách thức thì vẫn đang tạo ra một cơ hội cho những nước như Việt Nam.

Ngoài ra, chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), tình hình xuất khẩu trong quý IV/2023 đã được cải thiện mạnh mẽ là những yếu tố quan trọng giúp cải thiện chỉ số tăng trưởng trong quý IV/2023 và cả năm 2024.

Tổng hợp những các yếu tố khó khăn và thuận trên cho thấy mục tiêu tăng trưởng 6.5% cho năm 2023 là khó đạt. Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Việt Nam đạt khoảng 5,5%.

IV. Về chiến lược kinh tế hướng ngoại

Hiện nay trước những khó khăn từ bên ngoài Việt Nam đang cố gắng phát triển thị trường nội địa để bù vào sự sụt giảm của thị trường nước ngoài. Việt Nam cũng đang cố gắng thực hiện hoá

mục tiêu này bằng các chính sách giảm, giãn thuế, giảm lãi suất, gia tăng đầu tư công...

Tuy nhiên, cần kiên định chiến lược hướng ngoại đã được đặt ra từ lúc bắt đầu Đổi mới. Kích cầu thị trường trong nước chỉ nên mang tính chất tạm thời khi điều kiện bên ngoài bất lợi. Với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, thì đầu tư quan trọng hơn tiêu dùng. Thị trường toàn cầu rộng lớn cho phép các hoạt động đầu tư tận dụng được lợi thế về chuyên môn hóa và lợi thế nhờ quy mô. Đồng thời các doanh nghiệp nếu chỉ tập trung vào thị trường trong nước sẽ thiếu động lực cạnh tranh quốc tế, và về lâu dài sẽ bị các doanh nghiệp nước ngoài lấn át ngay tại thị trường trong nước. Việc khuyến khích tiêu dùng thái quá sẽ làm giảm tiết kiệm qua đó giảm nguồn vốn sẵn có cho đầu tư. Vốn đầu tư trong nước yếu thì sẽ khó mà thu hút được vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời đầu tư trong nước thấp và nền kinh tế phụ thuộc quá nhiều vào vốn đầu tư nước ngoài thì nền kinh tế sẽ đánh mất khả năng độc lập tự chủ. Việt Nam vẫn phải kiên định con đường phát triển hướng xuất khẩu để tích lũy năng lực cạnh tranh, sử dụng ngoại tệ nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật. Lịch sử phát triển kinh tế cho thấy các nước thực hiện chính sách thay thế nhập khẩu, tập trung vào khai thác thị trường trong nước (ví dụ các nước Mỹ La-tinh trong thế kỷ trước) đều không thể tăng trưởng nhanh và thường rơi vào khủng

hoảng. Trong khi các nước định hướng xuất khẩu như Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Trung Quốc đều định hướng xuất khẩu và đều có hàng thập kỷ tăng trưởng rất cao và vượt lên đói nghèo trở thành nước thu nhập cao.

Muốn đi xa và đi nhanh, chắc chắn chúng ta phải phát triển thị trường nước ngoài. Bởi vì quy mô của thị trường trong nước quá nhỏ. Chỉ khi tập trung vào thị trường nước ngoài, quy mô thị trường mới lớn. Quy mô thị trường lớn thì mới có quy mô sản xuất lớn. Quy mô sản xuất lớn thì giá thành mới giảm, tốc độ sản xuất mới nhanh.

Trong dài hạn, kinh tế Việt Nam vẫn phải dựa vào thị trường quốc tế rộng lớn để tận dụng lợi thế kinh tế theo quy mô và chuyên môn hóa theo lợi thế cạnh tranh. Các nước đang phát triển muốn tăng trưởng tốc độ cao trong dài hạn thì điều kiện tiên quyết đó là phải tập trung vào đầu tư. Đầu tư vừa tác động lên tổng cầu vừa tác động lên tổng cung trong dài hạn. Nếu tiêu dùng nội địa quá mức, sẽ làm giảm tiết kiệm và qua đó giảm khả năng đầu tư của nền kinh tế. Một nền kinh tế đang phát triển mà tiêu dùng quá nhiều thì chắc chắn sẽ không thoát được bẫy thu nhập trung bình.

Số liệu phát triển của các nước trên thế giới cho thấy nếu phát triển thị trường nội địa chỉ có thể giúp nền kinh tế tăng trưởng từ 2 – 3%, nếu các nước đang phát triển theo chiến lược hướng ra bên ngoài thì tốc độ tăng trưởng có thể đạt bình quân 6 – 7%/ năm ■



KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2023 - TRIỂN VỌNG NĂM 2024

● **NGUYỄN MINH PHONG(*)**

Những điểm nhấn kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2023

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn tiến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng...

Tăng trưởng chung của kinh tế thế giới sẽ đạt khoảng từ 2,5% GDP (theo Fitch Ratings) đến 3% GDP (theo IMF và OECD), so với mức tăng 3,3-3,5% của năm 2022. EU dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 3,2%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2023; Thậm chí, Ngân hàng Thế giới (WB) bi quan hơn khi cho rằng tăng trưởng toàn cầu sẽ chỉ ở mức 2,1% trong năm 2023 (dù đã điều chỉnh tăng 0,4

điểm phần trăm so với dự báo đầu năm 2023); Các nền kinh tế phát triển chỉ tăng trưởng 0,7% GDP và các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi sẽ đạt 4% GDP.

IMF nhận định tăng trưởng thương mại thế giới dự kiến sẽ giảm từ 5,2% năm 2022 xuống 2,0% năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019. Suy giảm thương mại phản ánh nhu cầu

(*) Tiến sỹ, Nguyễn Phú Vụ trưởng-Phó Ban TTLL-Báo Nhân Dân

toàn cầu giảm, gia tăng cơ cấu dịch vụ trong nước, tác động trễ của tăng giá đồng đô la Mỹ và gia tăng các rào cản thương mại toàn cầu. Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ mức 8,7% trong năm 2022 xuống còn 6,8% vào năm 2023, khi lạm phát trung bình ở phần lớn các nền kinh tế trên thế giới dự kiến giảm trong năm 2023. Chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục tạo áp lực cho một số ngân hàng, cả trực tiếp (thông qua chi phí huy động vốn cao hơn) và gián tiếp (do rủi ro tín dụng ngày càng tăng). Lãi suất thực tăng ở hầu hết các nền kinh tế, ngoại trừ Nhật Bản, khuyến khích tiết kiệm, khiến đầu tư trở nên đắt đỏ hơn. Việc cho vay của ngân hàng đã chậm lại đáng kể ở các nền kinh tế tương đối phụ thuộc vào ngân hàng, đặc biệt là đối với các hộ gia đình. Số lượng vị trí tuyển dụng giảm, áp lực an sinh xã hội gia tăng.

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế Đông Nam Á, Trung Quốc và Ấn Độ 2023, cập nhật tháng 9/2023 của OECD, tăng trưởng GDP năm 2023 của Phi-li-pin là 5,6%; In-đô-nê-xi-a sẽ là 4,7%; Ma-lai-xi-a đạt 3,9%; Thái Lan đạt mức 2,8% và Xin-ga-po đạt 1,4%.

Trong báo cáo Triển vọng phát triển châu Á tháng 9/2023, ADB nhận định tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á năm 2023 đạt 4,6%, trong đó, tăng trưởng GDP của Phi-li-pin là 5,7%; Cam-pu-chia 5,3%; In-đô-nê-xi-a là 5,0%; Ma-lai-xi-a là 4,5%; Lào là 3,7%; Thái Lan là 3,5%; Bru-nây và Mi-an-ma đều 2,8%,

còn Xin-ga-po đạt 1%.

Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bất ổn trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo, như đại dịch Covid-19; xung đột giữa Nga và U-crai-na và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; Những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản...Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn. Sự kết hợp giữa giá nhà giảm và thị trường việc làm yếu có thể làm tăng tình trạng vỡ nợ thế chấp, gây áp lực lên lợi nhuận của các ngân hàng, dẫn tới tăng chi phí đi vay và hạn chế dư địa dành cho chi tiêu ưu tiên và làm tăng nguy cơ khủng hoảng nợ. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỷ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại của thập niên 2020 gắn với lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tăng trưởng chậm hơn, tốc độ tăng trưởng đầu tư và năng suất các nhân tố tổng hợp ngày càng giảm; sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương

trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc do biến đổi khí hậu.

Năm 2023, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế.

Việt Nam bước vào năm 2023 với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022: Việt Nam đã trở thành nền kinh tế lớn thứ tư của ASEAN và thứ 40 của thế giới, năng động và có độ mở cao, với quy mô thương mại quốc tế nằm trong TOP20 của thế giới, xếp thứ 30 trong bảng xếp hạng các quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. Chỉ số sẵn sàng trí tuệ nhân tạo (AI) của Việt Nam xếp hạng 55 toàn cầu và xếp thứ 6/10 trong ASEAN. Việt Nam đứng thứ 7/30 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương về chỉ số tích hợp phát triển bưu chính 2IPD trong Báo cáo về Hiện trạng phát triển bưu chính toàn cầu năm 2022 của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), với 174 nước thành viên công bố trong tháng 10/2023.

Đặc biệt, năm 2023, Việt Nam tiếp tục nhận được sự đánh giá cao và cải thiện nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế: "Chỉ số hạnh phúc toàn cầu" của Việt Nam tăng 12 bậc trong xếp hạng của Liên Hiệp Quốc năm 2023. Với "Chỉ số Đổi mới sáng tạo" của Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2022, Việt Nam được xếp hạng 46/132 quốc gia,

nền kinh tế trong Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index 2023) năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố 27/9/2023. Đồng thời, Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 431 tỷ USD, tăng 1 bậc lên thứ 32/100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Klaus Schwab trong cuộc gặp với Thủ tướng Chính Phủ Phạm Minh Chính ngày 5/9/2023, đã nhấn mạnh: Việt Nam là điểm sáng của tăng trưởng kinh tế sau đại dịch COVID-19 nhờ cách tiếp cận toàn diện về quản lý kinh tế vĩ mô, giúp đưa nền kinh tế vượt qua các thách thức của bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay.

Năm 2023, các hoạt động đối ngoại diễn ra sôi động, liên tục, nổi bật là sự kiện Việt Nam và Israel đã ký Hiệp định Thương mại tự do (FTA); Việt Nam đang khởi động đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam với Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (CEPA); Việt Nam và 13 đối tác trong khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương vì Thịnh vượng (IPEF) cũng đã công bố kết thúc đàm phán về Thỏa thuận chuỗi cung ứng IPEF quốc tế đầu tiên giữa các thành viên.

Đặc biệt, với việc nâng cấp quan hệ Việt-Mỹ lên đối tác chiến lược toàn diện, đến nay Việt Nam đã có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và đối tác

chiến lược với tất cả các nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các nước phát triển nhất thế giới (G20).

Năm 2023, Chính phủ tiếp tục Chương trình phục hồi và các chương trình mục tiêu quốc gia, kiểm soát được sự ổn định vĩ mô, sự tăng trưởng cao của thị trường trong nước, duy trì được các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát an toàn lạm phát, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách nhà nước.

Tăng trưởng kinh tế từng bước được phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, nhiều bất phá trong cải thiện cơ cấu kinh tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt trên 5%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng



6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023.

Cả nước có 201,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 18,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động; đồng thời, có 14,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 549,1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 74,9% và tăng 20,9%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tăng 9,6% (trừ yếu tố giá tăng 7,0%). Khách quốc tế đến nước ta đến hết tháng 11 đạt hơn 11,2 triệu lượt người, gấp 3,8 lần cùng kỳ năm trước và bằng 68,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhiều tín hiệu cho thấy Việt Nam đang và sẽ có sự gia tăng mạnh mẽ và sâu hơn vào một số chuỗi cung ứng mới của thế giới trong nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ công nghệ cao. Tính đến ngày 20/11/2023 tổng thu hút FDI đạt gần 28,85 tỷ USD, tăng 14,8%; FDI thực hiện ước đạt 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, năm 2023 đang có làn sóng nhà đầu tư từ Anh, Mỹ và châu Âu mong muốn tìm kiếm cơ hội tại thị trường Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, bán

lẻ, chip bán dẫn, thực phẩm, sản xuất kho bãi, tài chính ngân hàng...

Truyền thông số, Thanh toán số và kinh tế số cũng là một điểm sáng của kinh tế số Việt Nam, với tổng khối lượng hàng hóa (GMV) kinh tế số Việt Nam năm 2023 ước đạt 30 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2022.

Nông nghiệp phát triển ổn định, là trụ đỡ của nền kinh tế. Dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Khu vực du lịch, dịch vụ phát triển khá sôi động.

Giải ngân vốn đầu tư công tăng so với năm trước cả về số tuyệt đối và tương đối, góp phần khởi công và hoàn thành nhiều dự án, công trình xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng cho đất nước, trong đó có việc đưa gần 700 km đường bộ cao tốc vào sử dụng. Tính chung 10 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 479,3 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 65,1% và tăng 21,1%).

Thu ngân sách nhà nước có thể đạt, thậm chí vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong khi đã thực hiện nhiều chính sách miễn giảm, gia hạn thời gian nộp đối với nhiều loại thuế, phí, lệ phí và tiền sử dụng đất.

Tính chung năm 2023, Chỉ số giá tiêu dùng ước tăng 3,5% (bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%). Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 5,9% so với cùng kỳ năm

trước; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hơn 700 tỉ đô la Mỹ (USD), trong đó, xuất siêu khoảng 15 tỉ USD (lũy kế 11 tháng năm 2023, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa ước đạt 322,50 tỷ USD, giảm 5,9% và nhập khẩu hàng hóa ước đạt 296,67 tỷ USD, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu 25,83 tỷ USD).

Đồng thời, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an sinh xã hội.

Dự báo, cả nước có thể hoàn thành ít nhất 10/15 chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội chủ yếu đã đề ra cho năm 2023, nổi bật là có thể hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu về xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới giảm từ 4,03% năm 2022 xuống 2,93% năm 2023; Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong thực hiện các mục tiêu phát triển của Liên hợp quốc.

Tuy vậy, năm 2023, nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, đối mặt với nhiều khó khăn; kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, nhập khẩu giảm 4,2%; nợ xấu có xu hướng tăng; các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro. Việt Nam vẫn gặp áp lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm (6,5-7%) do tăng trưởng kinh tế gặp nhiều thách thức; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn. Cùng

với đó, một số chính sách trong Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai còn chậm; giải ngân vốn đầu tư công đã được cải thiện đáng kể, nhưng chưa được như kỳ vọng. Việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa đạt kế hoạch... Tiến độ xây dựng thể chế, chính sách thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Phát triển lực lượng doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại, năng lực hấp thụ vốn giảm. Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Các loại thị

trường hoạt động chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững...

Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2024

Năm 2024, tình hình thế giới được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp và nhiều ẩn số khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu vẫn giữ xu hướng chậm lại. Kinh tế châu Âu tiếp tục có dấu hiệu suy thoái; kinh tế Trung Quốc đối mặt với rủi ro lan truyền từ thị trường bất động sản sang thị trường tài chính. Các nền kinh tế châu Á và châu Phi được dự báo sẽ có mức tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2024. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỷ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại của thập

niên 2020 gắn với lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tốc độ tăng trưởng đầu tư và năng suất các nhân tố tổng hợp ngày càng giảm; Nợ công và nợ xấu toàn cầu tiếp tục tăng, gắn với những diễn tiến căng thẳng của các xung đột địa chính trị; Sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc do biến đổi khí hậu

Nhiều quốc gia có thêm động lực mới từ cơ hội giảm lạm phát,



lãi suất và nới lỏng dẫn chính sách tài chính-tiền tệ, cùng sự gia tăng trở lại nhu cầu tiêu dùng ở một số thị trường lớn trên thế giới. Tuy vậy, vẫn còn không ít quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt do áp lực nợ công, nợ xấu của doanh nghiệp, rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản vẫn còn cao.

Các yếu tố như hàng rào bảo hộ gia tăng, phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường vừa là cơ hội, nhưng cũng là thách thức, khi nhiều quốc gia phát triển đưa ra các hàng rào nhập khẩu mới.

Giá dầu thô sẽ còn nhiều biến động, tùy thuộc vào triển vọng nguồn cung từ Nga, từ Ả Rập Xê-út, OPEC+ và tốc độ phục hồi kinh tế của Trung Quốc.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ngày 29/11/2023 giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 ở mức 2,7% (Mỹ tăng trưởng 1,5% GDP) và đạt 3% vào năm 2025. Trước đó, vào tháng 10/2023, IMF dự báo năm 2024 kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng khoảng 2,9% GDP, trong đó Việt Nam tăng trưởng khoảng 5,8%, tức cao gấp đôi mức trung bình thế giới và thuộc nhóm 20 nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2024.

Trên thực tế, Việt Nam bước vào năm 2024 với những thuận lợi cơ bản từ sự ổn định vĩ mô chung và là điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu hậu Covid-19; Nền kinh tế từng bước được phục hồi, tăng trưởng

GDP năm 2023 quý sau cao hơn quý trước; thị trường trong nước tiếp tục mở rộng; tăng thu hút khách quốc tế và gia tăng mạnh mẽ cả hút FDI mới và FDI giải ngân, với nhiều bút phá dự án lớn vào lĩnh vực công nghệ cao và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế.

Nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đã đánh giá cao và ghi nhận cải thiện nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế của Việt Nam, nổi bật là về : "Chỉ số hạnh phúc toàn cầu", "Chỉ số Đổi mới sáng tạo" và "Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam"; cũng như về Truyền thông số, Thanh toán số, kinh tế số và xếp hạng tín nhiệm quốc tế về tín dụng dài hạn (ngày 8/12/2023, Fitch Ratings đã nâng hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ của Việt Nam từ mức BB lên BB+, với triển vọng ổn định; dù thâm hụt ngân sách tăng từ ước tính 4,1% GDP năm 2023 lên trung bình khoảng 4,3% GDP giai đoạn 2024-2025); Đồng thời, khẳng định sự tin tưởng vào triển vọng sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới của nền kinh tế nước ta, với mức tăng trưởng trung hạn hàng năm khoảng 7% GDP.

Theo Giám đốc quốc gia của ADB tại Việt Nam, môi trường bên ngoài yếu đã ảnh hưởng tiêu cực tới lĩnh vực sản xuất định hướng xuất khẩu của Việt Nam, làm thu hẹp sản xuất công nghiệp... Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng và dự kiến sẽ phục hồi nhanh trong tương lai gần nhờ tiêu dùng trong nước mạnh, được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải, tăng tốc

giải ngân vốn đầu tư công và cải thiện các hoạt động thương mại, cũng như các lĩnh vực khác được dự báo tăng trưởng lành mạnh. Lĩnh vực dịch vụ được kỳ vọng tiếp tục mở rộng nhờ sự hồi sinh của ngành du lịch và sự phục hồi của các dịch vụ liên quan. Nông nghiệp sẽ được hưởng lợi từ giá lương thực tăng và dự kiến tăng trưởng 3,2% trong năm 2023 và năm tiếp theo. Tiêu dùng nội địa sẽ được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải và tiếp tục tăng trưởng trong các tháng còn lại của năm. Lĩnh vực chế biến, chế tạo sẽ vẫn là động lực chính thúc đẩy hoạt động kinh tế của đất nước và những trở ngại đối với xuất khẩu được dự báo sẽ giảm dần từ cuối năm 2023 đến năm 2024, khi nền kinh tế Hoa Kỳ và EU bắt đầu phục hồi.

Về tổng thể, có thể thấy giai đoạn khó khăn nhất trên hành trình phục hồi kinh tế sau đại dịch đã qua, nhất là với một số lĩnh vực như bất động sản và dệt may, da dày và công nghiệp điện tử... Hầu hết các chỉ số tăng trưởng kinh tế năm 2024 sẽ tích cực hơn năm 2023.

Tuy vậy, theo Thủ tướng Chính phủ, năm 2024, Việt Nam tiếp tục chịu "tác động tiêu cực kép" từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.

Theo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về kết quả thực hiện

cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, trong 23 chỉ tiêu có thông tin, số liệu, có 10 chỉ tiêu có thể đạt được, 13 chỉ tiêu cần nỗ lực rất lớn. Một số chỉ tiêu có kết quả khả quan như: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), các nhóm chỉ tiêu về xử lý nợ xấu và đảm bảo an toàn vốn tại các tổ chức tín dụng. Một số chỉ tiêu về tăng năng suất lao động và phát triển doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tiến độ xây dựng thể chế, chính sách thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế và mô hình tăng trưởng chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Phát triển lực lượng doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại, năng lực hấp thụ vốn giảm. Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về

tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Các loại thị trường hoạt động chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững...

Năm 2024, Quốc hội Việt Nam đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, với tăng trưởng GDP khoảng 6-6,5%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700-4.730 USD; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1-24,2%. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4-4,5%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 4,8-5,3%; Dự toán thu ngân sách nhà nước tăng khoảng 5%; bội chi ngân sách nhà nước dưới 4% GDP; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt

khoảng 69%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 1%....

Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đặt ưu tiên điều hành nền kinh tế vào việc tạo hợp lực và phát huy động lực mạnh mẽ từ thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu; ưu tiên, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng gắn với củng cố, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời,



hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác; tiếp tục thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, giảm lãi suất tín dụng cho vay; tập trung tín dụng cho các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), các lĩnh vực ưu tiên; triển khai hiệu quả các gói tín dụng ưu đãi hiện có và nghiên cứu bổ sung các gói mới; ban hành kịp thời các chính sách phù hợp, hiệu quả liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu; phấn đấu năm 2024 tăng trưởng tín dụng trên 15% và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trên 95% kế hoạch; tăng thu ngân sách nhà nước khoảng 5% so với thực hiện năm 2023; cắt giảm ít nhất 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, quy định kinh doanh. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ trong giới hạn cho phép của Quốc hội; xử lý nợ xấu, cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; Coi trọng phát triển mạnh thị trường trong nước gắn với mở rộng, đa dạng hóa thị trường quốc tế, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác hiệu quả các Hiệp định thương

mại tự do (FTA) đã ký kết; đẩy mạnh đàm phán, ký kết các FTA mới; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu; đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục hồi và phát triển các loại thị trường trái phiếu doanh nghiệp, quyền sử dụng đất, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ; Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng, hạ tầng đô thị, liên vùng...

Thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực nội sinh của nền kinh tế; phát triển kinh tế số (theo Google, kinh tế số Việt Nam dự kiến đạt 45 tỷ USD năm 2025 so với 30 tỷ USD năm 2023), kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi; phục hồi, phát triển mạnh các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất chip bán dẫn. Tập trung cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung có trọng tâm, trọng điểm để cao hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ dự án; cơ cấu

lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân thực sự là một động lực của nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu...

Đặc biệt, tiếp tục siết chặt kỷ luật kỷ cương, đi đôi với phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của chính quyền các cấp, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là động lực và mục tiêu của sự phát triển; bám sát thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo tăng năng lực phản ứng chính sách theo hướng linh hoạt, đa dạng, đồng bộ, thiết thực và hiệu quả cao; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nhân, doanh nghiệp phát triển và cống hiến vì lợi ích chung của đất nước, địa phương, người dân, doanh nghiệp.../ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-10-va-10-thang-nam-2023/>
2. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/viet-nam-la-diem-sang-trong-buc-tranh-kinh-te-the-gioi>
3. <https://vietnamnet.vn/viet-nam-tang-bac-ve-chi-so-tich-hop-phat-trien-buu-chinh>
4. <https://vietnamnet.vn/kinh-te-so-viet-nam-uoc-dat-45-ty-usd-nam-2025>
5. <https://vneconomy.vn/thu-tuong-chinh-phu-muc-tieu-tang-truong-gdp-nam-2024>
6. <https://tapchitaichinh.vn/tang-truong-kinh-te-nam-2024-2025-co-the-duoc-phuc-hoi-tot-hon.html>



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI TOÀN DIỆN, BAO PHỦ TOÀN DÂN THEO PHƯƠNG CHÂM “NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM”

● **MAI THỊ HƯƠNG GIANG^(*)**

Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 30-12-2022, của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đưa ra quan điểm: “Thành phố phải tiếp tục giữ vững vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; sớm trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và châu Á, có năng lực cạnh tranh toàn cầu”⁽¹⁾. Nghị quyết cũng đặt ra mục tiêu, nhiệm vụ cho Thành phố Hồ Chí Minh phát

(*) Thạc sĩ, Tạp chí Cộng sản

(1) Xem: Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 30-12-2022, của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TPHCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-31-nqtw-ngay-30122022-cua-bo-chinh-tri-ve-phuong-huong-nhiem-vu-phat-trien-thanh-pho-ho-chi-minh-den-nam-2030-9100>

triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Bảo đảm an sinh xã hội cũng là một trong những nội dung được Thành phố Hồ Chí Minh chọn làm chủ đề của năm 2023.

Không để ai bị bỏ lại phía sau

An sinh xã hội có vị trí quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội quốc gia nhằm bảo vệ, bảo đảm an toàn cho các thành viên trong xã hội trong các trường hợp rủi ro dẫn đến bị giảm hoặc mất thu nhập hoặc phải tăng chi phí đột xuất do nhiều nguyên nhân khác nhau. Ở Việt Nam, các trụ cột cơ bản của hệ thống an sinh xã hội bao gồm tạo việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và giảm nghèo do Nhà nước làm chủ đạo, tạo ra một lưới an toàn nhiều tầng cho tất cả các thành viên, các nhóm xã hội, nhất là các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương. Vì vậy, an sinh xã hội góp phần quan trọng vào phát triển xã hội bền vững và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Theo nghĩa rộng, an sinh xã hội - bộ phận cấu thành quan trọng của công bằng xã hội - là sự bảo đảm thực hiện các quyền con người được sống trong hòa bình; được tự do làm ăn, cư trú, di chuyển; được bảo vệ, bình đẳng trước pháp luật; được học tập, có việc làm, có nhà ở; được bảo đảm thu nhập để thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu khi bị tai nạn, ốm đau, già yếu,... Theo nghĩa hẹp, an sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng nhằm khắc phục những khó khăn gây ra bởi thiên tai, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động,

thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, đồng thời bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp y tế cho các gia đình có con nhỏ, những người già cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ...⁽²⁾. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm...”. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII yêu cầu tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, gắn với nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải luôn lấy con người làm trung tâm. Theo đó, chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người; là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội; thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm chính sách xã hội; tạo điều kiện để nhân dân thụ hưởng thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính sách xã hội có phạm vi rộng và ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng đến tất cả các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội, được triển khai ở tất cả các cấp, ngành, địa phương.

Thực hiện các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa và thực hiện tốt chủ trương, chính sách về an sinh xã hội với quan điểm tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước đi và chính sách phát triển.

Những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Cụ thể:

Chính sách đối với người có công với cách mạng: Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương thường xuyên dẫn đầu cả nước về phong trào “đền ơn đáp nghĩa”. Điều này khẳng định công tác chăm sóc người có công với cách mạng luôn được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành, đoàn thể cùng nhân dân Thành phố Hồ Chí

(2) Xem: GS, TS Phạm Xuân Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, “An sinh xã hội và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/41201/an-sinh-xa-hoi-va-cong-bang-xa-hoi-trong-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-hien-nay.aspx#>, ngày 30-9-2016

Minh, góp phần mang lại hiệu quả chính trị - xã hội sâu sắc, khơi dậy lòng yêu nước, củng cố nền tảng đại đoàn kết dân tộc và phát huy truyền thống đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam. Hiện nay, Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” của Thành phố Hồ Chí Minh đã huy động được gần 189 tỷ đồng, góp phần nâng cao đời sống cho các gia đình chính sách, bảo đảm 100% Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống được các đơn vị nhận phụng dưỡng và 100% xã, phường làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ. Đặc biệt, năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh đã dành hơn 77 tỷ đồng để tặng quà 73.434 người có công và thân nhân nhân dịp kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Đối với chính sách bảo hiểm xã hội: 9 tháng năm 2023, Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đã tặng 361 sổ bảo hiểm xã hội, 2.940 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân. Đến tháng 9 năm 2023, toàn thành phố có hơn 7.935.800 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 89,17% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Ngoài ra, các chính sách an sinh xã hội khác cũng được chú trọng thực hiện, trong đó Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp các địa phương chủ động tổ chức thăm, tặng hơn 20.920 phần quà đến đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn, người già neo đơn, công nhân, sinh viên khó khăn với tổng số tiền hơn 12 tỷ đồng (nguồn kinh phí xã hội hóa hơn 7,1 tỷ đồng).

Đối với công tác giảm nghèo bền vững: Đây là nhiệm vụ chính



trị quan trọng được cả hệ thống chính trị, các cấp ủy đảng, chính quyền từ Thành phố đến các quận, huyện cùng quyết tâm thực hiện. Chương trình xóa đói, giảm nghèo cũng là một điểm sáng của Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn 2015 - 2020, theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều (thu nhập từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm, gồm 5 chiều nghèo: giáo dục và đào tạo; y tế; việc làm và bảo hiểm xã hội; điều kiện sống; tiếp cận thông tin, nhằm cải thiện chất lượng sống của hộ nghèo theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND, ngày 09-12-2015, của Hội đồng Nhân dân Thành phố “Về chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020” và Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND, ngày 31-12-2015, của Ủy ban nhân dân Thành phố “Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng giai đoạn 2016 - 2020”. Với nhiều cách làm hay, hiệu quả, đúng đối tượng, tỷ lệ hộ nghèo

và hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng giảm, đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Theo Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến cuối năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm hơn 16.100 hộ nghèo (giảm 0,64%), giảm hơn 9.700 hộ cận nghèo (giảm 0,38%). Đến cuối năm 2022, toàn thành phố còn hơn 21.300 hộ nghèo (chiếm 0,84%), 18.068 hộ cận nghèo (chiếm 0,71% tổng hộ dân thành phố). Năm 2023, Thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu thực hiện giảm 0,38% tỷ lệ hộ nghèo và 0,28% tỷ lệ hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ huy động hơn 10.200 tỷ đồng thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo. Để thực hiện hiệu quả chương trình, Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu cấp ủy, chính quyền, các ngành tăng cường tuyên truyền trong nhân dân về ý nghĩa, mục

tiêu, chỉ tiêu và nội dung hoạt động của chương trình giảm nghèo; các chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo của Thành phố thực hiện theo hướng giảm dần từ trợ cấp sang tác động hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tự vươn lên thoát nghèo.

Đối với công tác đào tạo nghề và lao động - việc làm: Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã tích cực lồng ghép hiệu quả với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các dự án về tín dụng việc làm với lãi suất ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, gắn dạy nghề với tạo việc làm, nhờ đó tăng cơ hội việc làm và hoàn thiện quan hệ lao động. Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức hiệu quả các phiên sàn giao dịch, ngày hội việc làm để kết nối cung cầu lao động, góp phần giải quyết hiệu quả việc làm cho người lao động. Hiện, Thành phố Hồ Chí Minh có 376 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp với hơn 370.900 người đang theo học. Trong đó, có hơn 177.100 người học cao đẳng; hơn 126.100 người học trung cấp và hơn 33.800 người học trình độ sơ cấp - đào tạo từ xa. Mỗi năm có khoảng 125.000 người học tốt nghiệp, kịp thời bổ sung cho thị trường lao động trong và ngoài Thành phố. Thành phố Hồ Chí Minh xác định 8 lĩnh vực ưu tiên đào tạo nhân lực sau tốt nghiệp các trình độ giáo dục nghề

NGHIỆP GỒM: công nghệ thông tin - truyền thông; cơ khí - ô tô; cơ điện tử - tự động hóa; kế toán - tài chính - ngân hàng - quản trị doanh nghiệp; logistics; chăm sóc sức khỏe; du lịch; xây dựng - môi trường - đô thị. Theo quy định của Luật Việc làm, người lao động mất việc nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định sẽ được hỗ trợ học nghề với mức phí không quá 4,5 triệu đồng/khóa học dưới 3 tháng và hỗ trợ thực tế không quá 1,5 triệu đồng/tháng đối với khóa học từ 3 tháng trở lên. Người lao động mất việc khi thực hiện các thủ tục để hưởng bảo hiểm thất nghiệp sẽ được Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố Hồ Chí Minh tư vấn, hướng dẫn đầy đủ các yêu cầu, điều kiện để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề. Cùng với đó, người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được hỗ trợ chi phí đào tạo tối đa 2 triệu đồng/người/khóa học. Phần chênh lệch học phí do doanh nghiệp cử người đi học và người học thỏa thuận đóng góp. Đối với các đối tượng đặc biệt, người khuyết tật sẽ được hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất 6 triệu đồng/người/khóa học và thấp nhất là 2 triệu đồng/người/khóa học dành cho phụ nữ, người lao động nông thôn... Bên cạnh đó, còn được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày và hỗ trợ 1 lần tiền đi lại nếu địa điểm học cách nơi ở từ 15 km trở lên. Trong 7 tháng đầu năm 2023 đã giải quyết việc làm cho 189.791/300.000 lượt người lao động, bình quân có khoảng hơn 90% sinh viên cao đẳng

nghề, hơn 84% học viên trung cấp nghề có việc làm phù hợp.

Đối với công tác bảo trợ xã hội: Hiện nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh quản lý 15 cơ sở hỗ trợ xã hội công lập; tiếp nhận, quản lý 6.196 đối tượng hỗ trợ xã hội, trong đó, trẻ em dưới 16 tuổi là 808 người; người cao tuổi là 1.653 người; người khuyết tật đặc biệt nặng là 4.103 người. Thực hiện chính sách xã hội hóa trong việc hỗ trợ, chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng hỗ trợ có hoàn cảnh khó khăn tại cộng đồng, tính tới hiện nay, các cá nhân, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tham gia thành lập 58 cơ sở hỗ trợ xã hội ngoài công lập. Trong đó có 18 cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý cấp thành phố, 40 cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý cấp quận, huyện, thành phố Thủ Đức. Tổng số người đang được nuôi dưỡng, chăm sóc là 3.019 người (nữ chiếm 1.493 người), trong đó có 878 người cao tuổi, 196 người khuyết tật, 1.470 trẻ em.

Trong đại dịch COVID-19, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương bị ảnh hưởng nặng nề nhất do dịch COVID-19 gây ra. Để hỗ trợ người dân đang sinh sống và làm việc tại thành phố, đặt biệt là lao động nghèo, lao động tự do, lao động nhập cư - các đối tượng đang gặp khó khăn nhiều nhất có thể giảm bớt khó khăn cùng vượt qua đại dịch, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang triển khai rất nhiều gói an sinh hỗ trợ. Có thể nói, Thành phố Hồ Chí



Minh đã huy động, vận động rất nhiều nguồn lực từ ngân sách, các ban ngành, đoàn thể, các mạnh thường quân là doanh nghiệp, cá nhân, các tỉnh thành khác, nguồn ngân sách dự trữ để nhằm chia sẻ cùng người dân gặp khó khăn trong đại dịch.

Lưới an sinh xã hội hướng tới vì con người

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn một số hạn chế, bất cập, như: *Một là*, mặc dù có nguồn nhân lực dồi dào, nhu cầu việc làm lớn nhưng nhiều doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn rơi vào tình trạng khan hiếm lao động, đặc biệt là đội ngũ giám đốc điều hành, quản trị, chuyên gia... *Hai là*, thu nhập của người lao động còn thấp ảnh hưởng đến thực hiện chính sách an sinh xã hội. Chênh lệch giàu nghèo chưa được cải thiện đang có chiều hướng gia tăng giữa nội thành và ngoại thành. *Ba là*,

“hiệu quả giảm nghèo thiếu bền vững”. Việc mở rộng và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn dưới mức tiềm năng, độ bao phủ bảo hiểm xã hội tăng chậm. *Bốn là*, chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng nhưng phân bố chưa hợp lý, chưa thuận tiện cho người dân. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở; nguồn lực thực hiện an sinh xã hội chủ yếu dựa vào ngân sách, với diện bao phủ và mức hỗ trợ thấp ảnh hưởng việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân Thành phố. *Năm là*, hoạt động trợ giúp xã hội còn gặp nhiều khó khăn, do ngân sách và nguồn kinh phí thành phố cho công tác này chưa đáp ứng được với thực tế. Mức hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu vật chất cơ bản của đối tượng trợ giúp, đặc biệt là những trường hợp trợ cấp thường xuyên.

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 được

nêu rõ tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cộng sản Việt Nam là: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”. Để hoàn thành mục tiêu này, Việt Nam đã và đang tiếp tục xây dựng, phát triển an sinh xã hội theo hướng trở thành hệ thống an sinh xã hội đa tầng thực sự, nhằm khắc phục tình trạng diện bao phủ thấp, mức hưởng thấp, chênh lệch giới trong thực hiện chính sách an sinh. Hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam sẽ dựa trên cách tiếp cận vòng đời, bền vững, bao trùm, đáp ứng cú sốc, nhạy cảm về giới và bảo đảm đất nước tiếp tục phát triển kinh tế nhanh chóng và không ai bị bỏ lại phía sau.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi huy động được nhiều nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội. Với cách tiếp cận được điều chỉnh từ bảo đảm và ổn định sang ổn định và phát triển gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững, Thành phố Hồ Chí Minh có điều kiện triển khai chính sách an sinh xã hội đa tầng, sáng tạo, hiệu quả. Chính sách xã hội là chính sách đối với con người, vì con người, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Để thực hiện tốt Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 30-12-2022, của Bộ Chính trị “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” cũng

như chủ đề năm 2023 của Thành phố Hồ Chí Minh là xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm toàn dân, trong thời gian tới, Thành phố Hồ Chí Minh cần triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quán triệt, nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc việc thực hiện an sinh xã hội trong từng bước, từng chiến lược, từng chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung trong Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân Thành phố. Từ đó tạo nên sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị của Thành phố Hồ Chí Minh, hướng đến mục tiêu phát triển vì con người, lấy con người làm trung tâm.

Thứ hai, đẩy mạnh việc xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách an sinh xã hội; đồng thời xác định những vấn đề nào cần tập trung giải quyết trước, đáp ứng các mục tiêu cấp thiết của xã hội. Các chính sách, chương trình xã hội cần được cụ thể hóa riêng biệt cho phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn và các vấn đề xã hội cụ thể trong từng thời điểm nhất định.

Thứ ba, quan tâm công tác quản lý lao động, hỗ trợ doanh nghiệp; các vấn đề về thỏa ước lao động tập thể, rút bảo hiểm xã hội một lần; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị, doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm xã hội; giải quyết chế độ, chính sách xã hội; chuyển đổi số ứng dụng công nghệ thông tin...

Thứ tư, đối với Ủy ban Trung

ương Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh, cần tiếp tục quan tâm hơn nữa công tác phối hợp kiểm tra, tự kiểm tra đối với hoạt động quản lý Quỹ “Vì người nghèo” Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, phối hợp tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, tạo sự nhất trí, đồng thuận nhằm huy động mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tích cực thực hiện các phong trào, các cuộc vận động. Cùng với đó là việc chú trọng khơi dậy khát vọng được góp ý, hiến kế, cống hiến những ý tưởng; khát vọng vươn lên thoát nghèo; khát vọng được tham gia ủng hộ đóng góp cho công tác an sinh xã hội, tham gia xây dựng và phát triển đất nước, thành phố phồn vinh, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thứ năm, xây dựng và triển khai các chính sách an sinh xã hội cho Thành phố Hồ Chí Minh, việc thành lập Trung tâm An sinh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo mô hình Quỹ An sinh xã hội. Theo đó, mục tiêu hoạt động của Quỹ An sinh xã hội Thành phố Hồ Chí Minh hướng tới trở thành cầu nối các bên tham gia cung cấp, hỗ trợ các dịch vụ an sinh xã hội cơ bản cho cá nhân và hộ gia đình lao động đến từ các tỉnh, thành khác và người yếu thế khó khăn tại Thành phố Hồ Chí Minh mà chính sách an sinh xã hội hiện hành chưa bao phủ hết.

Thứ sáu, phối hợp cùng Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng hơn 4.000 suất quà cho công nhân, người lao động khó khăn với tổng

kinh phí hơn 4 tỷ đồng. Đồng thời, phối hợp tổ chức nhiều chương trình thiết thực chăm lo, hỗ trợ công nhân, người lao động, trao tặng những phần quà tết ý nghĩa nhằm tiếp tục động viên công nhân, người lao động các tỉnh, thành tiếp tục gắn bó, cùng chung tay vì sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, cần rà soát, đề ra các chương trình hỗ trợ công nhân, người lao động, nhất là hỗ trợ họ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm mới bằng các chương trình an sinh xã hội đã và đang triển khai. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục có những chính sách hỗ trợ phù hợp như miễn, giảm tiền thuế thu nhập; hỗ trợ công nhân, người lao động tìm kiếm công việc mới phù hợp, tạo điều kiện học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp.

Thứ bảy, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vai trò của an sinh xã hội đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng như đời sống của người lao động hướng đến xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có chất lượng sống tốt, phồn vinh, hiện đại.

Thứ tám, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an sinh xã hội, tranh thủ nguồn lực quốc tế, hợp tác chuyên gia, phát triển các dự án kỹ thuật để thí điểm các chính sách, chương trình mới và nâng cao năng lực nghiên cứu, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện đề án ■



NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

● ĐINH THẾ HIỂN(*)

● NGUYỄN HOÀNG HIỆP(**)

Chính sách đổi mới của đất nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia vào nền kinh tế theo nhiều cách, chẳng hạn như thành lập hoặc hợp nhất các công ty liên doanh có vốn từ nhân với phương thức quản lý và công nghệ mới. Năng suất lao động đã được cải thiện đáng kể và ổn định,

đặc biệt kể từ khi áp dụng công nghệ mới cũng như các công cụ hiện đại để quản lý. Tuy nhiên, năng suất lao động ở Việt Nam vẫn tụt hậu so với các nền kinh tế lân cận trong khu vực.

Các nguyên nhân có thể gây ra “rào cản đối với năng suất lao động ở Việt Nam”

Năng suất lao động đã được

cải thiện đáng kể trong giai đoạn vừa qua, tăng trung bình trên 4,2% mỗi năm. GDP của Việt Nam năm 2022 đạt mức 4.110 USD bình quân đầu người, tăng 393 USD so với năm 2021. Tuy nhiên, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam không vượt trội so với các nước Đông Á, Đông Nam Á khác. Một nguyên nhân giải thích cho năng suất

(*) Tiến sỹ, Viện trưởng Viện NC Tin Học & Kinh Tế Ứng Dụng

(**) Tiến sỹ, Đại học Lincoln, Malaysia

lao động của Việt Nam thấp là do Việt Nam đang chuyển dịch từ nền nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ mà chưa chuẩn bị kỹ lưỡng về chất lượng lao động. Vì vậy, Việt Nam đang dỡ bỏ các rào cản về thể chế, nhân lực, cơ sở hạ tầng để thay đổi năng suất lao động.

Rào cản về thể chế. Nền kinh tế dựa vào ba khu vực kinh tế quan trọng: khu vực DNNN đóng góp 29,87% GDP, khu vực tư nhân 40% GDP và đầu tư trực tiếp nước ngoài 20,13% GDP năm 2022. Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hiện nắm giữ một phần đáng kể tài sản, vốn và nguồn lực của đất nước. Trên thực tế, mặc dù các DNNN được hưởng lợi rất nhiều từ nguồn lực sản xuất của nền kinh tế và được hưởng nhiều ưu đãi từ các chính sách kinh tế nhưng nhiều DNNN lớn thậm chí còn bị thua lỗ kéo dài. Một trong những rào cản về mặt thể chế được xác định là những sơ hở trong các quy định đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Rào cản về cơ cấu. Chính sách tái cơ cấu tập trung vào 3 lĩnh vực chính: đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng, tài chính nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế hiện đang gặp một số thách thức theo ba kịch bản sau:

- Chính sách tái cơ cấu nền kinh tế vẫn giữ tư duy cũ trong phản ứng với những thay đổi. Dẫn tới kết quả sẽ bị hạn chế ngay cả khi kết quả là tích cực.

- Chính sách tái cơ cấu nền kinh tế vẫn ưu tiên hình thức cấp vốn cho doanh nghiệp nhà nước thay vì doanh nghiệp tư nhân. Như vậy, mức độ cạnh tranh của Việt Nam so với các nước có nền kinh tế tự do khác sẽ bị hạn chế.

- Chính sách kinh tế mới đưa ra các thể chế tăng cường nguyên tắc kiểm tra và cân bằng, như luật đầu tư công, hệ thống ngân hàng thương mại, phân cấp và tư nhân hóa các thành phần kinh tế. Kết quả là sẽ có sự cạnh tranh tự do giúp tăng năng suất.

Hiện tại, các nguyên tắc cơ bản của cơ chế thị trường vẫn đang được hoàn thiện. Các nguyên tắc kiểm soát và cân bằng phải hoạt động thông qua các tổ chức được trao quyền để thực hiện việc đó.

Rào cản từ phía doanh nghiệp. Doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh thấp so với khu vực và thế giới do khả năng tự chủ về tài chính và quản trị thiếu hiệu quả, mặc dù thâm dụng vốn nhưng chưa gắn liền với đổi mới công nghệ. DNNN huy động nguồn lực quốc gia rất lớn nhưng đóng góp dưới 30% GDP. Doanh nghiệp tư nhân chưa có cơ hội cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI).

Ở nhiều ngành và địa phương, các ưu đãi quá mức để thu hút FDI bao gồm miễn thuế, miễn tiền sử dụng đất cho cơ sở sản xuất, lãi suất vay thấp, v.v. đã gây ra sự cạnh

tranh không lành mạnh cho các doanh nghiệp tư nhân địa phương trong việc tiếp cận các nguồn lực để hoạt động trên cơ sở bình đẳng.

Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động thấp ở Việt Nam

Chi phí vận hành cao là những yếu tố chính khiến sản phẩm Việt Nam kém cạnh tranh trên thị trường. Tiền lương thấp, dẫn đến năng suất thấp, doanh nghiệp tốn nhiều chi phí hơn do lạm phát. Tỷ lệ đóng bảo hiểm khá cao làm tụt giảm động lực làm việc của người lao động trong giai đoạn khó khăn và tỷ lệ thất nghiệp đang gia tăng tại khu vực doanh nghiệp tư nhân.

Sự đối xử không công bằng giữa khu vực công, khu vực tư nhân trong nước và doanh nghiệp FDI là cơ sở dẫn đến cạnh tranh cao về nhân lực, tài nguyên và thị phần. Do vậy, điều chúng ta cần làm trong những năm tới là tập trung vào con người, phát triển thông qua cải tiến giáo dục về khoa học và công nghệ; tăng cường giáo dục kỹ thuật và kỹ năng.

Đặc biệt, làm thế nào để thu hút nhân tài, lao động có kinh nghiệm trong số người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các nhân tài đang làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia cùng tham gia vào hệ thống lãnh đạo khu vực công nhằm hình thành một xã hội sáng tạo. Mỗi sáng kiến dù là nhỏ nhất đều cần được xã hội nuôi dưỡng và trân trọng, làm nền tảng để tăng năng suất

lao động. Giải quyết các nút thắt về cơ sở hạ tầng và đầu tư vào công nghệ sẽ tăng thêm giá trị cho sản phẩm. Bằng cách đánh giá cao giá trị gia tăng của sự đổi mới và sáng tạo của người lao động, người sử dụng lao động Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ tiềm năng tiềm ẩn của những người lao động thích làm việc trong môi trường khuyến khích sự sáng tạo.

Phát triển nguồn nhân lực để tận dụng tối đa nhân viên tiềm năng, nhà tuyển dụng nên học cách áp dụng quan điểm mới về tiêu chí đánh giá nguồn nhân lực. Thay vì chỉ dựa vào trình độ chuyên môn, người quản lý nhân sự nên xem xét tiêu chí năng lực thực hành và kỹ năng nghề trong quá trình đánh giá

và tuyển dụng của mình. Ngoài ra, nhà tuyển dụng nên nhìn thấy giá trị của một nhân viên sở hữu văn hóa chung, trình độ kỹ năng và tay nghề. Hơn nữa, các chủ doanh nghiệp nên thay đổi tư duy đầu tư vào lao động giá rẻ để tạo lợi thế cạnh tranh giành thị phần. Để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn cho doanh nghiệp của mình, chủ doanh nghiệp nên xây dựng chiến lược kinh doanh dựa trên cung cầu, lợi thế cạnh tranh và phát triển tốt nguồn nhân lực. Tương tự, ở cấp độ kinh tế vĩ mô, chính sách phát triển nguồn nhân lực hiệu quả phải thích ứng với nhu cầu của nền kinh tế và là bước thiết yếu để đạt được giá trị gia tăng và năng suất cao hơn nhằm đạt được sự bền vững trong phát triển kinh tế.

Tăng năng suất là yếu tố thiết yếu trong phát triển kinh tế của một quốc gia và chỉ bằng cách tăng năng suất, Việt Nam mới có thể đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Dù có những chuyển biến tích cực trong những năm gần đây nhưng Việt Nam vẫn phải đặc biệt quan tâm đến năng suất lao động vì năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở dưới mức tăng trưởng cần thiết để đạt được mục tiêu tăng trưởng dự kiến. Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động phải đạt 6% để đạt GDP bình quân 7%. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang mở ra những cơ hội chưa từng có cho Việt Nam để tăng năng suất, hiệu quả lao động ■





LIÊN KẾT VÙNG, PHÁT TRIỂN VÙNG Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU ÂU: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM⁽¹⁾

● NGUYỄN HỒNG SƠN^(*) ● NHÓM CÔNG TÁC^(**)

Liên kết vùng, phát triển vùng là một xu thế tất yếu trong quá trình phát triển các địa phương, các vùng miền ở Việt Nam. Đây cũng là một chủ trương lớn, được đặt lên vị trí ưu tiên của Đảng và Nhà nước Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu của thời kỳ Đổi mới. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định cần cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực và các đô thị lớn, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng. Bài viết này sẽ trình bày một số kinh nghiệm quốc tế ở một số nước châu Âu về vấn đề liên kết kinh tế vùng và phát triển vùng và đưa ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong vấn đề này.

(*) PGS, TS, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

(**) ThS. Phạm Hồng Hải, Vụ trưởng Vụ Kinh tế vùng và địa phương, TS. Nguyễn Hải Minh, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế quốc tế và hội nhập, ThS. Phan Trường Giang, Phó Chánh Văn Phòng Ban; ThS. Trần Hữu Đồng, chuyên viên Vụ Kinh tế vùng và địa phương.

(1) Bài viết là kết quả báo cáo chuyển công tác của Ban Kinh tế Trung ương nghiên cứu, trao đổi về phát triển vùng, liên kết vùng tại Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ, từ ngày 26/9 đến ngày 06/10/2023.

1- Liên kết kinh tế vùng, phát triển vùng tại Pháp và những ưu tiên liên kết vùng tại Pháp giai đoạn hiện nay

Pháp là quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề liên kết vùng, phát triển vùng. Công cụ chi phối và tác động mạnh đến phát triển vùng và liên kết vùng là “Luật phi tập trung hóa”, được ban hành vào năm 1982. Theo đó, vùng là 01 cấp hành chính; phân cấp mạnh cho chính quyền vùng và các địa phương; công tác quy hoạch và triển khai các nhiệm vụ liên kết kinh tế vùng và phát triển vùng về kinh tế - xã hội do chính quyền vùng và địa phương thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa nguồn lực Trung ương, nguồn lực của vùng theo quy định của Luật ngân sách và khả năng huy động nguồn lực của vùng, địa phương.

Các bộ, ngành ít tham gia vào các hoạt động liên kết vùng mà chủ yếu tập trung vào xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách, phối hợp, hỗ trợ để thúc đẩy liên kết và phát triển vùng.

Nguồn lực đất đai đóng vai trò quan trọng trong tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về liên kết vùng nhất là trong công tác quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng. Trong đó, quyền sở hữu đất đai được xác định trong Hiến pháp và pháp luật là sở hữu tư nhân.

1.1. Mô hình quản trị vùng Ile - De - France (Pháp)

Được thành lập vào năm 1972 (tên gọi là Khu vực Paris), Ile - de - France là vùng kinh tế hàng đầu của Pháp, bao gồm

8 tỉnh, và 1.287 đơn vị quận, huyện (chiếm 2% diện tích của nước Pháp), dân số khoảng 12,3 triệu người (chiếm 18% dân số đô thị Pháp), quy mô kinh tế của vùng chiếm khoảng 31% tổng sản phẩm quốc gia (GDP) và gần 5,3% GDP của Liên minh châu Âu. Vùng Île-de-France còn là điểm du lịch hàng đầu thế giới. Đặc biệt, đây là vùng có không gian triển lãm rộng 700.000 m², với các tiêu chí xếp hạng đứng đầu ở châu Âu như: số lượng triển lãm thương mại được tổ chức, số lượng đơn vị triển lãm và số lượng khách tham quan các triển lãm thương mại,...

Từ năm 1982, vùng Ile - De-France là đơn vị hành chính cấp vùng của Pháp, thực hiện nhiệm vụ quản trị phát triển vùng để phục vụ lợi ích của người dân, tập trung vào quản lý, sử dụng hiệu quả, chặt chẽ, hài hòa các nguồn lực của vùng; tổ chức, quản lý các dịch vụ công kết hợp với chuyển đổi số.

Chính quyền vùng Ile - De-France gồm có:

- Cơ quan điều hành vùng, bao gồm: 01 chủ tịch vùng và 15 phó chủ tịch, cùng 18 đại biểu đại diện cho các địa phương trong vùng. Cơ quan này điều hành, quản lý chính sách vùng và tổ chức các phiên họp, thảo luận, đảm bảo các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng được tổ chức, triển khai hiệu quả, chịu trách nhiệm về ngân sách của vùng.

- Hội đồng vùng (Hội đồng Nhân dân vùng), bao gồm 209

ủy viên hội đồng vùng, có trách nhiệm bỏ phiếu về ngân sách và thảo luận về các định hướng chính sách vùng. Các Hội đồng tư vấn cho Hội đồng vùng gồm: Tư vấn về kinh tế, xã hội và môi trường vùng (CESER, gồm 190 thành viên); về thanh niên vùng (CRJ; gồm 128 thành viên); về người khuyết tật trong vùng (CCH, gồm 40 thành viên); về chiến lược thu hút việc làm trong vùng (CSAE, gồm 25 thành viên); về khoa học vùng (CSR; gồm 20 thành viên).

- Ủy ban Thường trực, gồm có: Chủ tịch, các Phó chủ tịch của Hội đồng Vùng và khoảng 50 cố vấn vùng được bầu trong số các đại biểu của chính quyền địa phương. Ủy ban Thường trực có trách nhiệm, quyền hạn bỏ phiếu để thông qua các khoản tài trợ và viện trợ cho vùng.

- Cơ quan quản lý đất công vùng Ile-de-France (EPPFIF) hoạt động như một doanh nghiệp công ích, có vai trò phối hợp với chính quyền các cấp nhằm thực hiện hiệu quả việc trưng thu đất phục vụ cho việc thực hiện các dự án với mục đích công tại vùng. Cơ quan này thực hiện chức năng theo quy chế là doanh nghiệp công phục vụ lợi ích công cộng, hoạt động phi lợi nhuận theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước và hợp tác với khoảng hơn 350 địa phương trong vùng.

Vùng Île-de-France có khoảng 1.800 cơ quan chịu trách nhiệm giám sát và thực hiện các chính sách vùng và gần 8.500 cơ quan kỹ thuật từ các trường. Ngân sách hàng năm của Vùng

Ile - de - France vào khoảng 5 tỷ euro, chủ yếu từ ngân sách Nhà nước (thông qua trợ cấp và thuế). Chính quyền vùng thực hiện các hoạt động trong nhiều lĩnh vực liên quan đến đời sống hàng ngày của cư dân vùng, bao gồm: i) Giao thông vận tải: quản lý vận tải công cộng, vận tải liên tỉnh, đường bộ, bến xe công cộng,...ii) Giáo dục bậc trung học phổ thông: xây dựng, điều hành và nâng cấp các trường trung học phổ thông công lập và các cơ sở đào tạo nghề...iii) Đào tạo nghề: hướng nghiệp cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn, đào tạo nghề cho lao động,...iv) Quy hoạch lãnh thổ gắn với bảo vệ môi trường: Quản lý chất thải, quản lý công trình công cộng, phát triển nông thôn và thành thị, nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên của vùng, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững...v) Phát triển kinh tế: Nâng cao năng lực cạnh tranh của cụm công nghiệp vùng, cạnh tranh địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế hài hòa; thực hiện đổi

mới và hội nhập khu vực vùng... vi) Các chương trình phát triển vùng của Liên minh châu Âu: Quản lý Quỹ Phát triển vùng châu Âu (ERDF), Quỹ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn châu Âu (EAFRD) và một số Quỹ Xã hội châu Âu (ESF)...

1.2. Mô hình phát triển Thành phố bền vững ở Pháp

Pháp chủ trương xây dựng, phát triển “thành phố bền vững” nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những ưu tiên trong phát triển đô thị tại Pháp hiện nay. Trong đó, phát triển đô thị gắn liền với phát triển vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh thái của vùng, khu vực và có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau.

Từ các kinh nghiệm, bài học của Pháp, thời gian gần đây, Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) đã có những hoạt động hợp tác, hỗ trợ với Việt Nam trong lĩnh vực phát triển đô thị và công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, AFD cũng đang tích cực hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng và bảo trợ xã hội

vùng nhằm thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị COP-26. AFD và Việt Nam đã ký thỏa thuận nhằm thực hiện các khuyến nghị của chương trình “chuyển đổi năng lượng công bằng” theo ba định hướng là: i) Lập kế hoạch và quản trị toàn diện; ii) Xây dựng các chính sách công mang tính chủ động tích cực; iii) Hỗ trợ các hộ gia đình, người lao động.

Trong thời gian tới, AFD và Việt Nam sẽ tăng cường hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực liên kết vùng, phát triển vùng gắn với phát triển đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng thông qua chương trình Gemmes 2. Đây là chương trình được thực hiện dựa trên ba trụ cột chính là: Biến đổi khí hậu, môi trường và công bằng xã hội. Các trụ cột này sẽ được AFD hợp tác thực hiện với một số bộ, ngành, địa phương và trường đại học ở Việt Nam như: Bộ Tài nguyên và Môi trường, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Quảng Trị, Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội,...

1.3. Về Mô hình Đại dự án Paris (Grand Paris Express)

Dự án Grand Paris Express (gọi tắt là Grand Paris), được khởi động vào năm 2007. Đây là dự án về hạ tầng cơ sở có quy mô lớn nhất châu Âu và đứng thứ tư toàn cầu nhằm phát triển hệ thống tàu điện tại Paris với khoảng 205 km mạng lưới vận chuyển nhanh, kinh phí cho dự án vào khoảng 28,29 tỷ USD. Dự án bao gồm bốn tuyến tàu điện



ngầm tự động mới xung quanh Paris và mở rộng hai tuyến tàu hiện có của Paris Metro, với mục đích kết nối các vùng ngoại thành mà không phải đi qua trung tâm thành phố, cũng như liên kết các địa điểm quan trọng của thành phố.

Société du Grand Paris (SGP) là chủ sở hữu toàn bộ dự án và có thẩm quyền ký kết hợp đồng, chịu trách nhiệm thực hiện dự án. Khoản vay do SGP thực hiện vào khoảng 36 tỷ Euro trong vòng 40 năm được Nhà nước bảo lãnh và hỗ trợ tài chính hàng năm 800 triệu Euro từ vùng Ile – de – France. Nhà điều hành vận tải công cộng Régie Autonome des Transports Parisiens (RATP) sẽ khai thác mạng lưới này sau khi hoàn thành. Các tuyến đường được xây dựng vào năm 2015 và đưa vào hoạt động năm 2030. Khi dự án này đi vào hoạt động, ước tính sẽ giảm bớt được 150.000 ô tô trên đường phố Paris và sẽ vận chuyển hai triệu hành khách mỗi ngày; có 2.000 việc làm mới được tạo ra mỗi năm trong quá trình thi công dự án. Mạng lưới Grand Paris Expressway sẽ có 72 nhà ga, trong đó 57 nhà ga được xây mới bởi SGP.

2- Chính sách phát triển vùng mới của Thụy Sĩ

Liên bang Thụy Sĩ (The Confederation of Switzerland), là một quốc gia nằm ở Trung Âu (phía Bắc giáp Đức, phía Nam giáp Ý, phía Tây giáp Pháp, phía Đông giáp Áo và Lích-ten-xơ-ten), thành phố Bern là trung tâm chính trị. Thụy Sĩ có diện tích là 41.290 km², dân số là

8,544 triệu người (tính đến hết năm 2022). Thụy Sĩ là quốc gia có nền kinh tế thị trường thịnh vượng và hiện đại với tỷ lệ thất nghiệp thấp, lực lượng lao động có tay nghề cao và GDP bình quân đầu người cao nhất thế giới. Năm 2022 Thụy Sĩ có quy mô kinh tế là 807,2 tỉ USD, GDP đầu người là 92.371 USD.

Nền kinh tế của Thụy Sĩ chủ yếu dựa trên các ngành dịch vụ phát triển cao, dẫn đầu bởi các dịch vụ tài chính và ngành công nghiệp dựa trên công nghệ cao và tri thức. Sự ổn định về kinh tế và chính trị, hệ thống pháp luật minh bạch, cơ sở hạ tầng phát triển, thị trường vốn hiệu quả và tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp thấp cũng làm cho Thụy Sĩ trở thành một trong những nền kinh tế cạnh tranh nhất thế giới. Thụy Sĩ không tham gia khu vực đồng tiền chung châu Âu, đồng tiền của Thụy Sĩ là Francs Thụy Sĩ (CHF).

Năm 2015, Thụy Sĩ đã nghiên cứu, bổ sung, nâng cấp Chính sách gắn kết lãnh thổ liên bang và ban hành các chính sách phát triển cho các vùng miền núi và các khu vực nông thôn, trong đó ưu tiên điều phối quản lý liên ngành và đa cấp cũng như liên kết nông thôn - thành thị. Một số chính sách đóng vai trò quan trọng đối với liên kết và phát triển vùng ở Thụy Sĩ là Chiến lược phát triển không gian, gồm: Chính sách phát triển vùng mới (The New Regional Policy - NRP) và Chính sách quy hoạch không gian. Các chính sách phát triển không gian này đã có tác động tích cực tới các hoạt động

liên kết vùng, liên kết các ngành trong không gian quốc gia thống nhất. Các chính sách phát triển kinh tế- xã hội vùng tại Thụy Sĩ nhằm hướng đến mục tiêu khai thác các lợi thế để tăng cường khả năng cạnh tranh, tạo ra giá trị gia tăng của từng vùng; tạo thêm, duy trì việc làm và giảm sự chênh lệch phát triển giữa các vùng. Chính sách phát triển vùng mới nằm trong Chiến lược phát triển bền vững của Thụy Sĩ đến năm 2031.

Một số nội dung trọng tâm trong chính sách phát triển vùng mới của Thụy Sĩ:

(i) Mục tiêu: Chính sách phát triển vùng mới của Thụy Sĩ nhằm hướng tới việc thúc đẩy sự phát triển của các khu vực miền núi, khu vực nông thôn và khu vực biên giới, làm tăng sức hấp dẫn của các khu vực này đối với các nhà đầu tư. Chính sách phát triển vùng mới hỗ trợ tài chính cho các sáng kiến, dự án và chương trình nhằm góp phần đổi mới, tạo ra giá trị và tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy tinh thần kinh doanh, tăng cường năng lực đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và làm tăng giá trị gia tăng ở các vùng khác nhau.

(ii) Nguyên tắc: Tạo sự đồng thuận trong nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển vùng ở các cấp độ của chính phủ và chính quyền địa phương.

(iii) Nguồn lực:

- Ngân sách được chính quyền Trung ương và chính quyền bang phê duyệt. Nguồn lực trong các chương trình,

dự án trong Chính sách phát triển vùng mới được xác định không phải là “món quà” cho các vùng kém phát triển mà tạo động lực, kích thích phát triển kinh tế bền vững cho các vùng.

- Nguồn lực tài chính gồm hai nguồn chính: (a) Các khoản tài trợ: Được đầu tư để tạo tác động phát triển kinh tế vùng, không phải hoàn lại vốn; (b) Các khoản vay: Đầu tư để tạo tác động và cần hoàn trả vốn, lãi suất nhỏ hoặc bằng 0.

- Các dự án cũng cần tự chủ về tài chính, nguồn lực từ Chính sách phát triển vùng mới chỉ bù đắp phần thiếu hụt. Bộ Kinh tế Thụy Sĩ đang bố trí ngân sách 400 triệu franc Thụy Sĩ cho các khoản tài trợ không hoàn lại và 400 triệu franc Thụy Sĩ cho các khoản vay phải hoàn lại (chủ yếu cho đầu tư cơ sở hạ tầng). Các bang phân bổ ít nhất số tiền tương đương với số tiền do Bộ Kinh tế Thụy Sĩ cung cấp theo nguyên tắc “tương đương giữa Trung ương và địa phương”. Chủ đầu tư các dự án cung cấp phần kinh phí của mình theo quy

định do các bang đặt ra. Nhìn chung, tỷ lệ đòn bẩy tạo ra của Chính sách phát triển vùng mới là 1:5 (01franc Thụy Sĩ do Bộ Kinh tế Thụy Sĩ cung cấp sẽ tạo ra 05franc Thụy Sĩ trong khoản đầu tư cuối cùng từ chính quyền bang, chủ đầu tư và các đối tác liên quan khác).

- Việc theo dõi, kiểm soát, đánh giá các dự án, chương trình được xác định là quan trọng nhằm đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và tác động.

- Trong Chính sách phát triển vùng mới, yếu tố phân cấp được xác định đóng vai trò then chốt: Các bang chủ động xác định các ưu tiên, quyết định về các dự án dựa trên nhu cầu địa phương/khu vực; chủ động thực hiện việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án; Bộ Kinh tế chỉ xác định khuôn khổ và nguyên tắc điều hành chung.

- Về lĩnh vực, chính sách phát triển vùng mới tập trung hỗ trợ các dự án liên quan đến công nghiệp và du lịch (các ngành thế

mạnh của Thụy Sĩ). Các dự án có mục tiêu chung nhằm góp phần thúc đẩy tinh thần kinh doanh, đổi mới và tạo ra giá trị, nâng cao khả năng cạnh tranh của các vùng; tạo việc làm, giảm chênh lệch kinh tế giữa các vùng, góp phần phát triển bền vững. Đổi mới sáng tạo được xác định yếu tố then chốt trong thực hiện chính sách phát triển vùng mới.

- Đối với các dự án Hợp tác xuyên biên giới giữa Thụy Sĩ và các nước láng giềng: Liên minh châu Âu cung cấp 325 triệu Euro cho bốn khu vực mà Thụy Sĩ quan tâm; Thụy Sĩ cung cấp 146 triệu franc Thụy Sĩ cho các dự án này.

3- Liên kết, phát triển vùng tại Hà Lan - Trường hợp của tỉnh Noord Brabant

Noord Brabant là một tỉnh ở phía Nam của Hà Lan, có diện tích 5.082 km² (là tỉnh lớn thứ hai ở Hà Lan về diện tích sau Gelderland), có dân số khoảng 2,6 triệu người (tính đến 01/2023). Bắc Brabant có 56 đô thị, trong đó có các thành phố lớn như Eindhoven và Tilburg với dân số mỗi thành phố khoảng hơn 225.000 người, kế tiếp là Breda với dân số hơn 180.000 người và S-Hertogenbosch - tỉnh lỵ của Brabant với dân số hơn 150.000 người.

Quy mô nền kinh tế của Noord Brabant vào khoảng 129,51 tỷ euro (năm 2021), GDP bình quân đầu người là 50.100 Euro. Đổi mới sáng tạo chính là động lực lớn nhất để



Brabant cạnh tranh trên trường quốc tế. Noord Brabant nằm trong top 3 khu vực đổi mới sáng tạo tốt nhất của Hà Lan, có khu công nghệ cao quy mô lớn là Brainport Eindhoven và 8 cơ sở đổi mới mở và một số công ty lớn như Philips, ASML và VDL...; có 21 doanh nghiệp nằm trong top đổi mới sáng tạo toàn cầu và khoảng hơn 700 công ty khởi nghiệp; ngành công nghiệp số đang phát triển mạnh, đóng góp 53% tổng số đăng ký về sáng chế của Hà Lan.

Bên cạnh việc sản xuất công nghiệp của Brabant có khả năng cạnh tranh trên toàn cầu (trong đó có ngành hóa chất), lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm cũng phát triển mạnh, với trình độ công nghệ cao. Hiện có khoảng 7.500 công ty đang hoạt động trong lĩnh vực này, có giá trị xuất khẩu vào khoảng 4,8 tỷ Euro hàng năm. Ngành nông nghiệp ở Brabant có hệ thống liên kết giữa các trung tâm nghiên cứu, trường đại học như: Đại học Nghiên cứu Wageningen, Đại học Công nghệ Eindhoven, Đại học Khoa học ứng dụng HAS, Học viện khoa học dữ liệu Jheronimus... nhằm tạo ra hệ thống nông nghiệp thông minh, chuỗi giá trị gia tăng cao. Thế giới đã chú ý đến Brabant trong nhiều năm khi nói đến công nghệ cao, hóa học, nông nghiệp và thực phẩm. Công nghệ cao và thực phẩm nông nghiệp là hai trụ cột kinh tế chính giúp Brabant có được vị trí cao trên trường quốc tế.

Trong những năm qua, Noord Brabant liên tục được

xếp hạng cao về đổi mới sáng tạo ở khu vực châu Âu. Điều đó có được do Brabant có vị trí thuận lợi, và đặc biệt là cách thức hợp tác hiệu quả giữa chính quyền, cơ sở nghiên cứu/đào tạo và các doanh nghiệp trong việc cùng hợp tác nghiên cứu để tìm ra những giải pháp đột phá cho những thách thức trong tương lai. Tăng trưởng kinh tế ở Brabant cao hơn phần còn lại của Hà Lan.

Một số kinh nghiệm chính trong phát triển vùng của Brabant (Hà Lan) là:

- Xác định rõ vai trò của Chính quyền Trung ương, địa phương trong phát triển vùng: Chính quyền Trung ương tập trung điều hành về chính trị, đối ngoại, kinh tế. Chính quyền vùng tập trung cho phát triển kinh tế, văn hóa, các vấn đề nội vùng và liên kết giữa các vùng.

- Thành lập, phát triển các cơ quan phát triển vùng: Các địa phương tại Hà Lan đều có cơ quan phát triển vùng riêng, tại Brabant có cơ quan phát triển vùng Brabant (BOM) với vai trò: Hỗ trợ các doanh nghiệp trong vùng, thu hút đầu tư cho vùng, xây dựng hệ sinh thái kinh tế của vùng.

Trong việc hỗ trợ thu hút đầu tư cho vùng, cơ quan BOM tập trung vào các nội dung: (1) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường; (2) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới; (3) Cầu nối quan hệ giữa doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, BOM còn có vai trò quan trọng trong

hỗ trợ các doanh nghiệp của Brabant thúc đẩy thương mại quốc tế, thông qua các hoạt động như: Cung cấp thông tin thị trường quốc tế; hỗ trợ khảo sát thị trường và xây dựng kế hoạch xuất khẩu cho các doanh nghiệp; tổ chức các sự kiện, chương trình giới thiệu sản phẩm, kết nối giao thương với doanh nghiệp nước ngoài; triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu. Các thị trường chính mà BOM tập trung hỗ trợ doanh nghiệp Brabant xuất khẩu là Trung Quốc (tỉnh Giang Tô), Israel, Hoa Kỳ (vùng Trung Tây và Texas), miền Nam nước Đức (các khu vực Baden Württemberg và Bavaria) và ASEAN (Singapore, Malaysia và Việt Nam),...

- Chính sách phát triển vùng của Brabant tập trung 5 nhóm nội dung chính: (1) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng; (2) Xây dựng hệ thống dữ liệu kinh tế cập nhật thường xuyên, có độ chính xác cao; (3) Phát triển kinh tế tuần hoàn, bền vững, bảo vệ môi trường; (4) Hình thành các “Liên minh đổi mới sáng tạo” (Innovation Coalitions), thúc đẩy kết nối giữa cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu/trường đại học và doanh nghiệp; (5) Xây dựng các trung tâm, vùng động lực đổi mới sáng tạo trong tỉnh.

- Các lĩnh vực chính phát triển vùng Brabant: Chuyển dịch năng lượng; chăm sóc sức khỏe và y tế; trí tuệ nhân tạo; nông nghiệp công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.

4- Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, phát triển vùng và liên kết phát triển vùng luôn được coi là có vai trò rất quan trọng trong chính sách và chiến lược phát triển của các nước được nghiên cứu, khảo sát. Ở một số nước (như Pháp), vùng là một cấp hành chính, được Luật hóa như Luật Phi tập trung hóa tại Pháp; có bộ máy, tổ chức vùng và nguồn lực riêng của vùng. Một số nước lại có các cơ chế, chính sách riêng nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của các vùng, nhất là các vùng miền núi, nông thôn và biên giới như Chính sách phát triển vùng mới của Thụy Sĩ.

Thứ hai, để thực hiện thành công các chính sách về phát triển vùng và liên kết vùng, trước tiên, cần tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển vùng ở các cấp độ chính quyền khác nhau, từ Trung ương đến địa phương, người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Các chính sách về phát triển vùng luôn đi kèm với các chương trình, dự án cụ thể và với nguồn lực thực thi với sự kết hợp giữa ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, tài trợ từ cộng đồng doanh nghiệp và các nguồn khác, trong đó nguồn ngân sách Trung ương là vốn mỗi, kích thích sự đầu tư từ các nguồn khác. Tăng cường tính tự chủ và phối hợp giữa các địa phương cũng là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển và liên kết vùng. Bên cạnh đó, sự hợp tác, liên kết giữa chính quyền,

doanh nghiệp và các trung tâm nghiên cứu/đào tạo cũng đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển vùng và liên kết vùng, nhất là trong phát triển các ngành ứng dụng công nghệ cao, dựa chủ yếu vào đổi mới, sáng tạo.

Thứ ba, các cơ quan hỗ trợ, kết nối có tầm quan trọng đặc biệt trong triển khai và thực thi các chính sách phát triển vùng và liên kết vùng. Kinh nghiệm của các nước được khảo sát cho thấy, để thực hiện thành công các mục tiêu liên kết vùng cần có các cơ quan có chuyên môn hóa sâu để triển khai các nhiệm vụ liên kết chính cho từng ngành, lĩnh vực, địa bàn. Các bài học thành công cần học tập như mô hình Cơ quan quản lý đất công vùng Ile-de-France (EPFIF) liên quan đến quản lý đất đai và phối hợp với chính quyền các cấp nhằm thực hiện hiệu quả việc trưng thu đất phục vụ mục đích công, quản lý một số khu đất lớn đang chờ triển khai các dự án đô thị hoá; giải quyết tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai; mô hình Cơ quan quốc gia về liên kết lãnh thổ (ANCT) trong việc triển khai xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương; mô hình Cơ quan quản lý khu kinh tế đặc biệt La Défense về mô hình quản lý phát triển liên vùng; mô hình Công ty triển khai dự án giao thông nhanh Đại đô thị Paris về xây dựng mạng lưới giao thông công cộng kết nối vùng, đặc biệt là dự án tàu đô thị tốc độ cao (Grand Paris Express)... ; cơ quan phát triển vùng Brabant (BOM) với vai trò: Hỗ trợ các

doanh nghiệp trong vùng, thu hút đầu tư cho vùng, xây dựng hệ sinh thái kinh tế của vùng.

Thứ tư, phát triển và liên kết vùng cần phải bắt nhịp với xu các xu thế phát triển mới, đặc biệt là phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Trong bối cảnh hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế, liên kết vùng không chỉ nhằm mục tiêu huy động và thu hút nguồn lực để chuyển đổi cơ cấu kinh tế của vùng, thực hiện phát triển kinh tế nhanh mà còn cần coi trọng phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh khoa học- công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5- Đề xuất, kiến nghị

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển vùng, đặc biệt là các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế - xã hội nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động về vai trò, tầm quan trọng của liên kết vùng. Sự đồng thuận xã hội, nhất là giữa các cấp chính quyền, cả ở Trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội và nhân dân là điều kiện tiên quyết trong việc triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết về phát triển vùng và đưa các nghị quyết này vào cuộc sống.

Hai là, khẩn trương thể chế hoá và cụ thể hoá các quan

điểm, nội dung và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng, nhất là sớm ban hành các quy hoạch về vùng và xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển vùng. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện và bổ sung các chính sách, pháp luật về phát triển vùng và liên kết vùng nhằm ràng buộc, chia sẻ, tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan, nâng cao tính tự chủ của chính quyền cấp tỉnh, huyện, các chủ thể trong từng hoạt động liên kết vùng, ngành, lĩnh vực kèm theo cơ chế tài chính phù hợp để địa phương, ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, người dân ... chủ động tham gia hoặc huy động nguồn lực cho phát triển vùng.

Ba là, nghiên cứu sâu hơn và cụ thể hơn kinh nghiệm của các nước, nhất là các nước được khảo sát nhằm hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động và

vai trò của Hội đồng điều phối vùng, đảm bảo Hội đồng có đủ nguồn lực, thẩm quyền trong các hoạt động điều phối phát triển và liên kết vùng, nhất là trong việc xây dựng và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch vùng; hướng tới để Hội đồng điều phối vùng có vai trò thu hút, phân bổ các nguồn lực và định hướng các dự án, đề án nhằm tăng cường liên kết phát triển vùng, mở ra các không gian phát triển cho vùng, địa phương; định hướng, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các đề án, dự án liên kết vùng nhằm cộng hưởng các nguồn lực của vùng.

Bốn là, nghiên cứu sâu hơn và cụ thể hơn kinh nghiệm của các nước, nhất là các nước được khảo sát nhằm hướng tới việc thành lập các cơ quan trực tiếp hỗ trợ liên kết, phát triển vùng nhất là đối với các chương trình, dự án, đề án liên quan đến nhiều địa phương, nhiều ngành,

lĩnh vực. Kinh nghiệm phát triển của vùng Brabant cho thấy vai trò rất hữu ích của cơ quan phát triển vùng trong thực hiện chức năng kết nối giữa Trung ương và địa phương; giữa chính quyền, viện nghiên cứu/trường đại học và doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chính sách liên kết vùng, phát triển vùng.

Năm là, thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác với Hà Lan (nhất là với tỉnh Noord Brabant) trong xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao, sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp lớn, công nghệ cao của Hà Lan đầu tư vào Việt Nam, nhất là vào các khu công nghệ cao và thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Regional and Spatial Development Policy Section (2017), *The New Regional Policy of the Federal Government Supporting the regions. Strengthening Switzerland*, Federal Department of Economic Affairs, Education and Research EAER State Secretariat for Economic Affairs SECO, Holzikofenweg 36, 3003 Bern, Switzerland.
2. Switzerland (2019), *Regional Outlook 2019: Regional Development Policy in Switzerland*,
3. North Brabant (2023), *Economic Policy in Brabant*, Visit Central Economic Commission of Viet Nam to Brabant, Wednesday 04 October 2023.
4. Ngân hàng Thế giới (2023), *Đầu tư liên kết vùng tại Việt Nam: Thách thức và Cơ hội*, Tài liệu tham khảo.
5. <https://www.iledefrance.fr/decouvrir-le-fonctionnement-de-la-region/propos-de-la-region/la-region-cest-quoi>
6. https://www.iledefrance.fr/sites/default/files/medias/2022/07/La_Région-Ile-de-France_territoire_institution_compétences.pdf.
7. https://www.iledefrance.fr/sites/default/files/medias/2022/07/Bilan_execution_CPER_2015-2020.pdf
8. <https://www.iledefrance.fr/decouvrir-le-fonctionnement-de-la-region/propos-de-la-region/ladministration-de-la-region-ile-de-france>.



TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC - NGUY CƠ VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG

● **ĐẬU VĂN CÔI(*)**

Tội phạm có tổ chức phát triển đến cấp độ lũng đoạn nhà nước, gắn với tham nhũng, tiêu cực hiện đang là một thách thức đe dọa sự tồn vong của mọi thể chế chính trị. Bài viết này nghiên cứu về nguy cơ phát triển của tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước và đề xuất một số giải pháp phòng, chống nguy cơ này ở Việt Nam trong tình hình mới.

Trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập, bên cạnh những cơ hội lớn phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, thì nguy cơ tội phạm có tổ chức phát triển đến cấp độ lũng đoạn nhà nước đang trở thành thách thức sống còn với

sự tồn vong của chế độ nước ta. Thực tế, nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực vừa qua cho thấy biểu hiện của sự cấu kết rõ nét của loại tội phạm này ở phạm vi ngày nghiêm trọng, bao gồm cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước và doanh

nh nghiệp, cá nhân móc ngoặc từ địa phương tới Trung ương một cách chặt chẽ từ khâu chuẩn bị kế hoạch, hợp pháp hóa, tổ chức thực hiện, thu lợi... Theo chủ trương của Đảng và tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

(*) Tiến sỹ, Vụ trưởng Vụ Xã hội, Ban Kinh tế Trung ương

trong chống tham nhũng, tiêu cực, loại tội phạm này cần được coi là đặc biệt nguy hiểm, phải quan tâm xử lý rất kịp thời và triệt để, từ đó, làm trong sạch Đảng, hệ thống chính trị, đưa đất nước ta phát triển lành mạnh, trường tồn.

Tội phạm có tổ chức nhà nước bao gồm các hành vi phạm tội được thực hiện bởi các quan chức nhà nước khi thực hiện công vụ hoặc liên kết với tội phạm bên ngoài Nhà nước để thực hiện⁽¹⁾. Khi phát triển đến mức rất cao, loại tội phạm này trở thành có hệ thống chặt chẽ, gắn với bộ máy chính trị, hoạt động ngầm, song song và nhiều khi lẫn lộn với pháp luật, xâm nhập vào cả những lĩnh vực thuần túy thuộc trách nhiệm của công quyền nhà nước như mua bán vũ khí, đầu tư công, thao túng bầu cử, công tác nhân sự... thì chuyển thành *tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước* hay gọi cách thông thường là *Mafia lũng đoạn nhà nước*.

Tổ chức Ngân hàng thế giới (The World Bank) định nghĩa “*lũng đoạn nhà nước*” là sự thực thi quyền lực bởi nhóm người bí mật thông qua kiểm soát các nguồn lực, đe dọa bạo lực hoặc các cách khác của sự tác động để sắp đặt chính sách hoặc thực hiện các dịch vụ theo lợi ích nhóm nhỏ hẹp của họ⁽²⁾. Tổ chức Minh bạch quốc tế (Transparency International) mở rộng, *lũng đoạn nhà nước* là một trong những dạng phổ biến của tham nhũng, nơi các công ty, tổ chức hoặc cá nhân có quyền lực thông qua phương thức tiêu

cực, tham nhũng để mua bán luật pháp, sửa đổi các chỉ thị, quy định của nhà nước và các bản án với sự góp phần của các đảng chính trị cầm quyền và các nhà chính trị để tác động, gây ảnh hưởng, định hướng chính sách, môi trường luật pháp và nền kinh tế của đất nước theo ý đồ của họ⁽³⁾. Trong chính trị hiện đại, thuật ngữ *Mafia lũng đoạn nhà nước* là một hệ thống mà chính phủ có mối quan hệ ràng buộc với tội phạm có tổ chức nhà nước đạt đến mức độ quan chức chính phủ, công an cùng/hoặc với quân đội trở thành một bộ phận của các tập đoàn tội phạm⁽⁴⁾. Lúc đó, Mafia lũng đoạn nhà nước điều hành hầu hết các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, bắt nhà nước và cả hệ thống chính trị thực hiện ý đồ, kế hoạch của chúng, tuân theo ý chí của tập đoàn lợi ích do chúng xây dựng và nuôi dưỡng, bất chấp nguyên tắc hệ thống quyền lực tối cao của Nhân dân theo Hiến pháp và pháp luật.

Tội phạm có tổ chức nhà nước là hiện tượng chính trị xảy ra từ lâu trong lịch sử, thịnh hành nhất ở giữa thế kỷ 16 đến thế kỷ 19 và luôn bị các lực lượng tiến bộ phanh phui, ngăn chặn, tiêu diệt kịch liệt nhưng đến nay vẫn còn tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức, nhất là ở những nước đang phát triển, có hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và cơ chế kiểm soát quyền lực công chưa hiệu quả.

Thông thường, ở giai đoạn đầu, tội phạm có tổ chức nhà nước mới chỉ ở mức độ các cá

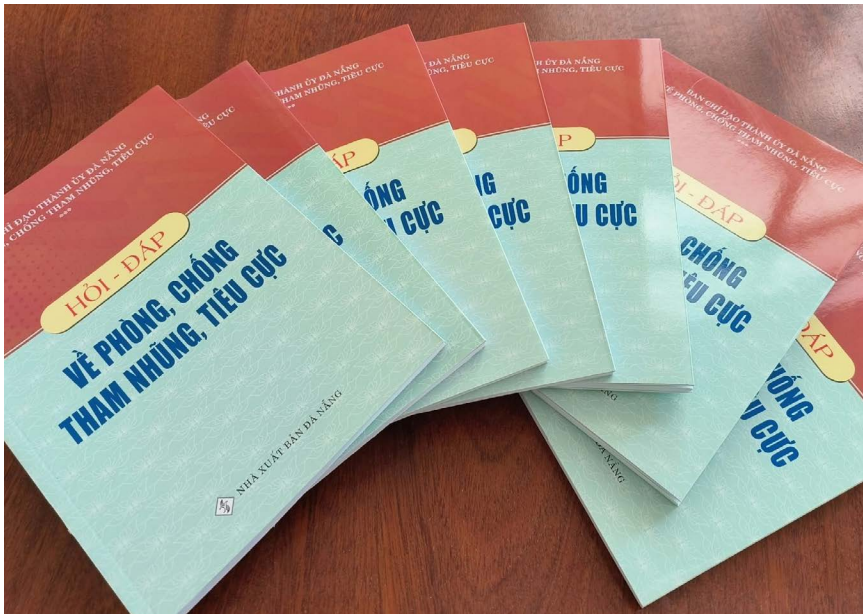
nhân, tổ chức tội phạm nhỏ lẻ liên kết với các quan chức, công chức nhà nước để hoạt động phi pháp, thu lợi chủ yếu về vật chất như buôn ma túy, sản xuất và tiêu thụ hàng giả, chứa chấp mại dâm, bảo kê, giết thuê, tống tiền, rửa tiền đến gian lận giao dịch chứng khoán, buôn bán bất động sản... Mức nguy hiểm hơn là sản xuất, tiêu thụ hoặc buôn lậu các sản phẩm y học, thuốc chữa bệnh như sản phẩm dùng để khám, chẩn đoán bệnh (kit test thử vi-rút Covid-19), nội tạng người đến buôn người, nhập cư

(1) Chambliss, W. J., State-Organized Crime: The American Society of Criminology, 1988 Presidential Address, Criminology Journal, Volume: 27 Issue: 2 Dated: (May 1989) Pages: 183-208, 1989, U.S. Department of justice, Office of justice program, <https://www.ojp.gov/ncjrs/virtual-library/abstracts/state-organized-crime-american-society-criminology-1988>, truy cập 16/7/2023.

(2) Fiebelkorn, A., State Capture Analysis: How to Quantitatively Analyze the Regulatory Abuse by Business-State Relationships, The World Bank Group, <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/c392604d-36d4-51b8-a82b-01b0b6a663aa/content>, Truy cập ngày 04/9/2023.

(3) Martini, State capture, an overview, Transparency International, https://www.transparency.org/files/content/corruptionqas/State_capture_an_overview_2014.pdf, Truy cập ngày 04/9/2023.

(4) Bridenthall, R. The Hidden History of Crime, Corruption, and States: An Introduction, Oxford University Press, Vol. 45, No. 3, (2012), pp. 575-581 (7 pages), <https://www.jstor.org/stable/440078835>, truy cập 16/7/2023.



lậu, buôn bán vũ khí các loại... Theo cơ quan nghiên cứu của Liên hiệp quốc về dược phẩm và tội phạm (United Nations Office on Drugs and Crime), ý thức chấp hành pháp luật yếu và tham nhũng là những yếu tố làm cho thị trường dược phẩm phi pháp phát triển. Yếu tố tham nhũng luôn tồn tại trong suốt chuỗi cung ứng thuốc và sản phẩm y học, từ khâu sản xuất cho đến vận chuyển và tiêu thụ, thông qua các bác sỹ và người buôn bán thuốc tham nhũng⁽⁵⁾. Việc buôn bán vũ khí phi pháp có liên quan đến quan chức nhà nước là một dạng nguy hiểm của tội phạm có tổ chức nhà nước. Tựu trung, mối quan hệ ngầm giữa tội phạm có tổ chức - tham nhũng - quan chức nhà nước luôn có liên quan trực tiếp đến tiêu cực như ngân sách bị rút ruột, mục tiêu đầu tư công sai lệch, suy thoái và khủng hoảng kinh tế, nghèo đói, kém phát triển, thậm chí là sự sụp đổ của các quốc gia, chế độ.

Ở Việt Nam, thời gian qua,

tội phạm có tổ chức nhà nước phát triển, móc ngoặc với cán bộ của Đảng, công chức Nhà nước và cán bộ trong hệ thống chính trị để tham nhũng, tiêu cực, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nhiều mặt. Nhận thức rõ nguy cơ này, Đảng ta, đứng đầu là Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã lãnh đạo, chỉ đạo vô cùng quyết liệt, kiểm tra, xử lý rất nghiêm khắc các vụ việc có tính chất tội phạm có tổ chức nhà nước. Nhiều vụ việc bị phanh phui, đưa ra xử lý, xét xử công khai cho thấy các tội phạm, bị cáo nằm ngay trong hệ thống Đảng, Nhà nước, từ cán bộ cấp ủy, chính quyền đến sỹ quan các cấp của Công an Nhân dân, Quân đội Nhân dân, cán bộ viện kiểm sát, thanh tra, tòa án, ngoại giao...Hàng trăm cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền; hàng chục tướng lĩnh thuộc Công an và Quân đội bị xử lý kỷ luật, thậm chí nhiều người bị xử lý hình sự. Qua các vụ việc thấy rõ mối quan hệ và hành vi cấu kết của các cán bộ Đảng, quan

chức chính quyền, tướng lĩnh quân đội, công an đối với tội phạm bên ngoài (phần nhiều là doanh nghiệp) để thực hiện hành vi phạm tội, chủ yếu là hối lộ, tham nhũng và chạy án khi có nguy cơ bị điều tra đã đến mức rất nghiêm trọng.

Theo Báo cáo Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012 - 2022 do Bộ Chính trị tổ chức năm 2022, trong 10 năm, hơn 2.700 tổ chức đảng, gần 168 nghìn đảng viên bị kỷ luật về Đảng, trong đó có hơn 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng; hơn 170 cán bộ cấp cao diện Trung ương quản lý, trong đó có 33 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang bị kỷ luật. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến nửa năm 2022, có 50 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 8 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 20 sĩ

(5) United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), E4J University Module Series: Organized Crime, <https://www.unodc.org/e4j/en/organized-crime/module-3/key-issues/intro.html>, Truy cập ngày 02/9/2023.

(6) Ủy Ban Kiểm tra Trung ương, Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, Cổng thông tin điện tử, <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoctong-ket-10-nam-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-giai-doan-2012-2022.html>, truy cập ngày 17/7/2023.

quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang bị kỷ luật⁽⁶⁾. Cũng theo Báo cáo này, gần 44.700 tập thể, cá nhân sai phạm đã bị đề nghị xử lý trách nhiệm; gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm được chuyển đến cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Điều đáng quan tâm là, những con số nêu trên đến nay đang theo xu hướng tăng lên.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã từng nhận định “vừa qua vụ ở Hải Dương không phải một người, mà móc ngoặc với nhau từ Bí thư Tỉnh ủy, cán bộ các cấp và còn cả với cán bộ trên Trung ương”⁽⁷⁾. “Vụ Hải Dương” mà đồng chí Tổng Bí thư đề cập là vụ tham nhũng, tiêu cực gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng cả về kinh tế - xã hội và đạo đức liêm chính, gọi là “Vụ Việt Á”, tham nhũng tiền qua đầu thầu thiết bị thử vi-rút Covid-19 (kit test). Trong vụ này, có sự móc ngoặc của doanh nghiệp Việt Á do cựu Tổng giám đốc Phan Quốc Việt cầm đầu với cán bộ, công chức cả Đảng và Nhà nước từ Trung ương⁽⁸⁾ tới địa phương, trong đó, cựu Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương Phạm Xuân Thăng là một mắt xích chủ chốt. Vụ án nhập lậu và tiêu thụ thuốc chống ung thư giả ở Tổng công ty VN Pharma và các công ty liên kết có sự câu kết của tội phạm từ trong bộ máy Cục Quản lý dược, Bộ Y tế đến cấp thứ trưởng, cục trưởng và nhiều quan chức quan trọng⁽⁹⁾. Vụ án “Chuyến bay giải cứu” là vụ tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng trong thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn

quân đang tận tâm, tận lực, hy sinh để chống đại dịch Covid-19 cứu dân. Dù vậy, một số cán bộ cao cấp của Đảng, công chức cao cấp của Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và ở một số bộ, ngành⁽¹⁰⁾ đã câu kết từ trong nước với các sù quán Việt Nam ở nước ngoài, lợi dụng tình thế ngặt nghèo của người dân muốn về nước tránh dịch, giữ tính mạng để chèn ép, tham nhũng của các doanh nghiệp, người dân một cách phi pháp và vô đạo đức. Với sự kết hợp, móc ngoặc của nhiều ngành, nhiều cấp từ trong nước ra ngoài nước, vụ này đã biểu hiện rõ một liên minh lợi ích nhóm có tổ chức tội phạm nhà nước ngay trong bộ máy Đảng và Nhà nước.

Vụ đánh bạc và rửa tiền số lượng trên một ngàn tỷ đồng do Nguyễn Văn Dương (Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH đầu tư phát triển an ninh công nghệ cao - CNC) và Phan Sào Nam (nguyên Giám đốc Công ty cổ phần VTC truyền thông trực tuyến) tổ chức đã có sự câu kết, “bảo kê” của hai cựu tướng công an thuộc Bộ Công an là Phan Văn Vĩnh - Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát và Nguyễn Thanh Hóa, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao cũng là một biểu hiện nghiêm trọng của tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước⁽¹¹⁾. Vụ án tham nhũng ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, trong đó, người đứng đầu đã chủ mưu, đưa ra chủ trương và thống nhất trong Bộ Tư lệnh để giao cấp dưới rút số lượng lớn tiền ngân sách được cấp của Quân đội

Nhân dân để chia nhau chi dùng cá nhân. Vụ này đặc biệt nghiêm trọng ở chỗ: trong một Bộ Tư lệnh quan trọng của Quân đội Nhân dân đã có sự thống nhất rất cao trong câu kết để tham nhũng, là một điển hình của tội phạm có tổ chức nhà nước trong Quân đội.

(7) Thành Chung, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng: Vụ Hải Dương, móc ngoặc nhau từ bí thư Tỉnh ủy đến cán bộ các cấp, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-vu-hai-duong-moc-ngoac-nhau-tu-bi-thu-tinh-uy-den-can-bo-cac-cap-20221015114448518.htm>, truy cập ngày 17/7/2023.

(8) Gồm những phần tử chính: Chu Ngọc Anh, nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Nguyễn Thanh Long, Nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế và một số quan chức hai bộ nêu trên, các bộ ngành liên quan.

(9) Hoàng Yến, Điềm lại vụ VN Pharma buôn bán thuốc giả qua 2 giai đoạn, Báo Pháp luật, <https://plo.vn/diem-lai-vu-vn-pharma-buon-ban-thuoc-gia-qua-2-giai-doan-post681285.html>, truy cập ngày 03/9/2023.

(10) Gồm Văn phòng Chính phủ và 5 liên bộ ngành gồm Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế, Bộ GTVT, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và xét duyệt cấp phép cho các doanh nghiệp tổ chức các chuyến bay giải cứu đưa công dân Việt Nam ở nước ngoài về nước.

(11) Thân Hoàng và Diệp Thanh, Cựu thiếu tướng Nguyễn Thanh Hóa bị đề nghị 7 năm rưỡi-8 năm tù, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/cuu-thieu-tuong-nguyen-thanh-hoa-bi-de-nghi-7-nam-ruoi-8-nam-tu-20181121143035423.htm>, truy cập ngày 03/9/2023.



Qua những vụ án điển hình nêu trên, chúng ta nhận thấy tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước ở nước ta đã phát triển ở mức cao với phạm vi rộng, tính chất rất nguy hiểm và hậu quả rất nghiêm trọng. Quá trình phạm tội của tổ chức và cá nhân có sự móc ngoặc, cấu kết giữa doanh nghiệp, cán bộ của Đảng, công chức Nhà nước thuộc cả các ngành, các cấp từ Trung ương tới địa phương; từ trong nước ra nước ngoài. Tội phạm các vụ án nêu trên đã thể hiện sự kết nối quyền lực nhà nước chặt chẽ để chèn ép, mưu cầu lợi ích vật chất, phạm tội đến cùng. Các âm mưu, thủ đoạn thực hiện rất tàn bạo, thái độ rất ngoan cố, vô cảm đến hành vi hối lộ, tham nhũng, chạy án, thao túng chính quyền trắng trợn, bất chấp cả chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và đặc biệt là cả truyền thống đạo đức Dân tộc, tiếp tục làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào chế độ. Nếu Đảng, Nhà nước và toàn thể hệ thống chính trị không sớm kiên quyết vào cuộc để đấu

tranh, xử lý nghiêm khắc thì loại tội phạm này sẽ phát triển đến mức làm chủ tình hình và trở thành là một nguy cơ của chế độ đang đến gần.

Để tiếp tục phòng, chống tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước đạt hiệu quả lâu dài và bền vững, ngoài những nhiệm vụ, giải pháp Đảng và Nhà nước đã quán triệt, thực hiện trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nói chung, tác giả xin đề xuất thêm một số ý kiến như sau:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục rộng rãi về bản chất, biểu hiện và nguy cơ của tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước ở nước ta hiện nay, trước hết là nguy cơ trong bộ máy Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Từ đó nâng cao cảnh giác, thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là những người có trách nhiệm, người đứng đầu kiên quyết chống lại, nghiêm trị các hành vi tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước.

- Kiểm soát chặt chẽ quyền

lực, các mối liên kết, sự cấu kết của cán bộ, đảng viên, công chức trong hệ thống chính trị với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân bên ngoài, trong đó chú trọng kiểm soát quyền lực từ lập pháp, hành pháp, tư pháp và hoạt động cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu để ngăn chặn, phòng ngừa việc móc ngoặc, cấu kết, thực hiện hành vi lũng đoạn có nhà nước có tổ chức.

- Chú trọng đặc biệt công tác cán bộ để phát hiện, xử lý nghiêm khắc không có vùng cấm cán bộ, đảng viên, công chức có hành vi cấu kết với tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước ngay từ khâu quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm; tiếp tục thực hiện nghiêm việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, địa bàn, đứng đầu địa phương quá 05 năm và hai nhiệm kỳ liên tiếp theo quy định.

- Xem xét xây dựng và ban hành một Nghị quyết của Trung ương Đảng về nội dung phòng, chống tội phạm có tổ chức nhà nước trong tình hình mới. Từ đó, Quốc hội xây dựng, ban hành luật, thể chế hóa thành chính sách cụ thể để toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương chú trọng thực hiện.

- Đặc biệt, giải pháp quan trọng nhất, mạng tính chiến lược gốc rễ là phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp chiến lược với người đứng đầu đủ phẩm chất liêm chính, đủ trình độ, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới như các nghị quyết của Đảng đã nêu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Cường, Tuyền Phan, Cựu Bí thư Hải Dương Phạm Xuân Thăng được chia 'hoa hồng' hợp đồng với Việt Á, Báo Thanh niên, <https://thanhnien.vn/cuu-bi-thu-hai-duong-pham-xuan-thang-duoc-chia-hoa-hong-hop-dong-voi-viet-a-185230819173422233.htm>, truy cập ngày 20/8/2023.
2. Thân Hoàng và Diệp Thanh, Cựu thiếu tướng Nguyễn Thanh Hóa bị đề nghị 7 năm rưỡi-8 năm tù, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/cuu-thieu-tuong-nguyen-thanh-hoa-bi-de-nghi-7-nam-ruoi-8-nam-tu-20181121143035423.htm>, truy cập ngày 03/9/2023.
3. Thành Chung, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng: Vụ Hải Dương, móc ngoặc nhau từ bí thư Tỉnh ủy đến cán bộ các cấp, Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-vu-hai-duong-moc-ngoac-nhau-tu-bi-thu-tinh-uy-den-can-bo-cac-cap-20221015114448518.htm>, truy cập ngày 17/7/2023.
4. Lê Mạnh Quốc, Chuyển bay giải cứu: Quy trình cấp phép thế nào? <https://www.nguoiduatin.vn/chuyen-bay-giai-cuu-quy-trinh-cap-phep-the-nao-a616916.html>, truy cập ngày 04/9/2023.
5. Hoàng Yến, Điểm lại vụ VN Pharma buôn bán thuốc giả qua 2 giai đoạn, Báo Pháp luật, <https://plo.vn/diem-lai-vu-vn-pharma-buon-ban-thuoc-gia-qua-2-giai-doan-post681285.html>, truy cập ngày 03/9/2023.
- Bridenthall, R. *The Hidden History of Crime, Corruption, and States: An Introduction*, Oxford University Press, Vol. 45, No. 3, (2012), pp. 575-581 (7 pages), <https://www.jstor.org/stable/i40078835>, truy cập 16/7/2023.
6. Ủy Ban Kiểm tra Trung ương, Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022, Cổng thông tin điện tử, <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-10-nam-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-giai-doan-2012-2022.html>, truy cập ngày 17/7/2023.
7. Nguyễn Đức Thành, Nhân vụ kit xét nghiệm nghi về hình thức tham nhũng 'cao cấp', Tạp chí Kinh tế Sài Gòn online, <https://thesaigontimes.vn/nhan-vu-kit-xet-nghiem-nghi-ve-hinh-thuc-tham-nhung-cao-cap/>, Truy cập ngày 04/9/2023.
8. Chambliss, W. J., *State-Organized Crime: The American Society of Criminology, 1988 Presidential Address*, *Criminology Journal*, Volume: 27 Issue: 2 Dated: (May 1989) Pages: 183-208, 1989, U.S. Department of justice, Office of justice program, <https://www.ojp.gov/ncjrs/virtual-library/abstracts/state-organized-crime-american-society-criminology-1988>, truy cập 16/7/2023.
9. Joel S. Hellman, J. S, và cộng sự, "Seize the state, Seize the day", *State capture, Corruption and Influence in transition*, World Bank Institute, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/537461468766474836/pdf/multi-page.pdf>, truy cập ngày 04/9/2023.
10. Martini, *State capture, an overview*, Transparency International, https://www.transparency.org/files/content/corruptionqas/State_capture_an_overview_2014.pdf, Truy cập ngày 04/9/2023.
11. Council of Europe, *Preventive legal measures against organised crime*, *Organised crime – Best Practice Survey n°9*, <https://www.coe.int/t/dg1/legalcooperation/economiccrime/organisedcrime/BestPractice9E.pdf>, Truy cập ngày 05/9/2023.
12. United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), *E4J University Module Series: Organized Crime*, <https://www.unodc.org/e4j/en/organized-crime/module-3/key-issues/intro.html>, Truy cập ngày 02/9/2023.



PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHỆ CAO Ở NHẬT BẢN, HÀN QUỐC VÀ SINGAPORE: KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● PHẠM THỊ THANH BÌNH(*)

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực công nghệ mới. Phát triển đô thị công nghệ cao ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore được quan tâm trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI là do hai xu hướng đáng chú ý: Một là, sự phát triển nhanh các công nghệ mới của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Internet of Things (IoT), dữ liệu lớn (Big data) và trí tuệ nhân tạo (AI); Hai là, hơn nửa dân số thế giới (4,4 tỷ người) hiện đang sống ở các đô thị và xu hướng di dân từ nông thôn ra thành thị vẫn tăng. Ở châu Á, 3 quốc gia có đô thị công nghệ cao nổi bật, đó là Tokyo, Seoul và Singapore.

1. Khái niệm, đặc điểm và tiêu chí đánh giá đô thị công nghệ cao

Đô thị công nghệ cao (đô thị công nghệ đổi mới sáng tạo – innovative tech cities) là khu vực

đô thị tập trung nhiều công ty công nghệ, công ty khởi nghiệp và nhân tài. Đô thị công nghệ

(*) PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Đại học Mở Hà Nội

(1) Hiện 55% dân số thế giới sống ở các khu vực thành thị và con số đó dự kiến sẽ tăng lên 68% năm 2050.

cao có hệ sinh thái mạnh về đầu tư mạo hiểm, có nhiều tài năng và nguồn lực hỗ trợ cho sự phát triển các công ty công nghệ. Dân cư trong khu đô thị công nghệ cao có mức sống cao với nền văn hóa sôi động. Đô thị công nghệ cao thu hút nhiều tài năng hàng đầu trong ngành công nghệ. Đô thị công nghệ cao châu Á sở hữu 2 đặc điểm nổi bật, đó là:

Thứ nhất, mức đổi mới sáng tạo đô thị (level of innovation in a city). Đổi mới sáng tạo (innovation) đưa ra các ý tưởng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp quá trình sản xuất hiệu quả hơn. Năng suất, số lượng đầu ra trên một lượng đầu vào tăng do đổi mới. Nhiều hàng hóa và dịch vụ được sản xuất, dẫn đến mở rộng kinh tế khi năng suất tăng. Các chỉ số chính để đánh giá mức độ đổi mới trong đô thị công nghệ cao gồm: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các ngành công nghệ cao, mức vốn đầu tư mạo hiểm, chi tiêu cho đầu tư và phát triển (R&D), số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế quốc tế. Chỉ số hàng đầu của môi trường đổi mới sáng tạo là số lượng và quy mô các công ty khởi nghiệp công nghệ. Châu Á là nơi sinh sống của 37% các công ty khởi nghiệp kỳ lân thế giới (so với 48% của Mỹ và 11% châu Âu) và được định giá hơn 1 tỷ USD (2019⁽²⁾). Các đô thị công nghệ cao cam kết bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tăng cường đổi mới sáng tạo, tăng trưởng của các kỳ lân (unicorns).

Đổi mới sáng tạo là nền tảng cho sự thành công của đô thị. Sự

kết hợp giữa đổi mới và tài năng ở các đô thị tạo ra năng suất cao hơn và tăng trưởng kinh tế dài hạn hơn. Các đô thị kết hợp hai đặc điểm này cũng có khả năng phục hồi tốt hơn khi đối mặt với các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính. Đổi mới sáng tạo là chìa khóa cho tăng trưởng kinh tế trong tương lai, là động lực giúp phát triển công nghệ.

Thứ hai, mức tập trung nhân tài trong đô thị (concentration of talent present in a city). Những đô thị công nghệ cao (Hi tech Cities) thu hút và giữ chân những nhân viên công nghệ giỏi nhất. Các tiêu chí đánh giá mức tập trung nhân tài trong đô thị công nghệ cao là chất lượng giáo dục đại học, trình độ học vấn của người dân, tỷ lệ dân số trong độ tuổi từ 20 – 40 tuổi, tỷ lệ việc làm trong các ngành công nghệ cao.

Châu Á được hưởng lợi từ nguồn nhân tài lành nghề ngày càng đông đảo với hệ thống giáo dục chất lượng cao, đào tạo những sinh viên tốt nghiệp có chuyên môn trong các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học máy tính và kinh doanh. Nhóm nhân tài bị thu hút bởi các hệ sinh thái khởi nghiệp sôi động, mang đến những cơ hội làm việc với các công nghệ tiên tiến và mô hình kinh doanh sáng tạo.

Những đô thị công nghệ cao nổi bật ở châu Á như Tokyo (Nhật Bản) Seoul (Hàn Quốc) và Singapore được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Điều kiện kinh doanh, môi trường đổi mới sáng tạo, mức chi phí và tính khả dụng của khu công nghệ⁽³⁾.

2. Thực trạng phát triển đô thị công nghệ cao của Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc

Cả 3 đô thị công nghệ cao nổi bật: Tokyo (Nhật Bản), Seoul (Hàn Quốc) và Singapore đều sở hữu nhiều công ty công nghệ lớn với các công nghệ đứng hàng đầu thế giới cùng nhiều công ty công nghiệp đổi mới sáng tạo và nhiều sản phẩm khoa học công nghệ hiện đại thế giới.

2.1. Đô thị công nghệ cao Singapore. Là thành phố công nghệ cao nổi tiếng nhất châu Á với nhiều công ty công nghệ lớn như IBM, Microsoft, Google, Singapore là trung tâm R&D quan trọng, là điểm đến hàng đầu thế giới cho đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các ngành công nghệ cao. Singapore sở hữu nhiều công ty công nghệ cao trong các lĩnh vực như công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo và thương mại điện tử. Hầu hết các công ty công nghệ lớn nhất thế giới như Amazon, Google, Apple, Microsoft đều có chi nhánh tại Singapore với nhiều công ty khởi nghiệp công nghệ và những cá nhân am hiểu công nghệ. Những công ty công nghệ hàng đầu ở Singapore bao gồm Cơ quan Phát triển Infocomm Singapore (IDA - Infocomm Development Authority), Singtel, StarHub và Ngân hàng DBS (Development Bank of

(2) Programming Asia Pacific Tech Cities As Global Tech Hubs, 2019, PowerPoint Presentation (cbrevancouver.com)

(3) Đánh giá của công ty đầu tư và dịch vụ bất động sản thương mại của Mỹ.CBRE (Coldwell Banker Richard Ellis)

Bảng: Tiêu chí đánh giá đô thị công nghệ cao châu Á

Chỉ số	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Điều kiện kinh doanh - Business Conditions (40%)	Chính sách của chính phủ (Government Policy)	-Thuế suất % trên lợi nhuận -Tác động kinh doanh của các quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
	Kinh phí (Funding)	-Dễ dàng tiếp cận vốn vay -Nguồn vốn đầu tư mạo hiểm
	Cạnh tranh (Competition)	-Cường độ cạnh tranh địa phương -Năng lực giữ chân nhân tài của quốc gia
	Qui mô thị trường (Market Size)	-Tổng sản phẩm trong nước (GDP) -Tăng trưởng GDP
Môi trường đổi mới – Innovation Environment (40%)	Nghiên cứu và phát triển (Research & Development)	-Chi tiêu của công ty cho R&D -Chất lượng của các tổ chức nghiên cứu khoa học,Hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong R&D
	Sẵn sàng về công nghệ (Technological Readiness)	-Sự sẵn có của các công nghệ mới nhất -Hấp thụ công nghệ cấp độ doanh nghiệp FDI và chuyển giao công nghệ
	Khởi nghiệp (Startup)	-Quy mô khởi nghiệp công nghệ -Số lượng startup công nghệ trong top1000 toàn cầu
	Nguồn lực trí tuệ (Talent Pools)	-Chất lượng giáo dục toán học và khoa học -Sự sẵn có việc làm của các nhà khoa học và kỹ sư
Chi phí và tính khả dụng - Cost and Availability (20%)	Chi phí lao động (Labour cost)	Chi phí của kỹ sư phần mềm
	Thuê mướn (Rents)	Giá thuê văn phòng hoặc khu công nghệ phù hợp với các công ty công nghệ
	Tính khả dụng (Availability)	Văn phòng trống và nguồn cung mới
	Khu công nghệ (Tech Parks)	Quy mô khu công nghệ

Nguồn: *Programming Asia Pacific Tech Cities As Global Tech Hubs, 2019, PowerPoint Presentation (cbrevancouver.com)*. Nghiên cứu của công ty đầu tư và dịch vụ bất động sản thương mại của Mỹ. CBRE (Coldwell Banker Richard Ellis)

Singapore).

Sự kết hợp của cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, môi trường kinh doanh thuận lợi, luật sở hữu trí tuệ nghiêm ngặt và chính quyền

đô thị hiểu biết đã củng cố vị thế Singapore là đô thị công nghệ hàng đầu châu Á. Năm 2018, có 80 trong số 100 công ty công nghệ hàng đầu thế giới đã thiết

lập sự hiện diện tại Singapore. Đô thị công nghệ tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh được thúc đẩy bởi các công ty khởi nghiệp hưng thịnh tập trung vào



các lĩnh vực như Internet vạn vật (IoT), công nghệ xe tự lái và dữ liệu lớn (Big data). Cơ sở hạ tầng CNTT của Singapore là một trong những cơ sở hạ tầng tốt nhất thế giới. Singapore xếp vị trí thứ 4 về cơ sở hạ tầng kỹ thuật số (sau Đan Mạch, Hoa Kỳ, Thụy Điển) và dẫn đầu châu Á. Hai công nghệ sáng tạo nổi bật nhất ở Singapore, gồm:

Một là, Sáng kiến quốc gia thông minh (Smart Nation Initiative) là án công nghệ lớn của Singapore, sử dụng công nghệ để cải thiện giao thông vận tải và các dịch vụ công cộng, như chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Thông qua công nghệ, Singapore thực hiện chiến lược “chính phủ kỹ thuật số” để giúp dịch vụ của chính phủ hiệu quả hơn và tận dụng công nghệ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo cơ hội kinh tế cho người dân.

Kể từ khi khởi động Sáng kiến Quốc gia thông minh (2014), Singapore đã ứng dụng hàng loạt công nghệ thông minh

trong khu vực công và tư. Công nghệ thanh toán không tiếp xúc được áp dụng rộng rãi để thanh toán hiệu quả phương tiện giao thông công cộng.

Hai là, công nghệ xe tự lái (Autonomous Vehicle Technology): Singapore đầu tư vào công nghệ xe tự lái để giải quyết các thách thức về tắc nghẽn giao thông. Thông qua công nghệ, Singapore bổ sung hệ thống thu phí theo thời gian thực sử dụng để quản lý lưu lượng giao thông. Năm 2025, Singapore đặt mục tiêu đảm bảo tất cả ô tô trên đường phố đều là xe tự lái.

2.2. Đô thị công nghệ cao Tokyo (Nhật Bản). Tokyo là đô thị công nghệ cao số 1 thế giới năm 2018⁽⁴⁾ với nhiều sản phẩm khoa học - công nghệ lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường, như: bàn tay robot, máy bay dân dụng, máy bỏ rác thải không gian. Là trung tâm công nghệ thế giới, Tokyo có cơ sở hạ tầng - giao thông được

trang bị công nghệ hiện đại nhất thế giới.

Là đô thị tiên tiến nhất thế giới về công nghệ với những ngành công nghệ điện tử tiêu dùng nổi tiếng như Sony, Nikon, Canon, Hitachi, Toshiba, Panasonic, Tokyo có số bằng sáng chế cao nhất thế giới⁽⁵⁾, dẫn đầu nhiều lĩnh vực công nghệ khác nhau, từ máy móc điện đến công nghệ nano và là trụ sở của nhiều tập đoàn đa quốc gia nhất, như Sony, SoftBank và Toyota. Ngành CNTT và truyền thông của Tokyo đã tạo ra doanh thu 10,5 nghìn tỷ JPY năm 2022⁽⁶⁾. Những công ty công nghệ hàng đầu ở Tokyo gồm Panasonic, Fujitsu, Hitachi và SoftBank. Tokyo có nhiều các công ty khởi nghiệp công nghệ, là nhà sản xuất rô-bốt công nghiệp tích cực nhất thế giới trong nhiều thập kỷ và sản xuất hơn một nửa nguồn cung rô-bốt toàn cầu. Tokyo không mất nhiều thời gian để các ngành công nghệ khác xuất hiện. Nhật Bản đứng thứ 3 toàn cầu trong ngành công nghệ tài chính fintech. Hai công nghệ sáng tạo nổi bật nhất ở Tokyo, đó là:

Thứ nhất, sáng kiến thành phố thông minh (Smart City Initiatives). Tokyo triển khai Sáng kiến đô thị Công nghệ Sáng tạo (Innovative Tech Cities

(4) Business Insider (2018), Tokyo của Nhật Bản là thành phố công nghệ cao đứng số 1 thế giới (baohatinh.vn)

(5) Innovation Geographies (2019), Most innovative cities in the world - Iberdrola

(6) Top 10 Innovative Tech Cities in the World 2023 - BestSearchto



Initiatives) sử dụng công nghệ internet vạn vật (IoT – Internet of Things) để nâng cấp hệ thống giao thông, dịch vụ công cộng và phân tích dữ liệu mở để cải thiện quy hoạch đô thị; Sáng kiến thúc đẩy đổi mới và khởi nghiệp của Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Tokyo (Tokyo Innovation and Startup Hub) để khuyến khích công ty tư nhân phát triển và thử nghiệm công nghệ mới.

Thứ hai, Người máy và trí tuệ nhân tạo (Robotics and Artificial Intelligence). Tokyo dẫn đầu về người máy và trí tuệ nhân tạo (AI), như Viện Khoa học và Công nghệ Công nghiệp Tiên tiến Quốc gia (AIST - National Institute of Advanced Industrial Science and Technology); Người máy SoftBank (SoftBank Robotics). Tokyo áp dụng công nghệ AI để phát triển rô bốt và trí tuệ nhân tạo.

2.3. Đô thị công nghệ cao Seoul (Hàn Quốc). Là cường quốc toàn cầu về công nghệ

thông tin và truyền thông, Seoul đứng thứ 3 thế giới về các ứng dụng bằng sáng chế với nhiều công ty khởi nghiệp và công ty công nghệ nổi tiếng của Seoul như LG, Hyundai, Kia và Samsung có sự hiện diện mạnh của công nghệ Mỹ như Google, Amazon, Facebook và Apple.

Năm 2022, ngành CNTT-TT ở Seoul đã tạo ra doanh thu 78,9 nghìn tỷ won⁽⁷⁾. Những công ty công nghệ hàng đầu của Seoul như Samsung, LG, Hyundai và SK Telecom. Seoul sử dụng công nghệ IoT để cải thiện giao thông và dịch vụ công cộng và phân tích dữ liệu mở rộng để cải thiện quy hoạch đô thị. Hai công nghệ sáng tạo nổi bật nhất ở Seoul, đó là:

Một là, Sáng kiến thành phố thông minh (Smart City Initiatives): Seoul sử dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT) để cải thiện nâng cấp hệ thống giao thông và dịch vụ công cộng, sử dụng phân tích dữ liệu lớn để cải thiện quy hoạch

đô thị. Seoul khuyến khích các công ty tư nhân phát triển và thử nghiệm các công nghệ mới.

Hai là, Công nghệ 5G (5G technology): Seoul là một trong những đô thị đầu tiên ứng dụng công nghệ 5G trong di động và giao thông, từ ô tô tự lái tới các chuyến tham quan ảo đến các bảo tàng.

Cả 3 đô thị châu Á đều nằm trong top 30 đô thị tốt nhất cho hệ sinh thái khởi nghiệp. Singapore đứng vị trí 15 (40,5 điểm); Tokyo đứng thứ 11 (46 điểm); Seoul đứng thứ 8 (47,5 điểm)⁽⁸⁾. Đánh giá dựa trên 2 tiêu chí: 1) Hệ sinh thái đổi mới (Innovation Ecosystem) và 2) Hệ sinh thái khởi nghiệp (Starup Ecosystem)⁽⁹⁾. Khi công nghệ phát triển, các đô thị đang ngày càng tìm cách thu hút và thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy đổi mới, tạo việc làm và đầu tư.

3. Thể chế chính sách phát triển đô thị công nghệ cao

Để có được đô thị công nghệ cao thì ngoài nền tảng công nghệ cao thì tư duy về thể chế có vai trò rất quan trọng. Bởi cách mạng công nghiệp 4.0 thực chất là cuộc cách mạng thể chế. Công nghệ và cạnh tranh công nghệ là nền tảng chung của phát triển đô thị công nghệ cao, song thể chế là đặc thù của đô thị công nghệ cao châu Á, quyết định xây dựng nền tảng đô thị công nghệ cao. Thể chế chính sách đô thị công nghệ cao châu Á tập trung điều

(7) Olivia Lai (2023), Top 7 Smart Cities in the World in 2023 (earth.org)

chính chiến lược phát triển công nghệ mới của doanh nghiệp, ban hành các qui định bảo hộ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, tạo môi trường thuận lợi phát triển khoa học - công nghệ và tăng mức đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn khoa học công nghệ với sản xuất.

Thứ nhất, điều chỉnh chiến lược phát triển công nghiệp phù hợp, linh hoạt. Singapore tập trung hỗ trợ đào tạo và xây dựng năng lực nghiên cứu và đổi mới (R&I). Đơn giản hóa và số hóa hoàn toàn thủ tục đăng ký thành lập công ty, doanh nghiệp mới (15 phút để đăng ký và 1,5 ngày để thành lập doanh nghiệp), hỗ trợ cho các công ty khởi nghiệp công nghệ.

Nhật Bản hỗ trợ mạnh các công ty chuyển hướng sang phát triển lĩnh vực công nghệ cao. Nhật Bản ban hành “Chiến lược toàn diện cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” (2013), tập trung thúc đẩy thông minh hóa, hệ thống hóa và toàn cầu hóa. Công nghệ trọng tâm được ưu tiên phát triển của Nhật Bản trong Chiến lược là công nghệ số, công nghệ nano và công nghệ môi trường. Năm 2016, Nhật Bản thực hiện Kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ lần thứ 5 (2016 – 2020) nhằm xây dựng một xã hội siêu thông minh (Xã hội 5.0) với chiến lược “Vượt qua giới hạn, mở khóa tiềm năng” (Beyond Limits, Unlock Our Potential) bao gồm các chương trình tăng tốc cải tiến và trung tâm khởi nghiệp trong đô thị nhằm tạo ra ít nhất 20 kỷ lục công nghệ năm 2023⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, ban hành các qui định bảo hộ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Hàn Quốc hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp startup cao nhất thế giới. Năm 2017, Hàn Quốc thành lập quỹ 9 tỉ USD vốn đầu tư mạo hiểm cho các công ty khởi nghiệp startup công và tư trong lĩnh vực công nghệ⁽¹¹⁾. Nhờ vậy, Seoul đã thu hút nhiều doanh nghiệp công nghệ quốc tế đến thành lập văn phòng, trụ sở, như Google và SparkLabs Global Ventures. Năm 2021, Hàn Quốc mở chương trình hỗ trợ visa khởi nghiệp với tên gọi Hệ thống nhập cư hỗ trợ khởi nghiệp OASIS (Overall Assistance Startup Immigration System) nhằm thu hút doanh nhân ngoại quốc hoạt động kinh doanh công nghệ tại Hàn Quốc.

Năm 2020, Singapore đầu tư 19 tỷ USD cho các doanh nghiệp công nghệ⁽¹²⁾. Nhờ tài trợ và ưu đãi thuế hào phóng cho doanh nghiệp, các startup công nghệ lớn như Grab, CirclesLife của Singapore phát triển rất mạnh. Singapore tạo điều kiện cho doanh nhân nước ngoài (với chương trình EntryPass) thời hạn hai năm để thành lập doanh nghiệp, tài trợ tối thiểu 35.800 đô la Singapore cho công ty mới thành lập.

Nhật Bản thành lập hàng loạt công ty sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung cấp tài chính, hỗ trợ mua công nghệ nước ngoài tới khi các công ty đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Nhật Bản tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ, thắt chặt kiểm soát doanh nghiệp nước ngoài muốn đầu tư vào công ty

công nghệ trong nước. Dưới sự hỗ trợ của Chính phủ, các công ty sản xuất sản phẩm công nghệ cao ở Nhật Bản đã nhanh chóng trở thành những tập đoàn sản xuất sản phẩm công nghệ hùng mạnh và chiếm thị phần lớn trên thị trường quốc tế, với nhiều phát minh đóng góp cho sự thay đổi của thế giới, như: công nghệ in 3D, hệ thống định vị trên ô tô.

Thứ ba, tạo môi trường thuận lợi phát triển khoa học - công nghệ. Nhật Bản đặc biệt chú trọng đến các hoạt động khoa học - công nghệ và thành lập đô thị khoa học Tsukuba (1970), nơi thu hút các viện nghiên cứu và đào tạo, khu công nghiệp, hãng sản xuất và nghiên cứu. Năm 2005, Nhật Bản thông qua Luật Cơ bản về khoa học - công nghệ. Năm 2022, Nhật Bản đầu tư mạnh vào các lĩnh vực công nghệ cao nhằm tăng cường an ninh quốc gia. Các công nghệ đặc biệt quan trọng của Nhật Bản được thực hiện trong 20 lĩnh vực, bao gồm công nghệ siêu thanh và trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ y tế và sức khỏe cộng đồng (công nghệ sinh học

(8) Santiago S (2023), Top 30 Cities for Startup Ecosystems in 2023 (invgate.com)

(9) Theo Báo cáo khởi nghiệp của Genome năm 2022 (Genome's 2022 Global Startup Ecosystem)

(10) Tam Ho (2022), TOP 10 the biggest tech hubs in the world in 2022 - InApps

(11) Daniel Ray Tiu (2021), 6 tech hubs in Asia for founders and entrepreneurs - Tech Collective (techcollectivesea.com)

(12) Tam Ho (2022), TOP 10 the biggest tech hubs in the world in 2022 - InApps



và gene), công nghệ máy tính, robot, công nghệ giám sát, định vị và cảm biến tiên tiến.

Singapore ứng dụng các giải pháp công nghệ sáng tạo để đảm bảo cuộc sống tốt cho mật độ dân số đô thị dày đặc và cung cấp nước sạch NEWater⁽¹³⁾. Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS- Monetary Authority of Singapore) ứng dụng công nghệ trong ngành tài chính (trung tâm tài chính thông minh) để tăng hiệu quả, tạo cơ hội kinh tế và cho phép quản lý rủi ro tốt hơn.

Thứ tư, tăng mức đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) theo hướng gắn khoa học công nghệ với sản xuất. Singapore đầu tư 2,86 triệu đô la Singapore cho nghiên cứu, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và thực tế ảo⁽¹⁴⁾. Quỹ Nghiên cứu Quốc gia Singapore chi 10 triệu đô la Singapore (tương đương 7,4 triệu USD) vào quỹ đầu tư mạo hiểm doanh nghiệp khởi nghiệp. Ngành khoa học công nghệ Singapore phát triển nhanh nhờ các nhà đầu tư mạo hiểm tiếp tục đầu tư vào những công ty mới thành lập.

Nhật Bản tăng cường đầu tư nghiên cứu và phát triển cho cả khu vực công và tư, ưu tiên những lĩnh vực công nghệ cao mang tính thương mại. Kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tăng từ 2,3% GDP năm 1995 lên 3,1% GDP năm 2000 và đạt khoảng 17 nghìn tỷ Yên (1995-2000). Nhật Bản thành lập quỹ 100 tỷ yen (880 triệu USD) để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp, thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và robot. Khoa học công nghệ mới được xem là trụ cột của kế hoạch “Xã hội 5.0” Nhật Bản đang xây dựng. Chính phủ đầu tư 235 tỷ USD cho phát triển khoa học giai đoạn 2016 - 2020 và tiếp tục nâng lên hơn 270 tỷ USD trong 5 năm tiếp theo (2020-2025).

Hàn Quốc đầu tư 4,12 nghìn tỷ Won (2023), tăng từ 3,74 nghìn tỷ won (2022) cho nghiên cứu và phát triển (R&D) để thúc đẩy 12 công nghệ chiến lược lựa chọn trong kế hoạch tăng trưởng dài hạn của Hàn Quốc⁽¹⁵⁾ gồm: công nghệ chất bán dẫn và màn

hình, pin có thể sạc lại, di động tiên tiến, năng lượng hạt nhân thế hệ tiếp theo, sinh học tiên tiến, kỹ thuật hàng không và đại dương, hydro, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, truyền thông thế hệ tiếp theo, robot tiên tiến và công nghệ lượng tử.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học - công nghệ là chìa khóa giúp Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình và sớm thoát khỏi sự lệ thuộc vào công nghệ thấp với nguồn tài nguyên đang cạn kiệt dần. Tuy nhiên, những bước tiến về đổi mới sáng tạo, các chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn những điểm hạn chế. Mức độ đầu tư cho đổi mới sáng tạo ở Việt Nam thấp hơn các nước trong khu vực. Tỷ lệ đầu tư cho phát triển KHCN bao gồm cả khu vực Nhà nước và tư nhân chỉ khoảng 0,44% GDP, đứng sau Singapore (2,22%), Malaysia (1,44%), Thái Lan (0,78%)⁽¹⁶⁾. Một số kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, cần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh

(13) NEWater là nước được sản xuất từ nước đã qua sử dụng và xử lý với công nghệ màng lọc tiên tiến và khử trùng bằng tia cực tím. Nước sau xử lý sẽ rất sạch và an toàn để ăn uống.

(14) Thu Thảo (2019), Nhiều thành phố châu Á cạnh tranh thu hút startup công nghệ (thanhnien.vn)

(15) Yonhap (2022), Hàn Quốc đầu tư 2,9 tỷ USD cho 12 công nghệ chiến lược vào năm 2023 - Cổng thông tin Khoa học và Công nghệ (vista.gov.vn)

nghiệp, trường đại học, tổ chức nghiên cứu công và tăng khả năng tương tác của họ. Khoảng 80% doanh nghiệp Việt Nam không hợp tác với các trường, tổ chức nghiên cứu để thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo. Tập trung nghiên cứu các cơ chế, chính sách để tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, các viện nghiên cứu. Nhanh chóng phát triển các tổ chức trung gian thúc đẩy đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nói riêng và thị trường KHCN nói chung. Các công ty, trường đại học, các tổ chức nghiên cứu công (PRI – Public Research Institution) cần được trang bị năng lực công nghệ hiện đại vì họ là nguồn chính tạo ra đổi mới sáng tạo và họ cũng phải tương tác chặt chẽ với nhau để tạo ra hiệu ứng tổng hợp.

Thứ hai, vai trò quan trọng của chính phủ trong hoạch định các chính sách đổi mới sáng tạo. Chính phủ đóng vai trò là nhà cung cấp và điều tiết để tăng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. Tuy nhiên, sau khi năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực nội địa hóa các công nghệ tiên tiến của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trở nên mạnh, chính phủ nên đóng vai trò là người điều phối để thúc đẩy môi trường nơi khu vực tư nhân có thể tự mình tạo ra đổi mới sáng tạo. Nhà nước giữ vai trò điều phối các nguồn lực, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và khung pháp lý thống nhất nhằm thu hút sự tham gia của tất cả các thành phần kinh

tế trong xã hội cho phát triển đô thị công nghệ cao, tạo cơ chế để các bên có thể phối hợp được với nhau. Nhà nước huy động và khuyến khích các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính đầu tư, phát triển các giải pháp công nghệ số, dịch vụ tiện ích hướng đến phát triển đô thị công nghệ cao.

Để tăng tốc bứt phá trong giai đoạn công nghiệp hóa và bất kịp, Việt Nam cần tăng chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D). Đầu tư cho R&D của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ chiếm 64% tổng đầu tư cho R&D quốc gia, dù đã tăng nhiều so với giai đoạn trước, nhưng để doanh nghiệp thực sự là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia thì tỷ lệ phải đạt 75-80%.

Thứ ba, tạo lập thể chế tốt hơn cùng với các chính sách đổi mới sáng tạo nổi trội. Đổi mới sáng tạo của Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành. Khung khổ thể chế chưa đầy đủ, chưa theo kịp các nước phát triển. Vì vậy, hoàn thiện thể chế, chính sách là yếu tố hàng đầu để phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Cần chú trọng xây dựng thể chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Chấp nhận rủi ro và độ trễ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tháo gỡ những bất cập, các rào cản, vướng mắc từ cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh tế, đầu tư, thương mại để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng chính

sách khuyến khích chuyển giao công nghệ. Ưu đãi cho các công ty đầu tư vào ngành công nghệ cao, tăng cường huy động vốn cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Chính sách đổi mới sáng tạo cần có khả năng thực thi hiệu quả và phản ánh các xu hướng chính sách mới nhất. Tạo lập một thể chế tốt hơn thông qua việc thành lập cơ quan quản lý điều phối mạnh, tăng cường thực thi pháp luật. Thành lập bộ chuyên trách về đổi mới sáng tạo để thu thập và trao đổi tất cả thông tin liên quan đến chính sách đổi mới sáng tạo giữa các cơ quan, các bộ và chính quyền địa phương.

Thứ tư, tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo. Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo rất quan trọng vì con người luôn là yếu tố trung tâm của quá trình đổi mới sáng tạo. Con người sáng tạo ra các ý tưởng, đồng thời biến ý tưởng đó thành hiện thực, nghĩa là tạo ra các công nghệ, sản phẩm và dịch vụ mới. Hiện nguồn nhân lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam còn khá thấp cả về số lượng và chất lượng. Do đó, cần đào tạo và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các doanh nghiệp và tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Có chính sách thu hút nhân tài khoa học công nghệ và đổi mới

(16) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo: “Nút thắt” ở cơ chế? | Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên (khcnhungyen.gov.vn)

sáng tạo, chế độ tuyển dụng, để bắt phải chuyển từ tiêu chuẩn “thâm niên” sang “vị trí công việc”, “kết quả”.

Tóm lại, công nghệ là lĩnh vực kinh doanh quan trọng nhất toàn cầu. Sự phát triển của công nghệ chiếm 65% trong top 20 công ty lớn thế giới tính theo vốn hóa thị trường. Sự đổi mới liên tục trong lĩnh vực công nghệ thúc đẩy sự phát triển của đô thị công nghệ. Châu Á là nơi sinh

sống của gần một nửa dân số thành thị trên thế giới và gần hai phần ba dân số châu Á - khoảng 3 tỷ người - sẽ sống ở các đô thị năm 2050. Châu Á đang ngày càng nắm bắt các công nghệ kỹ thuật số mới nổi và dữ liệu lớn trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Phát triển đô thị công nghệ cao mang lại triển vọng giải quyết các vấn đề lâu dài mà các đô thị châu Á phải đối mặt trong lĩnh vực giao thông, cung cấp dịch vụ công, giáo dục, chăm sóc sức

khỏe và tiện ích. Dự báo, chỉ tiêu cho đô thị công nghệ cao ở khu vực châu Á sẽ chiếm 40% chỉ tiêu toàn cầu, tương đương 800 tỷ USD năm 2025 (Yumin Joo, 2020). Mặc dù đô thị Việt Nam khó có thể sớm trở thành đối thủ của đô thị Tokyo (Nhật Bản) hoặc đô thị Seoul (Hàn Quốc) nhưng các đô thị của Việt Nam có cơ hội cạnh tranh với các đô thị đang lên như đô thị Jakarta (Indonesia) và đô thị Băng Cốc (Thái Lan) ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Top 10 Innovative Tech Cities in the World 2023 - BestSearchto
2. Adam Fayed (2023), What are the world's most innovative cities in 2023? (adamfayed.com)
3. Olivia Lai (2023), Top 7 Smart Cities in the World in 2023 (earth.org)
4. Santiago S (2023), Top 30 Cities for Startup Ecosystems in 2023 (invgate.com)
5. Tam Ho (2022), TOP 10 the biggest tech hubs in the world in 2022 - InApps
6. Ning Wang (2021), Singapore's Experience and Enlightenment of Building a "Smart Nation", E3S Web of Conferences 251, 01069 (2021); Singapore's Experience and Enlightenment of Building a "Smart Nation" (e3s-conferences.org)
7. Shen Xiao, Wang Guohua. Research on the construction of Singapore's "smart country" based on the perspective of holistic government[J]. Journal of Information, 2018, 37(11): 69-75.
8. Wang Hualei, Li Xiaochun. Singapore Fully use information technology to build a smart country[J].
9. Smart Buildings and Smart Cities, 2016(12): 36-39.
10. Yumin Joo (2020), Smart Cities in Asia: An Introduction; (PDF) Smart cities in Asia: an introduction (researchgate.net)
11. Linh Anh (2021), Kinh nghiệm phát triển đô thị thông minh trên thế giới <https://baoxaydung.com.vn/kinh-nghiem-phat-trien-do-thi-thong-minh-tren-the-gioi-298870.html>
12. Hồng Mai (2021), Singapore – Phát triển thành phố thông minh công nghệ cao Viện Kiến trúc Quốc gia (vienkientrucquocgia.gov.vn)
13. Xuân Giao (2022), Nhật Bản đầu tư mạnh vào công nghệ cao (bnews.vn)
- Lê Minh (2021), Nhật Bản lập quỹ 880 triệu USD phát triển công nghệ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (bnews.vn)
14. Nguyễn Văn Dậy, Nguyễn Hải Hà, Đoàn Thị Thu Hằng (2014), “Kinh nghiệm của Mỹ và Nhật Bản trong việc gắn khoa học, công nghệ với thực tiễn”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (Số 19), tr. 52 - 55.
15. L. Trần Tùng (2020), Phát triển công nghiệp công nghệ cao - Kinh nghiệm từ Nhật Bản (vdi.org.vn)
16. Mỹ Anh (2021), 6 tiết lộ thú vị về dân số Tokyo - siêu đô thị hàng đầu thế giới (baoxaydung.com.vn)
17. An Chi (2020), Xu hướng đô thị thông minh tại Nhật Bản | Quốc tế (diendandoanhnghiep.vn)
18. Nam Việt (2018), Tokyo - thành phố xanh nhất châu Á | BÁO QUẢNG NAM ONLINE - Tin tức mới nhất (baoquangnam.vn)
19. Nguyễn Hà (2023), Tokyo nỗ lực trở thành thành phố khởi nghiệp số một thế giới với City-Tech.Tokyo - Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới (vneconomy.vn)



GIẢI NOBEL KINH TẾ NĂM 2023 VỚI CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ TIỀN LƯƠNG GIỮA NAM VÀ NỮ

Giải thưởng danh giá này là giải thưởng cuối cùng trong loạt giải Nobel năm nay. Giải thưởng có trị giá 11 triệu crown Thụy Điển, tương đương gần 1 triệu đô la Mỹ. Người đoạt giải Khoa học Kinh tế năm nay, bà Claudia Goldin là người phụ nữ đầu tiên làm việc tại Khoa Kinh tế Đại học Harvard và là người phụ nữ thứ ba giành giải Nobel Kinh tế.

Claudia Goldin đã cung cấp báo cáo toàn diện đầu tiên về thu nhập của phụ nữ và sự tham gia thị trường lao động qua nhiều thế kỷ. Nghiên cứu của bà tiết lộ những nguyên nhân của sự thay đổi, cũng như những nguyên nhân chính dẫn đến khoảng cách giới còn tồn tại. Phụ nữ chiếm tỷ lệ rất thấp

trong thị trường lao động toàn cầu và khi đi làm, họ kiếm được ít tiền hơn nam giới. Claudia Goldin đã tìm kiếm các kho lưu trữ và thu thập dữ liệu trong hơn 200 năm từ Hoa Kỳ, cho phép bà chứng minh cách thức và lý do tại sao sự khác biệt về giới tính trong thu nhập và tỷ lệ việc làm đã thay đổi theo thời gian.

Goldin cho thấy sự tham gia của nữ giới vào thị trường lao động không có xu hướng tăng lên trong suốt thời gian này mà thay vào đó tạo thành một đường cong hình chữ U. Sự tham gia của phụ nữ đã kết hôn giảm khi chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp vào đầu thế kỷ 19,

nhưng sau đó bắt đầu tăng lên cùng với sự phát triển của khu vực dịch vụ vào đầu thế kỷ 20. Goldin giải thích mô hình này là kết quả của sự thay đổi cơ cấu và các chuẩn mực xã hội ngày càng phát triển liên quan đến trách nhiệm của phụ nữ đối với tổ ấm và gia đình.

Trong thế kỷ 20, trình độ học vấn của phụ nữ liên tục tăng lên và ở hầu hết các nước có thu nhập cao, trình độ học vấn của phụ nữ hiện nay cao hơn đáng kể so với nam giới. Goldin đã chứng minh rằng việc tiếp cận với thuốc tránh thai đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thay đổi mang tính cách mạng này bằng cách mang lại những cơ hội mới cho việc lập kế hoạch nghề nghiệp.

Bất chấp quá trình hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ phụ nữ có việc làm ngày càng tăng trong thế kỷ 20, trong một thời gian dài khoảng cách thu nhập giữa phụ nữ và nam giới hầu như không thu hẹp lại. Theo Goldin, một phần nguyên nhân là do các quyết định về giáo dục, ảnh hưởng đến cơ hội nghề nghiệp suốt đời, được đưa ra ở độ tuổi tương đối trẻ. Nếu kỳ vọng của phụ nữ trẻ được hình thành từ kinh nghiệm của các thế hệ trước - ví dụ như mẹ của họ, những người không quay lại làm việc cho đến khi con cái lớn lên - thì sự phát triển sẽ chậm lại.

Nghiên cứu của Goldin cho thấy dù có tiến bộ trong nỗ lực

thu hẹp khoảng cách thu nhập nam nữ trong những thập niên qua nhưng có rất ít bằng chứng cho thấy sự bất bình đẳng thu nhập đó sẽ sớm kết thúc hoàn toàn. Bà cho rằng khoảng cách thu nhập giữa nam và nữ là do các yếu tố từ sự phân biệt đối xử rõ ràng đến các hiện tượng như “công việc tham lam”, một thuật ngữ mà bà đặt ra để ám chỉ những công việc được trả nhiều tiền hơn khi ai đó (thường là nam giới) làm việc với thời gian dài hơn, gây thiệt thòi cho phụ nữ vốn cần giờ làm việc linh hoạt. Bà nhận định: “Điều quan trọng là cả hai giới đều thua thiệt. Đàn ông thường quên mất thời gian dành cho gia đình và phụ nữ thường bỏ qua sự nghiệp của mình”.

Về mặt lịch sử, phần lớn khoảng cách về giới tính trong thu nhập có thể được giải thích bằng sự khác biệt về trình độ học vấn và lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, Goldin đã chỉ ra rằng phần lớn sự khác biệt về thu nhập này hiện nay là giữa nam giới và phụ nữ trong cùng một nghề nghiệp và nó chủ yếu phát sinh khi sinh đứa con đầu lòng.

Trước đó vào năm 1990, Goldin đã phát hành cuốn sách nhan đề “Hiểu về khoảng cách thu nhập theo giới tính: Lịch sử kinh tế của phụ nữ Mỹ”. Đây là một nghiên cứu có ảnh hưởng lớn về nguồn gốc của bất bình đẳng tiền lương giữa nam và nữ. Sau đó, bà tiếp tục công bố các nghiên cứu về tác động của thuốc tránh thai đối với sự

nghịệp và quyết định hôn nhân của phụ nữ và lý do tại sao phụ nữ hiện nay chiếm đa số sinh viên đại học.

“Hiểu được vai trò của phụ nữ trong thị trường lao động là điều quan trọng đối với xã hội. Nhờ nghiên cứu đột phá của Claudia Goldin, giờ đây, chúng ta biết nhiều hơn về các yếu tố cơ bản và những rào cản nào có thể cần giải quyết trong tương lai”, Jakob Svensson, Chủ tịch Ủy ban Giải thưởng Kinh tế, nhận xét.

Giải thưởng Nobel Kinh tế không phải là một trong những giải thưởng ban đầu dành cho khoa học, văn học và hòa bình được tạo ra theo ý nguyện của nhà phát minh thuốc nổ và doanh nhân Alfred Nobel. Giải thưởng này được Ngân hàng trung ương Thụy Điển thành lập và tài trợ vào năm 1968. Giải thưởng Nobel Kinh tế đầu tiên được trao vào năm 1969 và những người đoạt giải trong quá khứ bao gồm nhiều nhà tư tưởng và học giả có ảnh hưởng như Friedrich August von Hayek, Milton Friedman và gần đây hơn là nhà kinh tế học người Mỹ Paul Krugman. Năm ngoái, ba nhà kinh tế Mỹ, trong đó có cựu Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang (Mỹ) Ben Bernanke, giành giải thưởng này nhờ nghiên cứu về vai trò của các ngân hàng trong nền kinh tế, đặc biệt là trong các cuộc khủng hoảng tài chính, và chỉ ra lý do tại sao tránh để cho các ngân hàng sụp đổ là điều quan trọng ■

Việt Dũng

TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ KINH TẾ NĂM 2023

TT	TÁC GIẢ	CHỨC VỤ, NƠI CÔNG TÁC	CHUYÊN MỤC	TÊN BÀI	ST
I. Số 69 - 2023:					
1	Nguyễn Phú Trọng	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam		Tăng cường xây dựng Đảng - Yếu tố quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	4
2	Đỗ Trọng Hưng	Tiến sỹ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Thanh Hóa	Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống	Thanh Hóa triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, phấn đấu sớm trở thành cực tăng trưởng mới ở phía Bắc của Tổ quốc	9
3	Lâm Văn Mẫn	Tiến sỹ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Sóc Trăng		Phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	17
4	Đoàn Ngọc Xuân	Tiến sỹ, Vụ trưởng Vụ Xã hội, Ban Kinh tế Trung ương	Nghiên cứu - Trao đổi	Nội dung mới của Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới	24
5	Nguyễn Văn Tiến	Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam		Giao đất, cho thuê đất đối với hợp tác xã: Kiến nghị bổ sung, hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai	29
6	Quang Tiến và Trần Tiến Dũng	Tiến sỹ, Vụ Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương		Đẩy mạnh chuyển đổi số tạo động lực mới cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	33
7	Vân Khánh	Tạp chí Kinh tế		Phát triển các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, sản xuất gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, địa phương	40
8	Bùi Tiến Dũng và Đinh Thu Hằng	Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng, Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng, Vụ Quan hệ quốc tế, Văn phòng Chính phủ	Thông tin quốc tế	Nhận diện những xu hướng lớn trên thế giới và dự báo tác động đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo	44
9	Nguyễn Hồng Quang và Trần Huyền Trang	Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao Tiến sỹ, Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao		Phát triển năng lượng tái tạo: Bài học kinh nghiệm từ Mỹ	52
10	Nguyễn Quang Huy	Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương		Tổng quan kinh tế thế giới quý I/2023 và một số dự báo tiếp theo	58
11	Nguyễn Thuý Nga	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin - Tuyên truyền, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Đề cương về văn hóa Việt Nam	Giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, lâu bền của "Đề cương về Văn hóa Việt Nam" và vai trò tuyên truyền của báo chí	65
II. Số 70 - 2023:					
12	Tòa soạn	Tạp chí Kinh tế	Diễn đàn cấp cao và triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0 năm 2023	Thủ tướng Chính phủ dự và phát biểu chỉ đạo tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao về Công nghiệp 4.0	4
13	Nguyễn Đức Hiền và Nguyễn Ngọc Trung	Tiến sỹ, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Thạc sỹ, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương	Tiếp tục đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Bảo đảm an ninh năng lượng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	8
14	Ngô Xuân Hồng	Thạc sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương		Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	19
15	Bùi Tiến Dũng	Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương		Phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Một số vấn đề đặt ra và giải pháp	27
16	Lê Thị Kim Dung	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Thực hiện nghị quyết của đảng về Phát triển kinh tế - xã hội	Một số kết quả bước đầu trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị của tỉnh Tuyên Quang	37

17	Nguyễn Thanh Mân	Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum	Thực hiện nghị quyết của đảng về Phát triển kinh tế - xã hội	Xây dựng thành phố Kon Tum hiện đại, văn minh, giàu bản sắc	44
18	PHẠM THỊ THANH TRÀ	Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Nghiên cứu - Trao đổi	Thực trạng và giải pháp tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	49
19	Bùi Chí Kiên	Vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Kinh tế Trung ương		Phát triển kinh tế lâm nghiệp Việt Nam xanh, bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu	54
20	Đỗ Thị Thu Hà	Thạc sỹ, Trung tâm Thông tin, Phân tích và Dự báo Kinh tế, Ban Kinh tế Trung ương	Thông tin quốc tế	FED thắt chặt tiền tệ và một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	60
21	Nguyễn Trọng Nghĩa	Thạc sỹ, Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương		Chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn tại Nhật Bản và kinh nghiệm cho Việt Nam	70
22	Vũ Thu Trang	Bộ Khoa học và Công nghệ		Những khó khăn, thách thức của nền kinh tế Nga và các chính sách ứng phó	76
III. Số 71 - 2023:					
23	Nguyễn Phú Trọng	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam		Đối tác Chiến lược Toàn diện vì hòa bình, hợp tác, phát triển bền vững	4
24	Việt Dũng	Tạp chí Kinh tế		Dấu ấn phát triển quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ	6
25	Bùi Quang Tuấn và Hà Huy Ngọc	PGS.TS, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Tiền sỹ, Viện Kinh tế Việt Nam	Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng	Thúc đẩy tăng trưởng xanh để kiến tạo không gian phát triển nhanh, bền vững	9
26	Nguyễn Hoàng Hiệp	Tiến sỹ, Giám đốc điều hành SQV International, Phó Viện trưởng Viện NC Tin Học & Kinh tế Ứng dụng		Kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững	26
27	Nguyễn Quốc Điền	Thạc sỹ, Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương		Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển bền vững	30
28	Tạ Ngọc Tấn	GT.TS, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương	Nghiên cứu - Trao đổi	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác công tư trong phát triển kinh tế - xã hội	35
29	Nguyễn Bích Lâm	Tiến sỹ, Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê		Nâng cao năng suất lao động đảm bảo tăng trưởng kinh tế trong thế giới biến động, khó lường	46
30	Ngô Đình Xây	PGS.TS, Nguyên Vụ trưởng Vụ Lý luận chính trị, Ban Tuyên giáo Trung ương	Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Việc vận dụng mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam hiện nay	58
31	Nguyễn Quang Huy	Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương	Thông tin quốc tế	Chất lượng thể chế kinh tế và những tác động của các cuộc khủng hoảng toàn cầu	66
32	Vũ Thị Thu Thủy	Thạc sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế quốc tế và hội nhập, Ban Kinh tế Trung ương		Kinh nghiệm hội nhập quốc tế của Trung Quốc và Singapore	70
33	Trần Hồng Tiến	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Trang địa phương	Krông Pắc tập trung thực hiện 3 khâu đột phá, phát triển kinh tế đồng bộ, vững chắc	77
IV. Số 72 - 2023:					
34	Nguyễn Phú Trọng	Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam		Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam ngày càng vững mạnh	4
35	Đỗ Ngọc An	Nguyên Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương		Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới	11
36	Nguyễn Tú Anh	Tiến sỹ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, phân tích và dự báo kinh tế, Ban Kinh tế Trung ương	Triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam	Kinh tế Việt Nam 2023 và chiến lược hướng ngoại	18
37	Nguyễn Minh Phong	Tiến sỹ, Nguyên Phó Vụ trưởng- Phó Ban TTLL-Báo Nhân Dân		Kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2023 - Triển vọng năm 2024	24

38	Mai Thị Hương Giang	Thạc sỹ, Tạp chí Cộng sản	Thực tiễn - Kinh nghiệm	Thành phố Hồ Chí Minh phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”	32
39	Đinh Thế Hiển và Nguyễn Hoàng Hiệp	Tiến sỹ, Viện trưởng Viện NC Tin Học & Kinh Tế Ứng Dụng Tiến sỹ, Đại học Lincoln, Malaysia		Những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động ở Việt Nam	38
40	Nguyễn Hồng Sơn và Nhóm công tác	PGS, TS, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương	Thông tin quốc tế	Liên kết vùng, phát triển vùng ở một số nước châu Âu: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	41
41	Đậu Văn Côi	Tiến sỹ, Vụ trưởng Vụ Xã hội, Ban Kinh tế Trung ương		Tội phạm có tổ chức lũng đoạn nhà nước - Nguy cơ và giải pháp phòng, chống	49
42	Phạm Thị Thanh Bình	PGS.TS, Giảng viên cao cấp, Đại học Mở Hà Nội		Phát triển đô thị công nghệ cao ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore: Kinh nghiệm cho Việt Nam	55
43	Việt Dũng	Tạp chí Kinh tế		Giải Nobel Kinh tế năm 2023 với công trình nghiên cứu về bất bình đẳng về tiền lương giữa nam và nữ	64
V. Số chuyên đề - 2023 về Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội:					
44	Đỗ Ngọc An	Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương	Đẩy mạnh cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	Định hướng đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	4
45	Việt Dũng	Tạp chí Kinh tế		10 nội dung quan trọng của dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)	10
46	Phạm Minh Huân	Nguyên Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		Thực hiện Nghị quyết 28 - NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	17
47	Nguyễn Thế Mạnh	Bí thư Ban Cán sự Đảng, Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam		Nghị quyết số 28-NQ/TW: Lan tỏa tinh thần đổi mới và quyết tâm hành động vì mục tiêu an sinh xã hội bền vững	22
48	Bùi Thị Kiều Ly	Thạc sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Xã hội, Ban Kinh tế Trung ương		Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	30
49	Andre Gama và Nguyễn Hải Đạt	Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam		Tương lai của bảo hiểm xã hội ở Việt Nam - Góc nhìn quốc tế đối với các mục tiêu của Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	40
50	Nguyễn Thị Diệu Hồng	Thạc sỹ, Tư vấn độc lập về bảo hiểm xã hội		Một số khía cạnh cải cách bảo hiểm xã hội - trụ cột chính của an sinh xã hội	50
51	Phan Văn Mến	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội		Những kết quả đạt được của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội trong thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	56
52	Phạm Minh Thành	Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai		Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội	61
53	Thân Đức Việt	Tổng giám đốc Tổng công ty May 10		Tác động tích cực của Nghị quyết 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động	67
54	Lê Hải và Mai Thị Hương Giang	Tiến sỹ, Ủy viên Ban Biên tập, Trưởng Ban Tạp chí Cộng sản điện tử Thạc sỹ, Ban Văn hóa - Xã hội, Tạp chí Cộng sản	Tín dụng chính sách xã hội với việc bảo đảm an sinh xã hội	Tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện các mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững; tạo việc làm; xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an sinh xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội	70
55	Tổng Thu Huyền	Thạc sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Xã hội		Thực trạng huy động, quản lý, sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội và nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới	75
56	Lê Thanh Tâm và Lê Đức Hoàng	PGS.TS, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		Tăng cường an sinh xã hội với tín dụng chính sách xã hội	85